



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN  
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

# NHỮNG ĐIỀU NÊN BIẾT VỀ **PHONG TỤC VIỆT NAM**



NHÀ XUẤT BẢN  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



NHÀ XUẤT BẢN  
VĂN HÓA DÂN TỘC



NHỮNG ĐIỀU  
NÊN BIẾT VỀ  
**PHONG TỤC**  
**VIỆT NAM**

## **HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN**

**Chủ tịch Hội đồng**

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

**Phó Chủ tịch Hội đồng**

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

**Thành viên**

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

**TẢN VIỆT**

**NHỮNG ĐIỀU  
NÊN BIẾT VỀ  
PHONG TỤC  
VIỆT NAM**

**NHÀ XUẤT BẢN  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

**NHÀ XUẤT BẢN  
VĂN HÓA DÂN TỘC**

**HÀ NỘI - 2012**



## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Mỗi dân tộc có một nền văn hoá với bản sắc riêng. Những yếu tố cơ bản cấu thành nên bản sắc của một nền văn hoá riêng đó là phong tục, tập quán và nghi lễ dân gian truyền thống. Sự lưu giữ và trường tồn phong tục, tập quán trong một nền văn hoá nói lên sức sống của dân tộc. Có phong tục vẫn tồn tại theo thời gian, cũng có phong tục đã bị thay đổi hoặc biến mất cùng sự phát triển của đời sống xã hội.

Để giúp bạn đọc có thêm tài liệu tham khảo về vấn đề nêu trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc xuất bản cuốn sách ***Những điều nên biết về phong tục Việt Nam***.

Nội dung cuốn sách đề cập đến các phong tục, tập quán, nghi lễ trong các lĩnh vực: hôn nhân, sinh - dưỡng, giao thiệp, đạo hiếu, tang, giỗ, tết, tế lễ, âm - dương ngũ hành đã tồn tại ở nước ta từ cổ xưa đến nay, để bạn đọc tham khảo, tự phân tích, và tùy hoàn cảnh cụ thể vận dụng cho thích hợp...

Phong trào xây dựng nếp sống văn hoá mới hiện nay ở nước ta không chỉ đơn thuần dựa vào ý nghĩ chủ quan, mà phải biết vận dụng thuần phong mỹ tục vào nếp sống, nếp suy nghĩ, hành động, cách đối nhân xử thế, hợp với trào lưu tiến hoá. Có những phong tục cổ

truyền xuất xứ từ kinh nghiệm thực tiễn trong cuộc sống từ xa xưa, đến nay không còn phù hợp, nhưng vẫn cần nghiên cứu để biết nguyên do, từ đó mới vận dụng cho thích hợp với hiện tại và tương lai hoặc tìm ra những phong tục hay để bỏ kết mà loại trừ dần những hủ tục lạc hậu.

Đây là một chủ đề với phạm vi bao quát rộng, phức tạp, còn rất nhiều ý kiến khác nhau về nguồn gốc, xuất xứ,... của các phong tục. Tôn trọng ý kiến của tác giả và để rộng đường tham khảo, chúng tôi vẫn in những ý kiến, nhận xét của tác giả nhưng đó không phải là quan điểm của Nhà xuất bản. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin giới thiệu cuốn sách.

*Tháng 10 năm 2012*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT**



## CÙNG BẠN ĐỌC

*Đã có nhiều triết gia, nhà chính trị nói rất hay về mối quan hệ giữa quá khứ và hiện tại. Dầu vậy, chúng tôi vẫn thăm nghĩ: Dù lý trí của người đương đại có khoa học, văn minh đến đâu thì những “cái xưa” vẫn luôn tồn tại, chi phối trong đời sống thường nhật. Thậm chí về lý trí có rất nhiều điều mà con người hiện đại biết là vô lý, là hủ tục, hủ lậu thì ngày nay vẫn có thể tồn tại, bất chấp ý chí chủ quan của những nhà quản trị xã hội đương đại. Mặt khác, chính những điều tưởng như vô lý, lại có sức mạnh vô hình để chuyển hóa, phong hóa thành bản sắc của một vùng, một tộc người, hoặc cao hơn nữa là của một quốc gia. Chẳng hạn, bằng lý trí thì đời sống tâm linh - niềm tin của con người vào các tôn giáo, tín ngưỡng sẽ trở thành vô lý. Lạ thay, ngay cả những xã hội tiến bộ nhất cũng không phải mọi người đều chối bỏ phong tục, tập quán vốn có từ lâu đời. Phép duy vật biện chứng có lẽ cũng không khuyên người hiện đại làm như thế. Quan điểm lịch sử cụ thể vốn là một khái niệm xác định của triết học Mác - Lênin; “sự tiếp biến tất yếu” là một quy luật của triết học mácxít.*

*Như vậy, muốn hay không, mọi hiện tượng*

*xã hội đều phải có “tiếp” và có “biến”, nhưng trước khi có sự tiếp biến thì người đương đại rất cần biết nguyên gốc, biết nơi khởi thủy và quá trình chuyển động của nó.*

*Với những suy nghĩ này, chúng tôi soạn lại từ cuốn sách “100 điều nên biết về phong tục Việt Nam” nhằm cung cấp cho bạn đọc những hiểu biết cơ bản về phong tục xưa. Chúng tôi mong rằng: thông qua những thông tin về tục xưa của người Việt sẽ giúp cho bạn đọc có cách lựa chọn, ứng xử phù hợp với đời sống đương đại. Không có gì “nhất thành bất biến”. Nếu có chút tham vọng nào đó, mong các nhà quản lý xã hội, đặc biệt là ở cấp cơ sở, hiểu rõ hơn về những việc đang diễn ra hằng ngày ở cộng đồng, để có giải pháp quản lý tốt hơn.*

*Cái gì bảo tồn, cái gì phát huy; cái gì cần bài trừ hoặc phục hồi để phù hợp với công cuộc xây dựng đời sống mới sẽ phụ thuộc vào quyết định của các nhà quản lý. Tuy vậy, trước khi đưa ra chủ trương, giải pháp, thì (theo chúng tôi) các nhà quản lý rất nên biết nguồn gốc của các hiện tượng xã hội đã trở thành tập quán, phong tục của cả một cộng đồng...*

*Hy vọng, việc tham khảo cuốn sách này giúp mọi người đổi mới cách nghĩ, cách làm để có một xã hội “tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc”.*

TÂN VIỆT

## I. HÔN NHÂN

### **Nam nữ thụ thụ bất thân nghĩa là gì?**

Đây là câu nói của miệng, quen dùng chỉ mối quan hệ nam nữ theo quan niệm của nhà nho.

Người đàn ông và người đàn bà ngày xưa trao cho nhau cái gì, nhận của nhau cái gì, đều không trực tiếp tận tay, mà bấm nháy, ra hiệu gì với nhau chẳng? (Hai chữ "*thụ thụ*" trái ngược nghĩa: một chữ "*thụ*" là trao cho, một chữ "*thụ*" là nhận).

Hai người muốn mời nhau ăn trầu, thì người chủ tằm trầu, xếp vào cối trầu, đặt giữa bàn, khách tự lấy ăn. Lễ giáo phong kiến thật khắt khe, việc tỏ tình yêu trực tiếp khó mà thực hiện được, họa chăng chỉ còn đôi mắt thâm lén nhìn nhau!

Người châu Âu từ nhỏ đến già, theo phép lịch sự bắt tay nhau, khiêu vũ với nhau là chuyện thường. Nhưng, người Việt Nam nói riêng và người Á Đông nói chung, nếu vô ý chạm vào da của người khác giới thì coi như có cử chỉ không đứng đắn.

Người đàn ông có thái độ suồng sã sẽ bị đàn

bà xa lánh, nhưng không đáng lo bằng người con gái lẳng lơ, bị xã hội dèm pha thì khó mà lấy được tấm chồng cho đáng tấm chồng. Vì vậy mà các nhà quyền quý thường "cấm cung" con gái. Ngay từ tuổi thơ đã sớm hình thành sự ngăn cách giới tính. Thời phong kiến xưa, chỉ những người có tư tưởng tân tiến mới cho con gái đi học, và có đi học thì con trai ngồi riêng con gái ngồi riêng. Trai gái đi cùng nhau, vui chơi cùng nhau bị bạn bè cùng lứa chế nhạo. Có hội hè đình đám cũng phải phân biệt đàn ông đứng bên trái, đàn bà đứng bên phải.

Ở thành thị, vợ chồng nằm ngủ với nhau một giường là chuyện bình thường, nhưng ở nông thôn đàn bà nằm nhà trong, đàn ông nằm nhà ngoài đã trở thành nếp rồi. Ngày xưa, phổ biến mọi nơi đều thế, ngày nay lệ đó vẫn còn ở nhiều vùng, nhiều nhà.

### **Mối lái là gì?**

Trong xã hội phong kiến xưa "nam nữ thụ thụ bất thân" nên hôn nhân cần phải có người môi giới. Nếu yêu nhau, cưới hỏi không cần mối lái sẽ bị chê trách là "phải lòng nhau", "mắc phải bùa yêu". Nguyễn Du đã vạch đường cho Kim Trọng, Thúy Kiều cứ yêu nhau rồi sẽ "liệu bài mối manh" nên các cụ nhà nho mối kịch liệt phản đối, khuyên con cháu rằng:

*Đàn ông thì chớ Phan Trần,*

*Đàn bà thì chớ Thúy Vân, Thúy Kiều*

Chu Mạnh Trinh vịnh Kiều còn cho rằng:  
*"Chỉ vì một tội mối manh chưa có, thể thoát đã  
nhiều; trăng gió mắc vào, phồn hoa dính  
mãi"...* Nếu không có "mối manh" thì nhà trai  
làm sao biết được người thực nữ trong cửa các  
phòng khuê.

Trong xã hội cũ, có những người chuyên làm  
nghề mối lái, nếu đẹp đôi vừa lứa thì bà mối trở  
thành ân nhân suốt đời. Lễ tơ hồng xong, tạ bà  
mối một nửa mâm xôi, nửa con gà kèm thêm  
chiếc áo lụa. Chấn thàng cho con dâu lòng cũng  
cố mời bà mối đến dự, để tỏ nghĩa tri ân. Nhưng  
cũng có nhiều tai họa do những bà mối có động  
cơ bất chính gây nên, để đôi trẻ suốt đời mang  
mối hận vì phận hẩm duyên hiu:

*..."Hoặc là bởi "Mẹ thầy lộn quýt"<sup>1</sup>, quen  
những thói mơ tôm mắng cá, qua lại ít nhiều  
ngọt miệng, ép uống duyên cô nông nổi thế,  
nặng tiền tài mà nhẹ gánh tình chung. Hay vì  
chứng "Mối lái đèo bông", chẳng nhằm khi vào  
lộng ra khơi, nói phô mật rót vào tai, đổ dành*

---

1. Tiếng Hà Tĩnh: "Lộn quýt" là cách nói na ná  
"lẫn quất" để đối với "đèo bông" tức "đa mang". Một  
cách chơi chữ trong văn thơ cũ: "Cam quýt" đối với  
"bưởi bông".

*phận gái ngẩn ngơ tình, già nhân sự để non quyền tạo hóa*"<sup>1</sup>...

Ở xã hội mới vẫn cần có bà mối, bà mối thời nay là người tư vấn, người đỡ đầu cho đôi trẻ xây dựng hạnh phúc lâu dài. Trong tương lai, có lẽ đóng vai trò bà mối lại là những phương tiện thông tin đại chúng (như quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng) và những công ty dịch vụ, câu lạc bộ những người độc thân...

### **Lễ vấn danh có ý nghĩa gì?**

"*Lễ vấn danh*" là lễ nhà trai đến nhà gái để hỏi tên tuổi cô gái, ngày nay gọi là lễ "*chạm ngõ*" hay là lễ "*dạm*" (có nơi gộp cả lễ *dạm* và hỏi cùng một lúc gọi là lễ *dạm hỏi*). Truyện Kiều có câu "*Tiện đưa canh thiếp trước cầm làm ghi*". "*Canh thiếp*" là giấy ghi họ tên, tuổi, quê quán, tên bố mẹ.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ở nhiều vùng nông thôn, con gái từ khi sinh ra đến trước khi lấy chồng vẫn chưa đặt tên. Con gái không được vào sổ hộ, sổ làng; không đi học nên không cần đặt tên. Ở nhà, lúc mới sinh con gái được gọi là con Hăm, con Mực, con Chắt...

---

1. *Văn tế sống người con gái*- Một bài văn tế khuyết danh được truyền tụng ở Hà Tĩnh hồi đầu thế kỷ XX.

Trong nhà gọi tên gì thì hàng xóm, bà con gọi theo tên đó. Đến khi làm lễ vấn danh, ông bác hoặc bố mới đặt tên để ghi vào giấy hôn thú, có khi chính người mang tên cũng không biết là mình mang tên gì trong giấy hôn thú, vì khi về nhà chồng thì lại gọi theo tên chồng, khi có con gọi theo tên con, có cháu đích tôn gọi theo tên cháu. Lễ vấn danh không phải chỉ hỏi tên mà chủ yếu là hỏi tuổi, để hai họ quyết định đôi nam nữ hợp tuổi nhau thì lấy được nhau, tuổi xung khắc thì thôi.

Trong hôn nhân xưa, chỉ chú trọng: có môn đăng hộ đối hay không, có hợp tuổi không, gia đình nào thận trọng mới tìm hiểu kỹ "công, dung, ngôn, hạnh" (thường là các gia đình gia giáo). Chẳng thế mà nhiều chàng trai, trước khi cưới chưa biết mặt vợ; mà có những ông bố chồng là người chủ động đi hỏi dâu cũng không biết mặt con dâu, do đó trong gia đình sau này mới xảy ra nhiều chuyện oái oăm:

*"Cảm ơn ông bà thương đến, tôi xin đồng ý gả, nhưng xin thưa chuyện trước: con tôi mồm mép chẳng bằng ai!"*

Tưởng như vậy là mình tìm được con dâu hiền hậu, không đánh đá chua ngoa, ai ngờ cưới về mới biết con dâu sứt môi! Nhưng đã lỡ việc, biết tính sao?

Lại còn có trường hợp đánh tráo: khi đi hỏi

thì cho thằng em nhanh nhẹn và "sạch mặt" hơn đóng vai chàng rể, đến khi cưới về lại cưới cho thằng anh dần dộn, xấu xí. "Miếng trầu nên dâu nhà người", biết tính sao đây? Dù sao cũng mang tiếng một đời chồng.

### **Nên hiểu “lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống” như thế nào?**

Đối với các cụ thì câu hỏi này thừa, vì "Nòi nào giống ấy", "Cây nào quả ấy", "Giỏ nhà ai quai nhà ấy", "Con nhà công chả giống lông cũng giống cánh", và ai chẳng muốn có trai lành gái đảm, rể thảo dâu hiền. Thời nay, một số bạn trẻ coi thường việc “lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống”, cho chuyện đó là phong kiến lạc hậu. Có những đôi trai gái chỉ mới gặp nhau trên một quãng đường đã vội đính ước, tính chuyện vuông tròn, thậm chí họ đã biết rõ cả "ngọn nguồn lạch sông"!!!. Đành rằng cũng có trường hợp "một ngày nên nghĩa, chuyến dò nên duyên", song thành công là cá biệt, thất bại là phổ biến.

"Kén tông, kén giống" không có nghĩa là tìm chốn sang giàu, khinh người nghèo khó, mà chủ yếu là tìm nơi có gia giáo, có đức độ vì "cha mẹ hiền lành để đức cho con", ngược lại "đời cha ăn mặn, đời con khát nước"... Ngoài ra việc “kén” này còn tính đến ghen di truyền, mà ông bà ta hay nói "nòi nào giống ấy".



Con người sinh ra lớn lên do nhiều yếu tố xã hội chi phối, nhưng nam nữ thanh niên mới lớn lên, trường đời chưa từng trải, giáo dục gia đình là yếu tố quan trọng và chủ đạo. Trong quan hệ vợ chồng không phải lúc nào mọi việc cũng suôn sẻ. Khi có việc khó khăn, trục trặc trong cuộc sống, ai cũng muốn nhờ điều hay lẽ phải để giải quyết thỏa đáng. Đó là lúc cần dựa vào "*tông*" và họ hàng, tìm những tình cảm chân thành và những tri thức đúng đắn.

### **“Giọt máu đào” trong hôn nhân?**

Ở các nước Âu - Mỹ, anh chị em con chú bác ruột vẫn có quyền lấy nhau. Qua tác phẩm "*Ôgiêni Grăngđê*" ta thấy mối tình giữa hai anh em con chú bác ruột Grăngđê và Ôgiêni sở dĩ trắc trở là do thói keo kiệt biển lận của lão Grăngđê, chứ tác giả không hề dả động đến vấn đề chung huyết thống.

Trung Quốc là một nước chịu ảnh hưởng của văn hóa phong kiến sâu nặng hơn nước ta nhiều, nhưng anh chị em con cô, cậu ruột, con dì ruột vẫn được lấy nhau. Ví dụ Bảo Thoa, Bảo Ngọc... trong "*Hồng lâu mộng*" yêu nhau, lấy nhau là chuyện bình thường.

Ở nước ta, dưới triều Trần, con cháu nhà vua chỉ được lấy người trong Hoàng tộc (lấy sang họ khác sợ bị nạn ngoại thích cướp ngôi).

Hùng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lấy Thiên Thành Công chúa, tức là cô ruột của mình. Vua Trần Thánh Tông lấy Thiên Cảm Hoàng hậu, tức chị con bác ruột. Vua Trần Minh Tông lấy Lệ Thánh Hoàng hậu, tức em con chú ruột, đều là cháu nội vua Trần Nhân Tông...

Thuyết di truyền học đã khẳng định người có chung huyết thống mà kết hôn với nhau thì qua nhiều đời dòng giống bị thoái hóa, có trường hợp bị quái thai, vì vậy anh em họ lấy nhau, kể cả họ nội hay họ ngoại, đều không có lợi.

Còn trong dân gian từ triều Lê trở về sau, nếu trong họ nội thân cùng quê mà lấy nhau thì bị gọi là hỗn thú, họ hàng không chấp nhận. Nếu cùng họ nhưng đã xa đời, thuộc chi khác nhau hoặc đã xa quê (gọi là biệt tổ ly tông), thì vẫn lấy nhau được. Vì vậy, anh chị em con cô, cậu ruột coi như khác họ vẫn có quyền làm thông gia với nhau. Ca dao tục ngữ trong dân gian còn ca ngợi trường hợp cháu cậu mà lấy cháu cô, coi như "thóc lúa trong bồ, giống má nhà ta".

Luật pháp nước ta quy định cùng chung huyết thống ba đời, kể cả bên bố hay bên mẹ, đều không được lấy nhau. Tuy vậy, trong thực tế nên giữ đến năm đời không kết hôn với nhau càng tốt. Dù sao những người đó vẫn ít nhiều có điểm chung của "giọt máu đào".

## Sự tích tơ hồng

"*Tơ hồng Nguyệt lão thiên tiên*" dựa theo tích Vi Cố gặp ông lão trong một đêm trăng, ngồi kiểm sách hướng về phía mặt trăng, sau lưng có cái túi đựng đầy dây đỏ. Ông lão cho biết đây là những văn thư kết hôn của thiên hạ. Còn những sợi dây đỏ để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành vợ thành chồng. Một hôm, Vi Cố vào chợ gặp một bà già chột mắt ẩm đứa bé đi qua. Bỗng ông già lại hiện lên báo cho biết đứa bé kia sẽ là vợ anh. Vi Cố giận, bảo đầy tớ tìm giết đứa bé ấy đi. Người đầy tớ lén đâm đứa bé giữa đám đông rồi bỏ trốn. Mười bốn năm sau, quan Thứ sử Trương Châu là Vương Thái gả con gái cho Vi Cố. Người con gái dung nhan tươi đẹp, giữa lông mày có trang điểm một bông hoa vàng. Vi Cố gạn hỏi, vợ mới trả lời: *Thuở còn bé, một bà vú họ Trần bế vào chợ bị một đứa cuồng tặc đâm phải*. Vi Cố hỏi: *Có phải bà vú đó chột mắt không?* Người vợ trả lời: *Đúng thế!* Vi Cố kể lại việc trước, hai vợ chồng càng quý trọng nhau cho là duyên trời định sẵn.

## ***Tình yêu làm cho con người lú lẫn***

*... Tâu Thượng đế, theo hạ thần thì Thượng đế không cần đòi lại trí khôn của con người. Làm như thế không khỏi mang tiếng là Thượng*

đế nhỏ nhen. Điều mà Thượng đế nên làm là hạn chế trí khôn của con người.

- Bằng cách nào?

- Chỉ có tình yêu. Không có gì làm con người lú lẫn đi như trong tình yêu. Thượng đế chỉ cần phái một vị thần mang một sợi vòng dây xuống trần, cứ đôi trai gái nào ở gần nhau thì quăng cho một vòng. Người nào càng thông minh thì cần quăng thêm cho nhiều vòng. Con người sẽ chỉ luẩn quẩn trong những chiếc vòng ấy và sẽ chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện lên quấy nhiễu nhà Trời nữa.

Thượng đế khen: "Thật là diệu kế!". Bèn truyền cho ông tiên già mang những chiếc vòng của Thượng đế xuống trần gian.

Từ ngày bị ông tiên già khoác vào người mình những vòng dây tình ái, con người chỉ luẩn quẩn với nhau, không còn nghĩ tới chuyện đánh nhau với Trời nữa. Ông tiên già ấy được gọi là ông Tơ<sup>1</sup>.

### **Tục thách cưới**

Đã "thách" là dở, hoặc dở nhiều mà hay ít. Thời nay tự do luyến ái hôn nhân được tôn trọng, Luật hôn nhân và gia đình đã giải phóng

---

1. Phạm Công: "Ông tơ bà nguyệt", báo *Phụ nữ Hà Nội*, số Xuân Canh Ngọ năm 1990.

cho nam nữ thanh niên, nhưng luật tục còn gò bó, trói buộc. Thách cưới cũng là một lệ tục lạc hậu còn rơi rớt lại, trói buộc cả nhà trai lẫn nhà gái, có khi làm cho chàng rể phải bỏ cuộc mà nổi thiệt thòi nhất lại rơi vào thân phận người con gái, bởi vì cũng mang tiếng một đời chồng, dù sao cũng làm cho những chàng trai khác phải ngại, xui nên phận hẩm duyên hiu. Ngay thời trước các cụ cũng đã có câu "Giá thú bất luận tài". Đáng lẽ nên vợ nên chồng, thành gia thành thất, là mừng cho cả hai gia đình, nhưng gặp phải một vài bà cô, ông bác bên nhà gái khó tính, thách cưới nào là quần áo, nón dép, nào rượu bánh cau trầu, chè thuốc, nào nếp tẻ, lợn gà, nào nhãn xuyên, hoa tai, tiền mặt, lại còn tính đủ cổ dâu cổ cưới bao nhiêu mâm, nên nhà trai phải bỏ cuộc. Cũng có đám nhà trai cố chạy ngược chạy xuôi, lo xong việc rồi kéo cày trả nợ. Song, ngay từ buổi thành hôn, nghĩa vợ chồng, tình thông gia đã bị sút mẻ, đó là mầm mống gây nhiều bất trắc về sau.

Cũng có trường hợp, nhà gái túng thiếu không thể tự lực cung cấp cho đủ cái lệ làng "trả nợ miệng", đòi hỏi nhà trai phải lo chu toàn. Cũng có trường hợp bố mẹ cô dâu còn phải xuất ra gấp năm gấp mười lần, và sau khi thành thân còn cho con gái, con rể nhiều thứ, nhưng cũng thách cưới cao để tránh tiếng xì

xào, đàm tiếu, cho rằng con mình dở duyên nên phải cho không.

"*Hay ít*" là để dành cho những gia đình có học thức, không thách tiền, thách của mà thách chữ nghĩa văn chương với ý đồ chọn rể con nhà gia thế, với hy vọng tương lai con gái mình còn được "*lòng anh đi trước võng nàng theo sau*" chứ không đến nỗi rơi vào những anh chàng "vai u thịt bắp" nơi "nước mặn đồng chua".

Trong dân gian còn lưu truyền câu chuyện cụ Phan Điện thách cưới như sau:

*Cụ Phan Điện (quê ở Đức Thọ, Hà Tĩnh) có người con gái khá xinh. Hoàng Mạnh Trí nguyên Tổng đốc Nam Định, tục gọi là Thượng Nam, con Quận công Hoàng Cao Khải, là người cùng quê, cùng lứa tuổi với cụ Phan Điện. Mạnh Trí muốn lấy con gái của Phan Điện, thực tình là lấy về làm nàng hầu (vì Mạnh Trí đã có vợ, hơn nữa tuổi tác hai người chênh lệch khá nhiều) bèn cho gia nhân đến dạm hỏi.*

*Cụ Phan Điện giả vờ khúm núm trình thưa:*

*- Phúc đức cho gia đình nhà tôi quá, con gái tôi được sửa tui nâng khăn cho cụ lớn, tôi còn ước ao gì hơn.*

*Gia nhân về tâu báo lại, Mạnh Trí khắp khởi mừng thầm, hôm sau sai gia nhân đến tạ ơn và hỏi:*

*- Vậy cụ thách cưới bao nhiêu tiền và lễ vật, xin cụ cho biết để tôi về bẩm với cụ Thượng.*

- Quý hóa quá! Xin đa tạ! Con tôi được về sửa túi nâng khăn hầu cụ lớn đã là diễm phúc lớn cho cả họ nhà tôi rồi, tôi còn dám thách gì nữa. Nhờ ngài về báo lại: Điện này chỉ xin cụ lớn hai lạy, chỉ hai lạy thôi!.

Gay quá, chả lẽ là người có học mà không biết lễ nghi tối thiểu! Lấy con gái người ta thì phải gọi người ta bằng bố, cưới vợ thì phải lạy tạ bố mẹ vợ. Nhưng, đường đường là bậc đại thần của triều đình mà phải lạy một người dân nghèo bạch đình cùng lứa tuổi thì còn ra thể thống gì nữa?

Cuối cùng Mạnh Trí đành phải đánh bài lờ, bỏ cuộc, để lại cho thiên hạ những nụ cười hả hê, khoái trá về tài đối đáp của cụ Phan Điện<sup>1</sup>.

### **Bánh su sê hay bánh phu thê?**

Trong lễ cưới có nhiều lễ vật, nhưng không thể thiếu bánh "*phu thê*", một số địa phương nói chệch thành bánh "*su sê*".

Bánh phu thê làm bằng bột, đường trắng, dừa, đậu xanh và các thứ hương ngũ vị, nặn hình tròn, bọc bằng hai khuôn hình vuông úp lại với nhau vừa khít, khuôn làm bằng lá dừa, lá cau hoặc lá dứa, vỏ không luộc để giữ màu xanh thắm.

---

1. Theo lời kể của bà Phan Thị Lập con gái của cụ Phan Điện.

Sở dĩ gọi là bánh phu thê (chồng vợ) vì đó là biểu tượng của đôi vợ chồng phận đẹp duyên ưa: vuông tròn, trong trắng mềm dẻo, ngọt ngào, thơm tho, xanh thắm, đồng thời cũng là biểu tượng của trời đất (trời tròn, đất vuông) có âm dương ngũ hành: ruột trắng, nhân vàng, hai vỏ xanh úp lại buộc bằng sợi dây hồng.

### **Tiền nạp cheo là gì?**

Tiền "Cheo" (hay treo) là khoản tiền nhà trai nạp cho làng xã bên nhà gái. Trai gái cùng làng xã lấy nhau cũng phải nạp cheo song có giảm bớt. Xuất xứ của lệ "*nạp cheo*" là tục "*lan nhai*" tức là tục chằng dây ở dọc đường hoặc ở cổng làng. Đầu tiên người ta tổ chức đón mừng hôn lễ, chúc tụng, có nơi còn đốt pháo mừng. Để đáp lễ, đoàn đưa dâu cũng đưa trầu cau ra mời, đưa quà, đưa tiền biếu tặng. Dần dần có những người làm ăn bất chính, lợi dụng tục chằng dây để vòi tiền, sách nhiễu, trở thành lệ tục xấu. Vì thói xấu lan dần, gây nhiều cản trở, triều đình phải ra lệnh bãi bỏ. Thay thế vào đó, cho phép làng xã được thu tiền cheo. Khi đã nạp cheo cho làng, tức là đám cưới được làng công nhận, có giấy biên nhận. Ngày xưa, chưa có thủ tục đăng ký kết hôn, thì tờ nạp cheo coi như tờ hôn thú. Nạp cheo so với chằng dây là tiến bộ. Ở nhiều địa phương khoản tiền cheo này được dùng vào



việc công ích như đào giếng, đắp đường, lát gạch, xây cổng làng,... Nhưng ở nhiều nơi khoản tiền này chỉ cung đốn cho lý hương chè chén. Lệ này bị bãi bỏ hơn nửa thế kỷ nay. Thanh niên ngày nay chỉ còn thấy bóng dáng của tiền cheo qua ca dao - tục ngữ:

- *Nuôi lợn thì phải vớt bèo*

*Lấy vợ thì phải nộp cheo cho làng.*

- *Cưới vợ không cheo như tiền gieo xuống suối.*

- *Ông xã đánh trống thỉnh thỉnh*

*Quan viên mũ áo ra đình ăn cheo.*

- *Lấy chồng anh sẽ giúp cho.*

...

*Giúp em quan tám tiền cheo*

*Quan năm tiền cưới lại đèo bông cau.*

### **Cách gỡ bí cho bạn trẻ khi lo đám cưới**

Đáng lẽ mừng đám cưới nhưng lệ tục trói buộc thành ra lo đám cưới. Tục cũ đã truyền nhiễm lâu không dễ một mai đổi ngay được. Vậy phải làm thế nào?

Để giúp các gia đình cưới dâu, một số vùng nông thôn có tục góp lễ cưới: đầu năm gia đình báo cho họ hàng, làng xóm biết dự định cưới dâu vào tháng nào, thông thường vào sau vụ thu hoạch. Lần lượt các gia đình đóng góp các khoản gạo nếp, gạo tẻ, đậu xanh, rượu hoặc tiền theo định lượng. Còn lợn gà các thì gia đình

tự lo liệu lấy. Tục góp lễ cưới cũng giống như hội tương tế tương trợ, hội cày cấy, hội lợp nhà... luân phiên các gia đình. Đây là một tục hay, cùng nhau lo dần đến lượt mình đỡ phải lo những khoản lớn. Tiền, quà cưới của khách, bạn đưa tới thực chất cũng là hình thức góp lễ cưới, nhưng không chủ động được kế hoạch, thứ có không cần, thứ cần không có, thành ra tốn kém. Ngày nay, lệ chơi họ, chung vốn để kinh doanh buôn bán cũng xuất phát từ hình thức góp tiền giúp nhau để làm nhà, cưới vợ, tậu trâu bò ở nông thôn. Vì xuất phát từ việc họ hàng giúp nhau nên mới gọi là chơi họ. Nếu đoàn thanh niên địa phương nào vững mạnh, cán bộ đoàn công tâm, liêm khiết, tháo vát mà tổ chức "Hội chơi họ cưới vợ" (có kế hoạch quản lý kinh doanh, sử dụng chặt chẽ) ắt được nhiều bạn thanh niên hưởng ứng, tham gia... Bước đầu cũng đã có một số địa phương tổ chức "dịch vụ đám cưới" như mua sắm cho thuê quần áo cưới, bát đĩa, ấm chén, bàn ghế, phong màn, tổ chức trang trí, chụp ảnh, ca nhạc... vừa kinh doanh gây quỹ, vừa phục vụ thuận tiện, có chế độ ưu đãi với người góp cổ phần, với đoàn viên.

### **Cô dâu trước khi về nhà chồng cần phải có những thủ tục, động tác gì?**

Khi nhà trai bắt đầu đến đón dâu thì cô dâu

cùng với chú rể đến trước bàn thờ gia tiên, khấu đầu làm lễ, tự khấn niệm xin tổ tiên chấp nhận kể từ nay nên vợ nên chồng, phù hộ cho trăm năm duyên ưa phận đẹp, cầm sắt giao hòa. Cũng có thể nhờ gia trưởng khấn hộ cho có bài bản. Lễ xong, hai người đưa hộp trầu, bao thuốc, đi mời chào thân nhân, khách, bạn khắp một lượt, trước hết là những người bề trên, cao tuổi, khách trước, người nhà sau, những đám cưới có tổ chức thường đã có sự sắp xếp vị trí sẵn. Trong khi chào mời, cô dâu phải giới thiệu cho chàng rể biết mối quan hệ để biết cách xưng hô.

Sau cùng, trước khi bước ra cửa để về nhà chồng là lễ tạ cha mẹ: cha mẹ ngồi sẵn một phía ở cửa chính, nếu ông bà nội ngoại còn thượng tại có đến dự thì ông bà cũng ngồi chung một phía, nhưng ở ghế cao hơn. Thời xưa cả đôi tân hôn đều phải lạy hai lạy, ngày nay châm chước, cúi đầu cung kính "*Xin phép ông bà, cha mẹ con về nhà chồng*", "*Xin phép ông bà, cha mẹ con xin đón em X về*". Lúc đó, cha mẹ ban phát cho con gái, con rể một vật gì đó làm kỷ niệm, có thể là một cái bút, một gương soi nho nhỏ, một cuốn sách hoặc một chiếc khăn, chiếc quạt... Nhà giàu có còn cho thêm hoa tai, nhẫn cưới hoặc quan tiền... (Chú ý, những thứ này nhà trai đã đưa đến hôm lễ

nap tài. Trong gói quà của bà mẹ cho con gái có cái trâm cài tóc, hoặc bảy chiếc kim đính tóc hoặc kim khâu gói trong khăn vuông).

Đối với ông bà cũng có những động tác tương tự.

### **Lễ xin dâu và thủ tục tiến hành**

Lễ này rất đơn giản: Trước giờ đón dâu, nhà trai cử một hoặc hai người, thường là bà bác, bà cô, bà chị của chú rể đưa một coi trầu, một be rượu đến xin dâu, báo trước giờ đoàn đón dâu sẽ đến để nhà gái sẵn sàng đón tiếp.

Phong tục này có nhiều ý nghĩa hay:

Mặc dù hai gia đình đã quy ước với nhau từ trước về ngày giờ và thành phần đưa đón rồi, nhưng để đề phòng mọi sự bất trắc, mọi tin thất thiệt, nên mới định ra lễ này, biểu hiện sự cẩn trọng trong hôn lễ.

Thời gian này chú rể và cha mẹ chú rể rất bận rộn không thể sang nhà gái, nên nhờ người đại diện sang báo trước như là "tiền trạm".

Để trong trường hợp vạn nhất hoặc do thời tiết, hoặc do trở ngại giao thông, qua giờ quy ước mà đoàn đón dâu chưa đến, nhà gái biết để chủ động làm lễ gia tiên.

Trường hợp hai gia đình cách nhau quá xa hoặc quá gần, hai gia đình có thể thỏa thuận với nhau miễn bớt lễ này hoặc nhập lễ xin dâu và đón dâu làm một.

Cách nhập lễ xin dâu và đón dâu tiến hành như sau:

Khi đoàn đón dâu đến ngõ nhà gái, đoàn còn chỉnh đốn y trang, sắp xếp lại thứ tự ai đi trước, ai đi sau, thì khi đó một cụ già đi đầu họ cùng với một người đội lễ (một mâm quả trong đựng trầu cau, rượu...) vào trước đặt lên bàn thờ, thắp hương vái rồi trở ra dẫn toàn đoàn vào làm lễ chính thức đón dâu. Lễ này phải tiến hành rất nhanh. Thông thường nhà gái vái chào xong, chủ động xin miễn lễ rồi một vị huynh trưởng cùng ra luôn để đón đoàn nhà trai vào.

### **Mẹ chồng làm gì khi con dâu bắt đầu về nhà?**

Phong tục ở mỗi địa phương một khác, có khi trái ngược nhau nhưng đều có ý nghĩa hay.

Ngày xưa ở nhiều địa phương Nghệ An, Hà Tĩnh có lệ tục mẹ chồng ra cất nón cho con dâu:

Nhà trai đặt sẵn trước ngõ một cái nồi đồng, một cái gáo, trong nồi đặt sẵn một quan tiền đồng và đựng đầy nước trong. Cô dâu vào đến cổng dùng gáo múc nước rửa mặt mũi, chân tay, mẹ chồng bước ra cất nón cho con dâu. Con dâu, một tay cầm lấy quan tiền, một tay vẫn cầm quạt che mặt. Mẹ chồng dắt con dâu vào nhà đặt quan tiền và cái quạt lên bàn thờ,

cúi đầu lễ gia tiên (bốn lạy ba vái theo tư thế của nữ). Sau đó mẹ chồng dắt cô dâu cầm cả tiền và quạt vào buồng. Trong buồng đã chuẩn bị sẵn trầu, nước, hoa quả, giường chiếu mới. Đôi chiếu trải úp vào nhau, do một người thân trong họ có tuổi tác, vợ chồng song toàn, con cháu đông, làm ăn phát đạt, được gia đình mời đến trải chiếu; nếu mẹ chồng có đủ tiêu chuẩn trên thì mẹ chồng trực tiếp dọn giường trải chiếu, nhưng bố chồng thì không được. Trường hợp mẹ chồng đã mất thì một bà cô hay bà dì thay thế. Khi con dâu nghỉ ngơi xong, khăn yếm chỉnh tề mới bưng hộp trầu ra chào họ.

Phong tục này có nhiều ý nghĩa:

- Thời xưa, con dâu trước khi về làm dâu, còn hoàn toàn xa lạ, bỡ ngỡ, chưa biết đâu là buồng đâu là bếp, ai là bố mẹ chồng. Trừ trường hợp hàng xóm quen biết nhau từ trước, là thân phận con gái chưa cưới đã về nhà trai thì bị dư luận gièm pha là con nhà hư đốn. Có người chồng lại rụt rè e lệ, có trường hợp trước lễ cưới chưa hề tỏ mặt nhau, vậy nên mẹ chồng niềm nở ra đón con dâu, dắt dâu vào nhà là hay, là phải lễ. Mới bước về nhà chồng đã được tổ tiên, ông bà, cha mẹ chồng ban phúc lộc, dồi dào như nước - quan tiền là biểu tượng vốn liếng của riêng mà mẹ chồng trao cho.

Nhiều địa phương lại có tục khác: khi con dâu vừa vào đến nhà thì mẹ chồng cầm chiếc bình vôi tạm lánh sang hàng xóm ít phút.

Tục đó cũng có ý nghĩa hay: tức là mẹ chồng đã xác định vai trò, trách nhiệm làm chủ của con dâu, mẹ chồng sẵn sàng trao quyền lo công việc trong nhà cho con dâu, nhưng không phải trao toàn quyền, đẩy hết trách nhiệm mà bà vẫn là người nắm quyền điều hành, vì bình vôi là vật tượng trưng cho bà Chúa trong nhà.

### **Tại sao mẹ cô dâu kiêng không đi đưa dâu?**

Trong chế độ phong kiến cũ, hôn nhân cưỡng ép, cha mẹ đặt dâu, con ngồi đấy. Thực ra, trong nhiều gia đình, người cha quyết định mọi việc, người mẹ chỉ biết tuân theo. Vì thế đã xảy ra một số trường hợp oái oăm: Ngày con gái vu quy đáng lẽ là ngày vui nhất trong đời nhưng người thì khóc lóc buồn tủi vì bị ép buộc, người thì lo sợ cảnh làm dâu, làm vợ, từ tấm bé chưa rời mẹ, nay tự nhiên mẹ con xa nhau; mẹ thương con còn thơ dại cũng mũi lòng sụt sùi khóc. Trong khi hai họ đang vui mừng ở nhà ngoài, thì hai mẹ con lủi thủi, cắp nón ra về. Tiệc tan, nhà trai chẳng tìm thấy cô dâu đâu. Qua một vài đám kiếu như vậy, người ta rút kinh nghiệm không nên để mẹ cô dâu đi đưa dâu, dần dần bắt chước nhau, trở thành tục lệ.

Ở một vài địa phương, cả bố cô dâu cũng không đi đưa dâu với lý do con mình đã gả bán cho người. Tuy rằng trong văn sách có ghi "*Giá thú bất luận tài*" nghĩa là không bàn đến tiền tài trong việc cưới hỏi, nhưng không hiểu vì sao trong ngôn từ Việt Nam lại kết hợp "*Gả bán*" liền nhau.

Ngày nay hôn nhân tự do, trai gái tìm hiểu, yêu nhau, kết hôn trên cơ sở tình yêu đôi lứa, cha mẹ chỉ tham gia góp ý, hướng dẫn, vì vậy cha mẹ có nên đến dự lễ vui của hai con không? Ngày nay đã có nhiều đám cưới bỏ tục kiêng này.

**Tại sao trong gói quà mẹ cho con gái trước giờ vu quy có một chiếc trâm hay bảy chiếc kim?**

Tục này chỉ là một điều bí truyền do người mẹ thủ thi "tâm sự" với con gái vào buổi trước khi về nhà chồng. Thời trước, cô dâu quấn khăn nhiễu trên đầu, có đính mấy chiếc kim trên khăn là đủ hiểu rồi. Vì không có tài liệu thành văn, vì có những trường hợp mẹ mất sớm hoặc đám cưới xa quê vắng mẹ, nên nhiều bà mẹ thời nay (vốn là cô dâu ngày trước) không biết để truyền tiếp cho con gái. Xuất xứ của tục này là đề phòng tai biến "phạm phòng".



Còn tại sao lại 7 chiếc kim: Theo quan niệm cổ truyền "*Nam thất nữ cửu*" (đàn ông 7 vía, đàn bà 9 vía), vì để phòng xa cho con rể nên bà mẹ vợ chỉ đưa 7 chiếc kim - chứ không phải dùng cho con gái vì con gái không bị phạm phòng.

### **Tại sao phải có phù dâu?**

Tục lệ xưa cần có phù dâu vì hôn nhân cưỡng ép, do cha mẹ định đoạt, nhiều nơi lại có nạn tảo hôn, thông thường thì "nữ thập tam nam thập lục", con gái mười ba tuổi về nhà chồng đã biết gì đâu! Do đó cô dâu phải có người dắt dẫn. Người dắt cô dâu gọi là phù dâu.

Ngày xưa phù dâu phải là người cô, người dì hay chị em thân thiết của cô dâu, có khả năng thuyết phục, bày vẽ cho cô dâu, được cô dâu kính nể, mến phục, được bố mẹ cô dâu ủy thác. Người phù dâu phải là người may mắn, tốt phúc, duyên ưa, phận đẹp, con cái lành mạnh ngoan ngoãn, gia đình êm ấm, đề huề, có thể truyền kinh nghiệm làm dâu, làm vợ, làm mẹ cho em, cho cháu mình. Phù dâu nhiều khi còn phải ở lại đêm bảy ngày sau để cho cô dâu đỡ buồn và để chỉ bảo kinh nghiệm. Thông thường phù dâu cũng trở về với cô dâu chú rể trong lễ lại mặt.

Đám cưới thời xưa phải có phù dâu, không định lệ, và cũng không có danh từ "*phù rể*".

Đám cưới thời nay, nhiều nơi có cả phù dâu, phù rể, có đám mời đến năm sáu đôi phù dâu, phù rể toàn là trai thanh, gái lịch chưa vợ chưa chồng. Có lẽ chủ yếu để cô dâu, chú rể thêm bạn.

### **Lễ lại mặt có ý nghĩa gì?**

Lễ thành hôn, tơ hồng, hợp cẩn xong xuôi, hai vợ chồng tân hôn trở về nhà gái mang theo lễ vật để tạ gia tiên, ông bà cha mẹ, đi chào họ hàng thân nhân bên nhà gái, sau đó đón bố mẹ và vài thân nhân sang nhà chú rể. Kể từ buổi đó, mẹ cô dâu mới chính thức tới nhà rể và nhà thông gia, vì trong lễ cưới, mẹ cô dâu (có nơi cả bố) không đi đưa dâu. Lễ lại mặt thường tiến hành vào ngày thứ hai hoặc thứ tư sau ngày cưới (gọi là nhị hỷ hoặc tứ hỷ) tùy theo khoảng cách xa gần và hoàn cảnh cụ thể mà định ngày. Thành phần chủ khách rất hẹp, chỉ gói gọn trong phạm vi hai gia đình.

Phỏng theo tục cổ Trung Quốc: Nếu trong lễ lại mặt, có cái thủ lợn cắt lỗ tai tức là ngầm báo với nhà gái rằng nhà trai trả lại cô gái, vì con gái ông bà đã mất trinh (đêm tân hôn có lót giấy bản, gọi là giấy thám trinh, để xem người con gái còn trinh tiết hay không. Nếu còn trinh thì trên giấy bản sẽ có mấy giọt máu.

Mã Giám Sinh sau khi cưỡng ép phá trinh nàng Kiều xong dùng "*nước vô lựu*", "*máu mào gà*" hồng lường gặt làng chơi tưởng nhầm là Kiều vẫn còn trinh).

Trường hợp hai nhà xa xôi cách trở, bố mẹ hai bên tuổi đã cao thì nên miễn cho nhau, cô dâu chú rể nếu bận công tác cũng nên được miễn. Nếu điều kiện cho phép thì nên duy trì, vì lễ này mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp:

- Nhắc nhở con đạo hiếu, biết tạ ơn sinh thành, coi bố mẹ vợ cũng như bố mẹ mình.

- Thắt chặt và mở rộng mối quan hệ thông gia, họ hàng ngay từ buổi đầu, tình cảm được nhân đôi.

- Hai gia đình cùng trao đổi rút kinh nghiệm về việc tổ chức hôn lễ và bàn bạc về trách nhiệm của hai bên bố mẹ trong việc tác thành cuộc sống cho đôi trẻ trong tương lai.

### **Khi người đàn bà tái giá có những thủ tục gì?**

Đàn ông lấy vợ gọi là thú, đàn bà lấy chồng gọi là giá. Có nhiều trường hợp đàn bà phải tái giá: Một là duyên không ưa, phận không đẹp phải ly hôn; hai là nửa đường đứt gánh, góa bụa khi tuổi còn xoan...

Ở đây chúng tôi không đề cập đến sự khác nhau giữa luật hôn nhân thời xưa, thời nay và

những quy định bất công đối với phụ nữ trong hôn nhân thời phong kiến mà chỉ đề cập đến phong tục, trong đó một số phong tục còn duy trì đến ngày nay:

- Cha mẹ chỉ gả bán một lần, lần sau không tham gia cưới hỏi.

- Đàn bà góa, tục gọi là "nạ dòng", ít có trường hợp lấy được trai tân, phần lớn làm vợ kế hay vợ lẽ, nói chung là chấp nối tơ duyên, "rủ rá cạp lại" nên lễ cưới hỏi chỉ bó hẹp trong phạm vi thân nhân gia đình và vài bà con xóm giềng.

- Trường hợp bỏ nhau (ly hôn)

Bỏ nhau mà chưa có con với nhau thì "Trai chê trai bỏ, gái chê gái đền". Nhiều khi nhà trai bắt đền tiền lễ seo, lễ tết, lễ hỏi, lễ cưới nhiều gấp đôi gấp ba lần số tiền nhà trai đã bỏ ra cưới, bên nhà gái cũng phải chịu, do đó có nhà phải bố trí cho con gái trốn biệt tích. Dư luận xã hội cũng thiên vị, đánh giá con gái bị chồng rẫy là "nửa trôi sông chẳng đập thì gãy". Con gái đã "lộn" chồng, cha mẹ chưa chấp trong nhà cũng bị dư luận xã hội lên án.

Bỏ nhau mà đã có con thì nhà gái không phải đền tiền nữa nhưng không có quyền được bắt con đi theo mẹ cũng không được mang của cải gì về nhà mình, mọi thứ của cải đã làm ra đều là

của chồng, trù ruộng hoa nữ, quần áo, đồ trang sức cũ của cha mẹ sắm cho. "Ruộng hoa nữ" tức là của hồi môn của cha mẹ cho con gái, tuy có giao khế ước cho nhà trai, nhưng không quy định quyền của người bên nhà chồng sang thu tô. Nếu vợ chồng trực tiếp sản xuất thì chỉ thu hoạch xong vụ đó.

Nếu đã ly hôn tức là đoạn tình, không còn tang chế với nhà chồng, chỉ còn mẹ và con để tang cho nhau, đều một năm.

- Trường hợp góa bụa: Người đàn bà ở lại thờ cha mẹ chồng và ông bà chồng đến khi mãn tang mới được lấy chồng khác.

Nếu cha mẹ chồng mất trước, vợ chồng chưa ở riêng thì ở cùng anh, chị dâu cả. Trong hoàn cảnh không có nơi nương tựa mới xin về ở với cha mẹ đẻ hoặc anh chị em ruột.

Trước khi tái giá người đàn bà góa phải lo liệu cho chồng cũ được mồ yên mả đẹp, làm lễ tạ chồng cũ, khấn cầu được phù hộ.

Nếu cha mẹ chồng còn thượng tại cũng đưa trầu rượu đến lễ tạ để xin phép đi bước nữa. Con còn nhỏ dại thì có thể xin phép ông bà nội, nếu ông bà nội đã mất thì "*quyền huynh thế phụ*", xin phép bác cả được đưa con đi theo. Con đã lớn thì tùy hoàn cảnh, ở lại với ông bà nội, hoặc về với ông bà ngoại hay đi cùng với mẹ. Nhưng ở đâu đứa con cũng thuộc quyền bên nội.

Theo *Thọ Mai gia lễ*<sup>1</sup>, người mẹ bị bố bỏ gọi là xuất mẫu, người mẹ góa lấy chồng khác gọi là giá mẫu. Đối với giá mẫu hoặc xuất mẫu, con chỉ để tang một năm. Nếu người mẹ vẫn nuôi con thì những đứa con được nuôi vẫn để tang mẹ ba năm; bố dượng nuôi thì để tang bố dượng một năm, không nuôi thì không phải để tang.

Trường hợp vợ chồng đã ly hôn một thời gian, sau cùng nhau thỏa thuận nối lại, hoặc chưa chính thức ly hôn nhưng người đàn bà bỏ chồng ra đi nay muốn trở về thì không gọi là tái giá, nhưng trước khi trở về phải làm lễ tạ gia tiên nhà chồng và cha mẹ chồng. Điều này không quy định đối với chàng rể và cha mẹ vợ.

Xét theo phong tục cổ truyền và luật lệ phong kiến đối với các vụ ly hôn có nhiều điểm bất công đối với phụ nữ. Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) đã bãi bỏ những điểm bất công đó, thể hiện trong các khoản về quyền lợi, trách nhiệm nuôi con và chia tài sản công bằng hợp lý hơn. Trường hợp tái giá sau khi góa chồng, xét theo thủ tục xưa có nhiều điểm thể hiện được tình thủy chung, đạo nghĩa làm vợ làm dâu, song thời hạn đợi chờ ba năm mãn tang mới được tái giá thì quá câu nệ khắc khe, ảnh hưởng không hay tới thân

---

1. Hồ Sĩ Tân: *Thọ Mai gia lễ*, Bản chữ Hán (Bản khắc gỗ).

phận người phụ nữ cần phải sớm bước đi bước nữa, sớm ổn định cuộc sống gia đình tương lai, có khi còn ảnh hưởng tới thân phận con cái của người chồng cũ đang thơ dại cần người san bớt gánh nặng, làm dịu bớt nỗi lo buồn mẹ góa con cô. Ngay từ ngày xưa tục lệ này ở nhiều vùng cũng đã được nói rộng, không nhất thiết chờ mãn tang mới tái giá. Nhưng không nên quá vội vã, thiên hạ sẽ chê cười. Tích truyện "*Quạt mồ, đập sàng*" sau đây chế giễu người đàn bà không chung tình vẹn nghĩa với chồng.

Chuyện kể rằng: Có hai người đàn bà, một người sau khi chồng chết ngày nào cũng đến bên mộ chồng vừa quạt mộ vừa khóc lóc thảm thiết. Thiên hạ đi qua ai cũng bùi ngùi cảm động khen ngợi chị này thương chồng vô hạn. Song dò hỏi kỹ mới biết chị ta ngồi quạt mộ, mong cỏ đắp mộ chồng chóng tươi xanh trở lại, để chị chóng được đi lấy chồng khác, kéo mang tiếng với đời là chồng chết chưa xanh cỏ đã vội lấy chồng khác. Lại một người đàn bà khác thề thốt nặng lời khi chồng còn sống nhưng khi chồng chết chưa kịp chôn cất đã bắt tình với bạn của chồng. Không ngờ khi đập sàng ra mới biết là chồng giả chết để thử lòng chị ta.

**Tại sao "nạ dòng" không lấy được "traai tơ"?**

Ngày xưa những người đàn bà góa chồng hay

bị chồng bỏ thì chỉ còn cách lấy lẽ hay lấy kế, mặc dù còn trẻ còn xoan cũng ít ai lấy được trai tân (traoi tơ). Những ai là trai chưa vợ mà kết duyên với gái đã có một đời chồng, dù ít tuổi hơn mình, cũng bị làng trên xã dưới cười chê. Ngược lại, có những đức lang quân đã ngoại tứ tuần, đã hai ba đời vợ vẫn lấy được con gái tơ chỉ bằng tuổi con mình. Như vậy mà thiên hạ vẫn khen là đẹp đôi vừa lứa.

Luật hôn nhân phong kiến có nhiều điều bất công đối với phụ nữ. Luật hôn nhân và gia đình ngày nay đã thực hiện đúng nam nữ bình quyền, nhưng tập tục dư luận xã hội vẫn còn bất công đối với phụ nữ. Vậy muốn thực sự giải phóng phụ nữ, phụ nữ phải tự đấu tranh đòi giải thoát khỏi những mặc cảm vô lý nói trên. Đề nghị các cấp lãnh đạo, trước hết là cán bộ đoàn thể phụ nữ, hướng dẫn dư luận xóa bỏ dần những mặc cảm bất công trên.

### **Quan hệ vợ cả - vợ lẽ trước đây**

Trước đây, ngoại trừ chế độ mẫu hệ, còn trong chế độ phụ hệ người đàn bà chẳng mấy ai có chồng cả, chồng lẽ; ngược lại đàn ông năm thê bảy thiếp là chuyện thường, càng quyền quý cao sang càng lắm vợ. Minh Mạng có 142 con; "Nhất dạ ngũ giao, tam hữu dụng" (trong một đêm ngủ với năm bà thì ba bà có thai), còn bao



nhiều vợ thì không thể thống kê được. Nguyễn Công Trứ 73 tuổi, lấy vợ lẽ thứ 10, đem tâm hôn cảm tác:

*Tân nhân dục vấn: Lang niên kỷ?*

*- Ngũ thập niên tiền nhị thập tam*

*(Nàng muốn hỏi anh: Chàng mấy tuổi?)*

*- Năm mươi năm trước mới hăm ba).*

Đạo Thiên chúa chỉ cho phép con chiên một vợ một chồng.

Thông thường vợ cả lấy trước, vợ lẽ lấy sau. Nhưng có trường hợp người con trai đi làm ăn xa nhà, tự ý lấy vợ, chưa được cha mẹ và họ hàng chấp nhận, ở quê cha mẹ lại dạm hỏi sẵn cho một cô vợ khác bắt về cưới. Người vợ do cha mẹ cưới hỏi, dầu rằng lấy sau nhưng vẫn là vợ cả. Người vợ tự ý chọn, nếu sau này được cha mẹ chấp thuận, mặc dù con cái đều đã lớn, nhưng vẫn phải chịu phận làm lẽ. Con vợ bé dầu nhiều tuổi hơn vẫn phải chào con vợ cả đang ẵm ngửa bằng anh bằng chị. Trường hợp vợ cả chết sớm, không có con trai thì con trai vợ kế đẻ sau vẫn là trưởng nam, là đích tôn thừa trọng chứ con trai vợ lẽ vì phận thiếp không môn đăng hộ đối, không phải do ông bà trực tiếp cưới hỏi nên không đủ quyền kế vị.

Muốn cho gia đình êm thấm, người chồng phải khéo đối xử để vợ cả đi hỏi vợ lẽ cho chồng, thì người vợ lẽ và bố mẹ cô ta mới yên tâm.

## II. SINH - DƯỠNG

### **Dạy con từ thuở còn trong bụng mẹ**

Tục ngữ Việt Nam có câu:

*Dạy con từ thuở còn thơ*

*Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về*

Ở đây chúng tôi muốn nêu: Không những dạy con từ thuở còn thơ mà còn phải dạy con ngay từ khi còn nằm trong bụng mẹ. Bởi vì cuộc sống vật chất lẫn tinh thần của người phụ nữ đang mang thai ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và tinh thần của đứa trẻ sau này.

Người xưa thường nói: *Đàn bà hiền dịu, thì dễ có con. Thai sản là lẽ tự nhiên của trời, đất. Người không bệnh thì không cần phải uống thuốc.*

Theo y học cổ truyền: "... Tâm khí kinh sợ thì con bị điên, thận khí không đủ thì con hở thóp, tì khí không hòa thì con gầy còm, tâm khí hư kém thì con nhút nhát. Con là theo khí mẹ, mẹ không cẩn thận sao được! Mẹ chớ uống nhiều thứ thuốc, chớ uống nhiều rượu, chớ châm cứu xằng xiên, chớ đi đại, tiểu tiện vào chỗ không

*thường đi, chỗ trèo cao xông pha hiểm trở, chỗ gánh vác nặng nhọc, chỗ giao cấu phóng túng, chỗ nằm ngủ nhiều, chỗ mặc áo quần quá ấm, chỗ ăn cơm quá no. Tinh thần phải trấn tĩnh, không phạm đến thất tình (mừng quá, giận quá, đau thương quá, ghen ghét quá, yêu quá, ham muốn quá...). Muốn con sau này sinh ra thẳng thắn nghiêm trang thì người mẹ nên miệng nói lời ngay thẳng, làm việc ngay thẳng. Đàn bà rấp tâm làm việc ác thì không sinh đẽ được, người ta cứ tưởng là tại trời ghét bỏ, biết đâu rằng đó chính là do tự mình gây ra. Vì khi ở gan ruột bị uất kết, ba bộ mạch: tâm, tì, thận đều bị uất nên khó sinh..."<sup>1</sup>.*

Vì lẽ đó dân gian có câu "*Cây khô không có lộc, người độc không có con*".

Cần phải giáo dục con từ trong bụng mẹ mà thuật ngữ khoa học gọi là "*Thai giáo*". Ngày xưa các bậc tiên bối đã răn dạy người mẹ tương lai (sản phụ) không được giận dữ, hoảng hốt, không được nghĩ điều xấu, làm việc xấu, nghe chuyện dở, nhìn cảnh tang thương; cần nói năng, đi đứng khoan thai...

Có mối liên hệ khăng khít giữa thai nhi với sức khỏe và tâm trạng người mẹ, giữa thai nhi với thế giới bên ngoài, có những phản ứng "tiếp

---

1. Theo *Phụ đạo sản nhiên* của Hải Thượng Lãn Ông.

nhận" hoặc "chối bỏ" của thai nhi trước các tác động của ngoại cảnh.

Theo tài liệu nghiên cứu khoa học: "*Nhân cách con người được hình thành rất sớm, ngay từ trước khi ra đời. Ý nghĩ, cảm xúc và những nỗi buồn vui của người mẹ đã truyền vào đứa con. Nhiều phụ nữ có thai đã biết giữ gìn tình cảm cân bằng do đó giữ được sức khỏe cho đứa con. Những nỗi đau của người mẹ phải chịu đựng trong thời gian thai nghén ảnh hưởng mạnh tới đứa trẻ sơ sinh. Lòng thiết tha đối với đứa trẻ chưa ra đời là một biện pháp giữ gìn sức khỏe cho đứa trẻ tốt nhất, và có ảnh hưởng quyết định tới quan hệ mẹ con sau này*"<sup>1</sup>...

### **Tại sao có tục xin quần áo cũ cho trẻ sơ sinh?**

Cách trả lời đơn giản nhất là xin để lấy "*khước*" (lấy may). Người mẹ từ khi mới thụ thai đã chú ý xem trong bà con, họ hàng, làng xóm nhà ai có con cái bụ bẫm, hay ăn chóng lớn, ít khóc ít quấy, ao ước sắp tới con mình đẻ ra cũng được như thế thì xin một cái áo, hay cái quần, cái tã cũ của đứa bé về rửa sang lại để dùng cho con mình.

---

1. Phỏng theo bài của Phạm Viết Hoàng đăng trên *Thế giới mới*, số 52/1993.

Xuất xứ là do một vài người làm, rồi bắt chước nhau, dần dần lan truyền ra thành phong tục. Nguyên ngày xưa, ta chưa có những thứ vải mỏng mịn bán rộng rãi trong dân gian, thì trường toàn những vải thô bố lại nhuộm nâu, thô cứng, trẻ sơ sinh da còn non mềm dễ bị xây xát, hài nhi càng mặc đồ mới càng đau yếu. Nhà nghèo không sẵn tiền mua đã đành, nhà giàu cũng xin áo cũ cho trẻ sơ sinh là vì lẽ ấy. Trẻ thì chóng lớn, quần áo thì lâu mới rách, chỉ vài tháng sau đã quá cỡ, người ta không nỡ phá đi dùng vào việc khác nên cất giữ lại. Vì vậy, người cho áo cũng cảm thấy vinh dự được người khác quý mến con mình và coi đứa bé sắp ra đời cũng có phần hơi hưởng của mình.

**Con so về nhà mạ, con rạ về nhà chồng - tại sao?**

Con so là con đầu lòng, con rạ là những đứa con sinh sau. Nếu nuôi được cả thì con so là trưởng, con rạ là thứ. Trước đây, phong tục "Con so về nhà mạ" phổ biến ở Bình Trị Thiên và một số địa phương ngoài Bắc; còn ở Nghệ An, Hà Tĩnh thì trừ trường hợp ở rể, nói chung con gái không được sinh đẻ ở nhà cha mẹ mình.

Con gái mới sinh lần đầu tiên, trẻ người non dạ, chưa biết đi đứng, ăn uống, tắm giặt, kiêng khem ra sao, hơn nữa trong người yếu khỏe ra

sao muốn nhờ vả mẹ chồng hoặc chị em nhà chồng cũng ngần ngại, khó nói hơn với mẹ đẻ và em út mình. Còn những lần sinh sau đã có kinh nghiệm, có thể tự mình giải quyết được nhiều việc.

"*Con so về nhà mẹ*" là một phong tục hay nhưng muốn giải quyết được êm đẹp cũng phải có thu xếp: Gần ngày ở cũ, mẹ chồng hoặc chàng rể sang quê ngoại thưa chuyện trước, nếu có khó khăn về kinh tế hoặc đường xá xa xôi cách trở thì thảo luận với nhau về trách nhiệm cho thỏa đáng, sau khi mẹ tròn con vuông, cháu cứng cáp, chàng rể sắm một số lễ vật, nhằm ngày tốt sang tạ ơn gia tiên bên ngoại và ông bà ngoại để xin đón vợ con về. Ông bà ngoại còn cẩn thận đánh dấu vôi hoặc nhọ nồi ở trán cho cháu và các thứ bùa phép khác để tà ma ác quỷ không dám bén mảng đến quấy rối cháu dọc đường.

Ở Nghệ An, Hà Tĩnh lại có phong tục ngược lại: Cho là sinh dữ tử lành, ngoài con dâu ra, không ai được quyền sinh trong nhà. Con gái về nhà mẹ, nếu nhớ đến kỳ động thai, trở dạ, không kịp trở về nhà chồng, sợ sinh nở dọc đường thì bố mẹ phải dựng tạm chiếc lều ở góc vườn, hoặc nếu không kịp, thì ra chuồng trâu mà đẻ.

Trường hợp đã mồ côi mẹ, về nhà mẹ thiếu người chăm nom thì con so cũng về nhà chồng.

## **Tại sao khi mới sinh ra chưa đặt tên chính?**

Theo phong tục, một người từ sinh ra đến khi chết mang rất nhiều tên gọi: khi mới lọt lòng thì gọi là thằng Cu, thằng Cò, con Hĩm, con Cún,... (thường đặt tên xấu để dễ nuôi); đến khi lớn lên thì gọi là anh Hai, anh Ba, chị Bảy...; khi đã có gia đình thì gọi là anh Nhiêu, anh Đồ, chị Xả... Khi có con gọi theo tên con, có cháu đích tôn gọi theo tên cháu, đến khi chết thì đặt tên hèm gọi là hiệu để cúng, người có học thì tự đặt tên tự, người có chức tước có thêm tên thụy, người có chức tước học vị cao sang thường được tôn xưng theo họ hay tên địa phương như cụ án Mai, cụ Tam Nguyên Yên Đỗ, ông Trạng Trình, ông Tú Vĩ Xuyên, Quan Thám Nam Sơn... Đó là theo phong tục xưng hô của Trung Quốc. Trong đời mỗi người có nhiều tên gọi nhưng chỉ có tên húy là tên gọi chính. Tên húy là tên ghi vào sổ họ, sổ làng, khi đi học.

Tại sao khi mới sinh ra chưa đặt tên chính (tên húy)?

Ngày nay ngay khi sinh ra làm giấy chứng sinh, sau đó trong vòng 60 ngày phải làm giấy khai sinh, có thủ tục quản lý hộ tịch chặt chẽ, trước đây mỗi làng xã cũng có hương hộ lo sổ sách sinh tử, giá thú nhưng không quản lý chặt chẽ, Nhà nước chỉ quan tâm đến sổ đình (từ 18

tuổi), sổ điền để thu thuế và bắt lính, bắt phu, vì vậy vào sổ làng càng muộn càng hay, lớn lên đỡ được vài năm thuế thân, phu phen, tạp dịch.

Trong xã hội cũ, tình trạng hữu sinh vô dưỡng khá phổ biến, ít có gia đình sinh năm đẻ bảy được vuông tròn, vì vậy qua các tuần cũ mới tạm yên tâm, khi đó mới đặt tên húy.

Các họ mỗi năm tế tổ một lần. Trong dịp tế tổ, các gia đình có con cháu mới sinh sắm sửa coi trầu, chai rượu, hương hoa, lễ vật đến nhà thờ họ yết cáo tiên tổ và vào sổ họ, ngày đó mới có tên húy chính thức, được họ hàng công nhận. Trong khi vào sổ họ phải đối chiếu gia phả để xem có trùng tên các vị tiên tổ hoặc ông bà, chú bác trong nội thân hay không, nếu có tức là phạm húy thì phải đổi tên. Không những phải tránh phạm húy tổ tiên bên nội mà còn phải tránh phạm húy các cụ bên ngoại mặc dù khác họ, tránh phạm các húy hiệu của thành hoàng, thánh mẫu, linh thần từng địa phương. Ở nông thôn, các vị có uy vọng trong làng, trong họ thường được dân chúng biếu trầu rượu và nhờ đặt tên cho con. Người đặt tên được gia đình đó nhớ ơn suốt đời.

Tuy nhiên, quan niệm này chỉ nên tham khảo. Ngày nay, đặt tên chính cho con ngay sau khi sinh là hợp lý, hợp pháp.



## **Tại sao tuổi trong khai sinh, trong văn bằng không đúng với tuổi thực?**

Điều này cũng gây khá nhiều rắc rối phức tạp cho các nhà khảo cứu sử học, biên soạn gia phả. Đã có trường hợp anh em cùng cha cùng mẹ sinh ra mà em nhiều tuổi hơn anh. Chỉ có lá số tử vi là chính xác nhất, chính xác đến từng giờ, nhưng ít người còn giữ được lá số tử vi, phần lớn bố mẹ chỉ nhớ được con mình cầm tinh con gì, qua đó mà tính ra tuổi thực (tuổi mụ).

Có ba lý do khai bớt tuổi:

- Để chậm được vài năm khỏi phải đóng thuế thân và đi phu, đi lính.

- Dưới thời Pháp thuộc, để tránh hạn định quá tuổi không được học, không được thi.

- Do việc vào sổ hộ chậm lại gần một năm, còn việc vào sổ làng, hàng phe, hàng giáp có khi chậm 5, 6 năm.

Trường hợp nâng tuổi lên cũng có ba lý do nhưng không phổ biến lắm:

- Để nhanh đến tuổi lấy vợ (theo lệ "nữ thập tam nam thập lục"). Nhiều gia đình muốn cưới dâu về sớm để có người làm và để sớm có cháu nối dõi tông đường.

- Dưới thời Pháp thuộc, các công sở không tuyển người dưới 18 tuổi nên phải khai tăng tuổi.

- Một số địa phương, có lệ làng cho tăng thêm tuổi để chóng đến tuổi lên lão mừng thọ.

## **Làm lễ yết cáo tổ tiên xin đặt tên cho con vào sổ họ như thế nào?**

Vấn đề này đã có lệ từ xưa. "Họ nào đã có nền nếp sẵn thì cứ theo lệ cũ tiến hành".

Đối với những họ mới phục hồi lại việc họ, chưa vào nền nếp, chúng tôi xin nêu một vài kinh nghiệm:

**1. Yết cáo tổ tiên:** Theo lệ cũ chỉ sau khi đối chiếu gia phả, kiêng kỵ các trường hợp phạm húy (đặt tên trùng với tên húy của tổ tiên và thân nhân gần gũi nhất, kể cả nội ngoại) mới chính thức đặt tên húy cho trẻ sơ sinh, yết cáo tổ tiên và xin vào sổ họ. Ngày nay phải làm thủ tục khai sinh kịp thời, trường hợp ở xa quê, không kịp về đối chiếu gia phả, nhờ trùng tên húy tổ tiên trực hệ thì tìm cách đổi, hoặc tránh gọi thường xuyên trong nhà. Lễ yết cáo tổ tiên rất đơn giản, nén hương, coi trầu, chén rượu, thường kết hợp lễ tế tổ hàng năm mà yết cáo chung tất cả con cháu trong họ sinh trong năm cùng một lượt. Lễ vào sổ họ cũng rất đơn giản, cốt sao cho gia đình nghèo nhất trong họ cũng không gặp phải điều gì phiền phức.

**2. Vào sổ họ:** Thứ tự trong sổ họ ghi theo năm sinh, ai sinh trước ghi trước, ai sinh sau ghi sau. Trường hợp nhiều năm bị phế khoán nay mới lập lại sổ họ, thì phải thống kê theo

đơn vị hộ gia đình hoàn chỉnh cả họ, sau đó mới lập sổ tiếp đối với những trẻ sơ sinh.

**Mẫu sổ:** Họ tên (tên húy, tên thường gọi), con ông bà, thuộc đời thứ mấy, chi thứ mấy? Con trưởng hay con thứ mấy? Ngày, tháng, năm sinh; ngày vào sổ họ.

**3. Con gái vào sổ họ:** Bất cứ trai hay gái, sau khi sinh đều có yết cáo tổ tiên, đã được tổ tiên phù trì, phù hộ, nhưng nhiều họ ngày xưa không vào sổ họ đối với con gái, cho rằng "Nữ nhân ngoại tộc", con gái là con người ta, lớn lên đi làm dâu lo cơ nghiệp nhà chồng vì thế không công nhận con gái vào họ. Tuy vậy, ngay trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 một số họ đã xóa bỏ điều bất công đó, con gái cũng có mọi quyền lợi, nghĩa vụ như con trai.

Ngày nay, trong phong trào khôi phục việc họ, đề nghị các họ đặc biệt quan tâm đến con gái và nàng dâu, họ nào coi trọng vai trò của phụ nữ, và coi trọng vai trò của người mẹ, người vợ, người cô, người chị, thì họ đó mới vững mạnh. Cả nước đang ra sức vận động kế hoạch hóa gia đình, con gái cũng như con trai, vậy nên vận dụng phong tục cũng phải phù hợp với tư duy thời đại.

### **Con nuôi?**

Có ba loại con nuôi: con nuôi chính thức, con nuôi danh nghĩa và con nuôi giả vờ.

## ***1. Con nuôi chính thức***

- *Con lập tự*: Gia đình không có con trai, nuôi con anh, em ruột hoặc con anh em chú, bác ruột. Có thể nuôi từ bé hoặc lớn rồi mới nuôi, thậm chí có người đã thành gia thất, có con rồi mới được nhận làm con nuôi. Người con nuôi lập tự đó chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ nuôi lúc tuổi già và hương khói tang tế sau khi mất, nên được hưởng quyền thừa kế gia tài hơn cả những người con gái do chính cha mẹ sinh ra, vì con gái là "con người ta", sau khi gả chồng lo cơ nghiệp nhà chồng. Con nuôi lập tự được hưởng ruộng hương hỏa nếu cha nuôi là tộc trưởng, được họ hàng chấp nhận là cùng huyết thống nội thân. Nếu người con nuôi lập tự là con thứ của người em thì con của người con trưởng của người em vẫn phải gọi con nuôi lập tự đó bằng bác (đáng lẽ gọi là chú). Khi cha mẹ nuôi chết, tang chế của vợ chồng người lập tự cũng là ba năm như cha mẹ đẻ. Trường hợp cha mẹ đẻ chết trước, phải xin phép cha mẹ nuôi mới được về chịu tang, nhưng không được phép mặc áo sớ gấu, khăn ngang không được để hai giải bằng nhau. Khi cha mẹ nuôi đã sinh con trai thì thôi quyền lập tự nhưng vẫn là con nuôi được hưởng quyền thừa kế như các người con khác.

- *Con nuôi hạ phóng tử:*

+ Con hoang thai nuôi từ lúc mới sinh. Có nhà hiếm hoi dạn từ trước, khi sinh nở thì đón về, sản phụ được bồi dưỡng một ít tiền và sau đó không được quyền nhận hay thăm con.

+ Con mồ côi hay con nhà nghèo khó, đem về nuôi làm phúc, mặc dù không hiếm hoi. Nếu nuôi thực sự từ lúc còn nhỏ cũng được hưởng mọi quyền lợi trong gia đình. Cha mẹ nuôi cũng có trách nhiệm dựng vợ gả chồng, sống nuôi chết chôn, cũng được cha mẹ nuôi chia cho một phần gia tài khi ra ở riêng. Trường hợp cha mẹ nuôi không có con trai cũng có thể lập người con này làm thừa tự, song không được can dự vào phần hương hỏa, tự điền cũng như việc họ, bởi lẽ khác dòng máu, không được họ chấp nhận. Tang chế đối với cha mẹ nuôi cũng ba năm như cha mẹ đẻ, đối với anh em nuôi cũng một năm như anh em ruột, nhưng đối với họ hàng bên bố mẹ nuôi thì không tang. Trừ trường hợp con nuôi đã mang họ của bố nuôi, không biết bố đẻ (hoang thai) và đã được họ hàng chấp nhận thì mọi lễ nghi hiếu hỉ, tang chế đều như người trong họ, song vẫn không được hưởng hương hỏa, tự điền. Nếu bố nuôi là tộc trưởng vẫn không được kế thế tộc trưởng mà vai tộc trưởng thuộc con trai trưởng của người em.

Theo phong tục của một số địa phương "Vô

*nam dụng nữ"*, người con rể cũng có quyền lợi và nghĩa vụ như con nuôi hạ phóng tử nói trên, nhưng chỉ để tang bố mẹ vợ một năm, anh em ruột của vợ chín tháng, ngoài ra không để tang cho ai bên nhà vợ. Chỉ lập tự cho cháu ngoại, không lập tự cho con rể. Cháu ngoại cũng không được làm tộc trưởng (như trên).

## **2. Con nuôi danh nghĩa**

- Nhà hiếm con qua mấy lần tảo sa, tảo lạc, hữu sinh vô dưỡng, hoặc theo số tử vi lỗi giờ sinh, xung khắc với cha mẹ nên phải bán làm con nuôi cho dễ nuôi. Khi sinh nở xong, bố đẻ sắm một chai rượu, coi trâu đến nhà bố nuôi, làm lễ gia tiên bên bố nuôi xin cho ghé cửa nương nhờ. Sau đó mời bố mẹ nuôi đến nhà xem mặt đứa bé và nhường quyền cho bố nuôi đặt tên cho đứa bé. Sau này khi lớn lên thì ngày Tết Đoan ngọ dắt bé đến tết nhà bố mẹ nuôi. Đứa bé cũng được xếp theo vị trí anh em một nhà theo quan hệ lứa tuổi. Sau này lớn lên, trong huyết thống ba đời, anh em chú cháu không được quyền lấy nhau. Nếu vi phạm cũng coi như mắc tội loạn luân. Chọn bố mẹ nuôi thường chọn gia đình phúc hậu, đông con nhiều cháu, làm ăn thịnh vượng.

- Do cảm ân đức, nghĩa tình nhận làm con nuôi.

- Anh em kết nghĩa với nhau thân tình nhận

bố mẹ của anh em cũng như bố mẹ mình, và ngược lại, bố mẹ cũng nhận người anh em kết nghĩa với con mình như con cái trong nhà.

Trong những trường hợp đó, tiếng Việt thì gọi chung là con nuôi, bố mẹ nuôi nhưng âm Hán gọi là "nghĩa phụ, nghĩa tử" khác với loại bố nuôi, con nuôi chính thức gọi là "dưỡng phụ, dưỡng tử". Tang chế không quy định cho trường hợp "nghĩa phụ, nghĩa tử", nếu có gả con cho nhau thì càng tốt đẹp "thân thượng gia thân".

### **3. Con nuôi giả vờ**

Vì con khó nuôi, sợ ma tà quấy nhiễu người mẹ đem con bỏ đường bỏ chợ, nhưng dặn trước người chức sắc đưa về nuôi, sau vài giờ hoặc vài ngày đến chuộc nhận làm con nuôi. Đây là cách đánh tráo con để thành con nuôi, con nuôi là con để để lừa ma. Trường hợp này cũng phải chọn người mẫn đảm, con không sai đẹn, nuôi súc vật mát tay...

Ngoài ba loại con nuôi nêu trên, còn có tục "bán khoán" con cho thần linh như bán con cho Đức Thánh Trần, Đức Thánh Mẫu... Đã là con thần thánh, có tấu, có sổ, có bùa, có dấu ấn hắc hoi thì ma quỷ không dám bén mảng đến đã đành, mà bố mẹ nuôi con cũng phải đặc biệt chú ý: Không cho con ăn uống những thứ uế tạp, phải mặc đồ sạch sẽ, không được vá chằng vá đụp, không để con bò lê bò la, không được chửi

rửa xỉ và con, sợ ngài gọi về trời. Con chỉ được gọi cha để bằng thầy, bằng cậu... Gọi mẹ bằng mợ, bằng chị, bằng u, bằng dể. Hai từ "cha", "mẹ" chỉ được tôn xưng với thần thánh. Bán cho Đức Thánh Trần thì xưng họ Trần khi khẩn vái, bán cho Phật xưng họ Mâu, nhưng bán cho Đức Thánh Mẫu là Liễu Hạnh không phải đổi họ. Sở dĩ gọi là "bán khoán" vì chỉ bán thời gian còn nhỏ để dễ nuôi. Đến 13 tuổi tức hết tuổi đồng ấu, đến tuổi vào sổ làng, sổ xã thì làm lễ xin chuộc về.

Luật pháp hiện nay công nhận con nuôi cũng có quyền lợi và nghĩa vụ ngang con đẻ, đó là con nuôi thực sự được chính quyền địa phương công nhận trên cơ sở thoả thuận giữa người nuôi và người đẻ hoặc giữa người nuôi và thân nhân đỡ đầu trong trường hợp bố mẹ đẻ không còn.

Đứa bé đến tuổi thiếu niên cũng được quyền tự nguyện xin làm con nuôi, chọn bố mẹ nuôi. Bố mẹ nuôi có thể nuôi nhiều con tùy theo khả năng, nhưng một người không thể nhận làm con nuôi của nhiều gia đình. Tuổi bố mẹ nuôi phải cao hơn tuổi con nuôi ít nhất 20 tuổi.



### III. GIAO THIỆP

#### **Xưng hô thế nào cho đúng?**

Vấn đề này thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học, giáo dục học nhưng liên quan nhiều đến phong tục cổ truyền. Trẻ con vừa học nói đã được cha mẹ, anh chị bày cho cách xưng hô, nhưng khi lớn, thậm chí đến già vẫn còn sai sót. Nhiều khi chỉ vì một sai sót nhỏ trong cách xưng hô mà gây nên thành kiến nặng nề.

Ở Việt Nam, chúng ta đã được giáo dục từ nhỏ, đáng tuổi ông thì gọi là ông, đáng tuổi bác gọi là bác, không được "mày tao chi tớ", "cá mè một lứa". Chúng ta nên thông cảm với người nước ngoài học tiếng Việt. Đại từ nhân xưng tiếng Việt rất đa dạng, phong phú nhưng cũng rất phức tạp, điều khó khăn phức tạp nhất là ngay trong đại từ nhân xưng của ta đã mang sắc thái tình cảm, thể hiện sự yêu thương, tức giận, kính trọng, khinh ghét, khách sáo, thân mật.

Trong cách xưng hô của nước ta có phân biệt tôn ti trật tự rõ ràng. Chính vì vậy, cháu bé mới hỏi: Tại sao ông bảo cháu phải thưa bẩm, thế mà cháu gọi ông, ông lại không thưa bẩm cháu? Cháu cũng không hiểu sao cha mẹ gọi con thì gọi thẳng Giáp, con Ất được, còn con gọi tên thật của cha mẹ lại không được? Tại sao ông chú già rồi lại còn gọi là "ông trẻ"?

Cách dùng từ để xưng hô của nước ta còn tùy thuộc vào mức độ thân sơ giữa người nói và người nghe. Ví dụ, thật thân tình bạn bè gọi nhau bằng mày, tao, hấn thì quý; gọi nhau bằng thưa quý anh hay bẩm ông thì coi như giấu cợt kích bác nhau. Ngược lại, mới quen biết sơ sơ mà mày tao thì coi như bất lịch sự, đôi khi người nghe bực mình bỏ đi không thèm trả lời. "Cụ già" và "lão già" đồng nghĩa, nhưng khi nói "Tôi hỏi cụ già" thì rất khác "Ta hỏi lão già". Cũng có trường hợp, "lão" chưa hẳn đã già mà là cách gọi thân mật.

Nếu có quan hệ họ nội, họ ngoại thì gọi theo quan hệ thân thuộc, gần bó thân thiết hơn: Mặc dù ít tuổi hơn mình nhưng ngang hàng cha mẹ thì gọi bằng chú, bác, cô, dì theo đúng vai vế trong họ. Ngược lại, đối với người đã lớn tuổi mặc dù là bậc cháu nhưng để cho khỏi "*chường*" nên gọi bằng anh, bác, ông... coi như gọi thay cho con, cháu mình, như vậy thanh nhã hơn, lịch sự hơn.

Thuần túy quan hệ xã hội, không có quan hệ họ hàng nhưng theo phép xã giao "trưởng nhất tuế vi huynh, trưởng thập tuế vi phụ" (hơn một tuổi làm anh, hơn mười tuổi làm cha), tức là tôn lên ngang bằng vai với cha mà gọi là chú hay bác. Đây là phép tôn xưng.

### **Vợ chồng xưng hô với nhau thế nào?**

Người Việt Nam từ nhỏ đến lớn, đến già nói chuyện với nhau đã quen tai nhưng nếu diễn giải cho người nước ngoài hiểu đạt được đầy đủ sắc thái ngôn ngữ kể cũng thật lý thú, ví dụ: "*nhà tôi*" dịch ra tiếng Pháp là "*ma maison*" thì người Pháp làm sao hiểu nổi!

Ngày nay, vợ chồng trẻ xưng hô với nhau "anh em" nghe thật âu yếm, thân thiết! Dù chồng ít hơn năm ba tuổi vẫn là anh.

Lùi lại bốn mươi năm về trước, những gia đình ít nhiều được Âu hóa, vợ chồng gọi nhau bằng "mình" cũng thể hiện được tình cảm đậm đà; gọi nhau bằng "cậu mợ" cũng thanh nhã, nhưng những từ đó còn xa lạ với nông thôn, một số người muốn gọi nhưng vẫn còn ngượng với hàng xóm, chỉ thầm kín tỏ tình với nhau, tỏ thể chỉ đủ hai người nghe. Cách gọi nhau bằng tên trống không là "Này! Ra tôi bảo!" hoặc "Nào ai bảo mình"... cũng là một bước cải tiến lớn, chứ như các cụ ngày xưa, thời còn trẻ chỉ gọi

nhau bằng "bố thằng cu", "u nó", "mẹ hĩm"... Người mới lấy nhau chưa có con, chồng chẳng có chức vị gì mà gọi, thì sao? Bí quá, có cô mới về làm dâu, muốn gọi chồng đang chơi bên hàng xóm về chẳng biết xưng hô ra sao bèn ra ngõ gọi thật to: "Ai ơi! Về mà ăn cơm" từ "ai" ở đây không phải là đại từ nghi vấn, hay đại từ phiếm chỉ mà có nghĩa là "chồng tôi ơi!".

Còn khi nói chuyện với khách thì giới thiệu vợ mình hay chồng mình là "nhà tôi". Từ "nhà tôi" thật là đậm đà gần bó, "mình" và "tôi" tuy hai nhưng một.

### **Cách xưng hô trong họ**

Có xem sơ đồ gia phả toàn họ mới biết được: Mình thuộc đời thứ mấy, đời trên mình là những ai, mình thuộc chi nào, nhánh nào, bằng vai với mình trong họ là những ai? Có sơ đồ gia phả mới phân biệt được thế thứ trong họ, mỗi người tự xác định được quan hệ trong nội tộc mà xưng hô cho đúng, chú ra chú, bác ra bác, anh ra anh, em ra em... Xưng hô trong nội tộc khác với xưng hô ngoài xã hội, để khỏi mang tiếng "cá mè một lứa". Ngoài xã hội dựa theo tuổi tác và chức vụ, địa vị, trong gia tộc dựa theo thế thứ, nhưng khi giao thiệp với từng cá nhân cụ thể lại phải kết hợp theo cách xưng hô ngoài xã hội theo quan hệ tuổi tác. Có thể đúng

theo huyết thống thì anh A phải gọi tôi bằng ông chú, nhưng tôi cũng gọi anh A bằng bác, vì anh A đã là người tuổi cao, gọi bằng cháu bất tiện và bất lịch sự. Tôi gọi anh A bằng bác là gọi thay cho cháu, chắt tôi, mặc dù tôi chưa có cháu. Tất nhiên anh A phải gọi tôi bằng ông, mặc dù tôi ít tuổi hơn anh nhưng về thế thứ ngang với ông nội anh A. Tuy nhiên nếu tôi ít tuổi quá mà gọi bằng ông cũng bất tiện, có khi phải hạ xuống một bậc mà gọi bằng chú mới thân mật.

Hiện tượng, anh X. còn ít tuổi hơn cháu nội tôi, mà tôi lại phải gọi anh X. bằng ông cũng là phổ biến, không có gì đặc biệt. Ngay trong một gia đình anh cả đã có con, mà chú út chưa ra đời; hiện tượng "em bú chị dâu, cháu bú bà" là chuyện bình thường trong xã hội cũ, chỉ mới qua hai đời đã có sự chênh lệch một đời, vì vậy trong họ hàng qua nhiều đời, tuổi tác chênh lệch năm ba thế hệ không có gì là lạ.

Ở nông thôn còn có mối quan hệ giữa thông gia, giữa bà con nội ngoại, nên cách xưng hô lại càng phức tạp. Thông thường thì vợ chồng thống nhất cách xưng hô với ông chú, bà bác bên nội; ông cậu, bà dì bên ngoại như nhau, nhưng cũng có trường hợp do quan hệ huyết thống có khi chồng gọi bằng chú, vợ gọi bằng bác hay ngược lại. Dù sao "Một giọt máu đào

hơn ao nước lã", gọi nhau theo quan hệ gia tộc  
vẫn thân mật hơn gọi theo quan hệ xã hội.

### **Phải chăng lời chào cao hơn mâm cỗ?**

Trong tiếng Việt từ "chào" thường đi đôi với từ "hỏi" và từ "mời". Cách chào hỏi, chào mời, chào thưa ở mỗi địa phương có một phong tục khác, lại còn lệ thuộc vào đối tượng được chào và phong cách người chào.

Đối với các cụ già, khúm núm kính cẩn, đứng lại "*bấm cụ ạ*" thì cụ có cảm tình ngay nhưng đối với người lớp trung niên tân tiến mà làm như vậy thì người ta dễ tưởng là chế giễu.

"Đi qua nghiêng nón không chào" không phải vì ghét nhau, hờ hững với nhau mà vì quá yêu nhau cũng nên, người ta không chỉ chào nhau bằng lời nói mà còn bằng khoé mắt, nụ cười, có trường hợp mắt nói rõ hơn miệng.

Chào - hỏi đi đôi với nhau, hỏi để chào: "Ông khỏe không?", "Ông đi đâu đấy?". Nhiều khi hỏi băng quơ, hỏi không cần trả lời, nhưng nếu không chào hỏi thì ra điều lạnh nhạt khinh người.

Chào - mời đi đôi với nhau: Cần phân biệt mời thực sự hay mời để thay lời chào. Hành khách trên hai chiếc thuyền đi dọc sông, ngược chiều nhau cũng mời nhau ăn cơm. Lời mời đó

thuần túy thay lời chào chứ có ai nhảy sang thuyền kia mà ăn đâu?

Lời chào có thực sự cao hơn mâm cỗ không? Có khi không có mâm cỗ, chỉ chào mời suông, e không ổn; nhưng quả thực, mâm cao cỗ đầy mà lời chào nhạt nhẽo, khinh khi, kiêu kỳ thì mâm cỗ cũng bỏ đi.

Lời chào biểu hiện phong cách con người, biểu hiện nền nếp của gia đình, thuần phong mỹ tục của địa phương và cả dân tộc ta. Song, ở mỗi nơi một khác, mỗi thời một khác. Ngày xưa chào bằng cách vái, lạy; ngày nay chào bằng cách bắt tay. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong câu hỏi: "*Ai vái lạy ai*".

### **“Nhập gia vấn huy” nghĩa là gì?**

Theo phép xã giao, trước khi đến thăm một gia đình cần tìm hiểu tên huy của ông bà cha mẹ và của người mình định đến thăm, để tránh trong khi nói chuyện hoặc xướng họa thơ từ động đến tên huy gia tiên của chủ nhà. "*Huy*" đồng nghĩa với "*ky*" (tức là kiêng kỵ). Ngày giỗ còn gọi là ngày huy hay ngày kỵ. Tên huy là tên chính nhưng lại là tên kiêng nói đến, khi giận nhau người ta thường gọi tên huy ra mà chửi. Ông bà, cha mẹ, chú bác có thể gọi con cháu bằng thẳng, con theo tên huy; còn kẻ dưới không được gọi bề trên bằng tên huy, kể cả

những người cao tuổi trong làng, trong xóm. Trong ngôn ngữ thông thường có trùng âm cũng phải nói chệch đi, nếu không sẽ bị coi là hỗn.

Ngày nay, giao thiệp rộng rãi, trong quan hệ bạn bè, đồng chí, gọi tên nhau là chuyện bình thường. Song, về các vùng nông thôn phải tùy theo phong tục từng vùng mà xưng hô, nếu cứ theo họ tên ghi trong địa chỉ thư tín và giấy tờ hành chính mà gọi thì chưa hẳn các vị cao tuổi đã vui lòng. Trừ những người đã đi thoát ly, công tác, còn thông thường người ta vẫn hay gọi nhau bằng tên con trưởng hoặc tên cháu đích tôn.

Ở miền Nam nước ta hay gọi tên theo thứ tự sinh ra trong gia đình nhưng con trưởng không gọi là anh Cả mà gọi là anh Hai, nếu đã ra ngoài xã hội thì thường gắn tên đó với húy. Ví dụ: ông Bảy Lửa, chị Ba Tịch...

*Xêcu Turê (Sekou Toure) với Chủ tịch Hồ Chí Minh*

Xêcu Turê, Tổng thống Ghinê sang thăm Việt Nam theo lời mời với tư cách là khách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong buổi mít tinh tiễn đưa tại Quảng trường Ba Đình Hà Nội, Xêcu Turê hết lời ca ngợi khâm phục Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ông phát biểu đại ý: *Vợ tôi sắp sinh, nếu sinh con trai tôi sẽ đặt tên con là Hồ Chí Minh.*



Liên đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đáp lại rất khôn khéo, tài tình: *"Bác không có con, vậy Bác đề nghị các cháu thanh niên, nếu sắp tới, cháu nào để con trai thì đặt tên con là Xêcu Turê!"*.

Mọi người dự lễ đều vui cười thoải mái, phục tài đối đáp của Bác, vừa được lòng khách nước ngoài, vừa phù hợp với phong tục nước ta trong hoàn cảnh đó.

### **Ai vái lạy ai?**

Vái lạy là phép xã giao thời xưa, không chỉ dùng khi cúng tế mà người sống cũng lạy nhau... *"Đời xưa vua đối với bày tôi, bố vợ đối với chàng rể, người tôn trưởng với kẻ ti ấu (bê dưới) đều phải lạy đáp lễ. Đến đời nhà Tần mới đặt ra lễ "tôn quân ti thân", nên thiên tử không đáp lạy bày tôi nữa... Ngày xưa từ quan khanh sĩ trở xuống đều theo cổ lễ mà đáp lễ kẻ ti ấu, nếu kẻ ti ấu chối từ, mới dùng lễ túc bái đáp lại. Còn vái là nghi thức lúc đã lễ xong... Nước ta xưa kia ở chốn công đường có lễ tương kiến, kẻ hạ quan cũng vái bậc trưởng quan... Gần đây những kẻ hiếu sự không biết xét đến cổ điển lại cho vái là lễ của tôn trưởng đối với kẻ ti ấu, còn kẻ ti ấu đối với tôn trưởng không được vái, chỉ lạy xong là cứ đứng thẳng và lùi ra..."*<sup>1</sup>.

---

1. Phạm Đình Hổ: *Vũ trung tùy bút*, tr. 174.

Xem đoạn văn trích dẫn trên, ta thấy vái lạy là một phép xã giao, không chỉ người dưới vái lạy người trên mà người trên cũng vái lạy đáp lễ. Từ lạy nhau chuyển sang vái nhau trong buổi tương kiến. Ngày nay chúng ta tiếp thu văn hóa Âu Tây, bắt tay khi gặp nhau hoặc tiễn biệt nhau, lịch sự hơn mà vẫn giữ được phép tôn ti (tôn trọng ti ấu).

Theo phong tục lễ giáo của nước ta, bề dưới phải chủ động chào bề trên trước, trẻ chào già trước, trò chào thầy trước. Nếu bề trên không chào lại người dưới, thầy không chào lại trò, tức là không đáp lễ, thì cũng bất lịch sự chẳng khác gì từ chối bắt tay người khác, làm cho người đưa tay trước rất ngượng ngùng và bất bình. Không biết vái chào lại người khác là đã tự làm mất đi phong cách lịch duyệt của chính mình.

Chúng tôi xin trích kể lại câu chuyện *"Tam nguyên Tổng đốc lạy ông Nhiêu"*.

Ông Nhiêu Chuồi người cùng làng ăn mừng lên thọ 80. Cụ Tam nguyên cũng tới mừng. Khi làm lễ chúc thọ, cụ Tam cũng như mọi người lễ ông Nhiêu hai lễ rất kính cẩn. *"Ai đời cụ Tam nguyên Tổng đốc lại lạy một người thường dân. Ông Nhiêu vội vàng sụp xuống lạy tạ. Cụ Tam*

*đỡ ông Nhiều dậy, ôn tồn nói: Ta lẽ là lẽ cái thiên tước<sup>1</sup> của ông Nhiều đấy..."<sup>2</sup>.*

### **Không thấy đổ mảy làm nên**

Quan hệ thầy trò nói riêng về mặt phong tục cũng cần có một tập sách riêng. Để trả lời cho những câu hỏi về đạo thầy trò, chúng tôi thiết nghĩ mấy dòng sơ lược thì chưa thể nói hết được.

Dân tộc ta vốn tôn sư trọng đạo. Vai trò của thầy giáo luôn luôn tiêu biểu cho tầng lớp trí thức, tiên tiến được toàn thể xã hội công nhận. Nghề giáo vốn là nghề cao quý nhất. Nền giáo dục thời phong kiến cũng như ngày nay đều thống nhất một phương châm "Tiên học lễ, hậu học văn", nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội... Nhân tài phục vụ xã hội, điều hành bộ

---

1. Thiên tước là tước trời ban cho. Theo tục lệ hương thôn, các cụ già trong làng xã cũng được tôn trọng như quan viên chức sắc. Khi có việc làng việc xã, lễ hội, yến ẩm tùy theo tuổi tác các cụ già được ngồi theo thứ tự ngang hàng với quan viên chức sắc nên mới có câu: "*Lục thập dữ tú tài đồng, thất thập dữ cử nhân đồng, bát thập dữ tiến sĩ đồng*", có nghĩa là "60 tuổi ngang với tú tài, 70 tuổi ngang với cử nhân, 80 tuổi ngang với tiến sĩ".

2. Bùi Văn Cường: *Nguyễn Khuyến và giai thoại*, Hội Văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh, 1987, tr.123.

máy nhà nước đều được thầy giáo, tức là khuôn mẫu, đào tạo nên. "Không thầy đố mày làm nên". Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức đều thống nhất dựa vào chế độ thi cử, có học vị, cấp bậc rõ ràng.

Vì tất cả những lẽ trên, có người đặt vấn đề: Vậy đặt thầy cao hơn cha có quá đáng không?

Cha mẹ sinh ra, nuôi dưỡng mình, thầy giáo là người truyền thụ kiến thức cho mình. Sở dĩ hiển đạt, thi được tài năng với đời đều nhờ công dạy dỗ của thầy. Ngày xưa, từ nhỏ đến khi đi thi đỗ cử nhân, tiến sĩ thường cũng chỉ học một thầy, cùng lắm là vài ba thầy, chứ không như ngày nay mỗi năm mỗi lớp, mỗi môn lại học một thầy. Ngày xưa có nhiều trường hợp thầy trò cùng lều chõng đi thi nhưng học tài thi phận, trò đỗ thầy trượt. Có những ông thầy đào tạo được nhiều ông Nghè, ông Cống nhưng bản thân thầy lại chẳng thi đỗ, chẳng nhận quan tước gì, có người thi đỗ cũng không ra làm quan mà chỉ tiếp tục dạy học. Có những thầy giáo đạo cao đức trọng được môn sinh nể trọng hơn cha. Thầy Chu Văn An là người thầy tiêu biểu nhất được liệt thờ ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Ngày xưa, thầy đồ dạy được một số học sinh đỗ cử nhân, tiến sĩ thì vai trò trong xã hội được nâng lên rõ rệt, không chỉ thầy mà cả gia đình thầy cũng được quan tỉnh, quan huyện kính nể.

Quang Trung ba lần vời Nguyễn Thiếp (La Sơn Phu Tử) ra làm quân sư chính là để thu phục nhân sĩ Bắc Hà, vì Nguyễn Thiếp là thầy giáo của nhiều triều thần Lê - Trịnh đương thời.

Trước đây, ngành giáo dục xưa tuy có chế độ thi hương, thi hội, thi đình rất nghiêm, rất chặt, song rất ít giáo chức, rất ít trường công ở cấp huyện, cấp phủ, chỉ có một vài huân đạo giáo thụ ăn lương nhà nước, còn hầu hết là các lớp tư thực. Một nhà khá giả trong vùng nuôi thầy cho con ăn học, xóm làng chung quanh gửi con đến thụ giáo không phải nộp học phí, chỉ đến ngày lễ mồng 5 tháng 5, ngày Tết... cha mẹ học trò mới tùy tâm đưa lễ đến tết thầy. Giàu có thì tết thầy thúng gạo nếp, bộ quần áo... Nghèo thì tết thầy một coi trâu, một be rượu.

Môn sinh của một thầy thường tổ chức nhau lại gọi là Hội đồng môn, có trưởng tràng, giám tràng và một số cán tràng giúp việc trưởng tràng. Con thầy mặc dù ít tuổi hơn nhưng cũng được gọi là thế huynh. Thầy nào có tiếng dạy giỏi, dạy nghiêm thì được nhiều sĩ tử đến theo học, Hội đồng môn vận động các gia đình môn sinh đóng góp tiền của tạo ruộng, tạo trâu bò rồi phân công nhau cày cấy, đến mùa gặt tự gánh về gia đình nhà thầy để gia đình thầy chi dùng. Khi thầy mất, lại dùng ruộng đó lo tang ma cho thầy, cho vợ thầy và giỗ tết tế tự về sau.

Học trò cũng để tang thầy ba năm như tang cha mẹ, nhưng không mặc tang phục, gọi là tâm tang, tức là để tang trong lòng.

Dưới đây chúng tôi xin nêu dẫn chứng về tình nghĩa thầy trò:

### ***Cụ Thượng Niêm về lễ tang vợ thầy***

Nguyễn Khắc Niêm (1889-1954) người xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đậu Đệ nhị giáp Tiến sĩ (tức Hoàng giáp) khoa Đinh Mùi năm 1907 làm Thượng thư Bộ Cải lương hương chính triều Bảo Đại. Nguyễn Khắc Niêm là học trò của cụ Nguyễn Duy Dư một người nổi tiếng hay chữ ở xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn, đã được Hội Tư văn hàng huyện tôn xưng là "*Hương Sơn tứ hổ*". Nguyễn Khắc Niêm thụ giáo cụ Dư ở cách nhà mình trên 4 km. Đến kỳ thi Hương, hai thầy trò cùng lều chõng đi thi, học trò đỗ cử nhân, được vào Huế thi Hội đỗ Hoàng giáp, thầy chỉ đỗ Tú tài. Theo chế độ thi cử thời trước: Cử nhân mới được dự thi Hội, còn Tú tài thì phải 3 khoa Tú tài mới được thi. Ba năm mới có một khoa, thầy Tú chưa kịp chờ để thi lại khoa sau thì đã từ trần - năm 1909. Hơn 30 năm sau, bà Tú Dư mất, lúc đó Nguyễn Khắc Niêm đã lên đến chức Thượng thư trong triều. Nghe tin vợ thầy học cũ mất, ông đánh xe từ Huế về Hà Tĩnh để phúng viếng. Nhà cách

sông và đường quốc lộ, Tri huyện tiếp điện đã lệnh cho Tổng lý địa phương đem kiệu và võng lọng ra tận bờ sông đón rước cụ Thượng về quê lễ vợ thầy. Nhà ông bà Tú ở trên đỉnh đồi Sơn trại, người trai tráng leo lên cũng đã cảm thấy mệt, hơn nữa sỏi đá lởm chởm. Nhưng để tỏ lòng cung kính nhớ ơn thầy, khi đến cổng xóm vào nhà thầy, cụ Thượng Niêm đã xuống cang, đi chân đất có hai người lính hầu dìu hai bên, lên tận nhà thầy ở gần đỉnh đồi. Tất nhiên cụ Thượng thư đã đi chân đất thì từ Tuần phủ, Tri huyện đến Tổng lý cũng phải tháo hia hài cấp nách mà leo lên. Người con trưởng của cụ Tú và một số gia nhân khăn áo chỉnh tề đã xếp hàng đứng ở cổng. Mặc dù chỉ là dân thường ít hơn một vài tuổi, nhưng con trai cụ Tú cũng được cụ Thượng Niêm vái chào rất cung kính (vì được coi là thế huynh).

Học trò cũ mà thầy lại mất từ lâu, nay về lễ tang vợ thầy, là chuyện thực mắt thấy tai nghe, kể lại đâu có lỗi thời, nhưng cũng hy vọng các bạn đọc chất lọc được trong phong tục xưa chút hương vị ngọt ngào.

### ***Lại chuyện cụ Thượng Niêm với thầy học cũ***

Chuyện này do một viên lính lệ (giấu tên) hầu hạ viên Tri huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

kể lại như sau: Cụ Hàn Trần tức Tống Trần Cơ, người xã Sơn Hào, huyện Hương Sơn, nguyên xưa là thầy đồ dạy học chữ nho, lại là thầy lang mát tay nổi tiếng một vùng. Nguyễn Khắc Niêm, người cùng xã là một trong những học trò cũ của cụ Hàn Trần, tuy làm đến chức Thượng thư trong triều, nhưng mỗi lần về quê, ông không quên đến hầu thăm sức khỏe thầy và gia đình thầy rồi cung kính cho gia nhân đem cang võng đến rước thầy sang nhà mình chơi.

Một hôm, viên Tri huyện T. cùng sang một chuyến dò ngang với cụ Hàn Trần, nhân dân phải cúi rạp xuống chào quan huyện, riêng cụ Hàn vẫn nghiêm nhiên ngồi đọc sách, không để ý đến quan huyện.

- Họ, tên gì? - Viên Tri huyện T. quen thói hống hách, tức giận hỏi trống không. Cụ Hàn Trần cũng trả lời trống không:

- Trần.

- Này thì "Trần", muốn "trần" cho "trần"! - Hấn ra lệnh cho lính lệ lột trần cụ già và đẩy xuống sông Phố. Đoạn này sông cạn, cụ Hàn chỉ ướt quần áo. Mọi người trên chuyến dò đều bất bình, căm ghét viên Tri huyện và nhảy xuống sông dìu cụ lên bờ.

Mấy hôm sau, câu chuyện diễn ra tại nhà cụ Thượng Niêm nhân dịp cụ Thượng có tiệc mừng. Trong số khách mời đến dự, tất nhiên có



viên Tri huyện sở tại nói trên (viên lính lệ, người dẫn truyện này cũng theo hầu). Quan bé đến nhà quan lớn, phải khúm núm vái lạy cụ Thượng từ dưới sân, chứ đâu dám hống hách như đến nhà dân thường.

Thật bất ngờ! Mặc cho Tri huyện đứng vái chào ở ngoài, cụ Thượng vẫn chưa thèm nhìn tới. Cụ còn bận tiếp đãi một cụ già với bộ quần áo nâu đang ngồi chễm trệ trên giường cao. Cụ Thượng ngồi thấp hơn một bậc, châm lửa cho cụ già ngồi hút thuốc lào.

Cụ già đó là ai? Chính là cụ Hàn Trần bị đẩy xuống sông hôm nọ. Hồi lâu cụ Thượng mới ngoảnh lại bảo viên Tri huyện:

"Giới thiệu, vị này là thầy học của tôi, anh hãy lạy thầy đi, anh đã quen biết thầy rồi đấy!".

Chuyện gì sẽ xảy ra sau đó? Mỗi người kể một cách, có người nói: "Nghe đâu cụ Thượng đã lột phẳng áo, mũ của viên Tri huyện rồi tống cổ về", có người nói: "Cụ Thượng chỉ nói mát một vài câu cũng đã đủ làm cho viên Tri huyện toát mồ hôi, run cầm cập!". Có người lại kể một thôi một hồi, y như anh ta đã chứng kiến và ghi tót ký những lời vàng, tiếng ngọc của cụ Thượng dạy viên Tri huyện về đạo làm cha mẹ dân, đạo làm người và trước hết là truyền thống "tôn sư trọng đạo" của dân tộc ta...

## Miếng trâu là đầu câu chuyện

Theo phong tục Việt Nam, miếng trâu chứa đựng nhiều tình cảm, ý nghĩa, giàu nghèo ai cũng có thể có, vùng nào cũng có. Miếng trâu đi đôi với lời chào.

*Tiện đây ăn một miếng trâu*

*Hỏi rằng quê quán ở đâu chẳng là.*

"Đầu trò tiếp khách" là trâu, ngày xưa ai mà chẳng có, hoạ chẳng riêng Tú Xương mới "Đầu trò tiếp khách trâu không có. Bác đến chơi nhà, ta với ta".

Quý nhau mời trâu, ghét nhau theo phép lịch sự cũng mời nhau ăn trâu nhưng "cau sáu bỏ ra thành mười".

Đặc biệt "miếng trâu là đầu câu chuyện" giao duyên giữa đôi trai gái:

*- Trâu vàng nhá lẫn cau xanh*

*Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời.*

Mời trâu không ăn thì trách móc nhau:

*- Đi đâu cho đổ mồ hôi*

*Chiếu trải không ngồi, trâu để không ăn.*

*- Thưa rằng bác mẹ tôi răn*

*Làm thân con gái chớ ăn trâu người.*

Khi đã quen hơi bén tiếng, trai gái cũng mượn miếng trâu để tỏ tình, nhất là các chàng trai nhờ miếng trâu mà tán tỉnh:

*- Từ ngày ăn phải miếng trâu*

*Miệng ăn môi đỏ dạ sâu đăm chiêu.*

- Một thương, hai nhớ, ba sầu  
Cơm ăn chẳng được, ăn trầu cầm hơi.

"Có trầu, có vỏ, không vôi" thì môi không thể nào đỏ được, chẳng khác gì "Có chăn, có chiếu, không người nằm chung":

- Cho anh một miếng trầu vàng  
Mai sau anh trả lại nàng đôi môi.  
- Yêu nhau chẳng lấy được nhau  
Con lợn bỏ đôi, buồng cau bỏ già.

Miếng trầu không đắt "Ba đồng một mớ trầu cay"... nhưng "Miếng trầu nên dâu nhà người".

Ngày nay, để răng trắng, nhiều người không biết ăn trầu nữa, nhất là ở thành phố, nhưng theo tục lệ nhà ai có con gái gả chồng, sau khi ăn hỏi xong cũng đem cau trầu biếu hàng xóm và bà con nội ngoại. Vì miếng trầu là tục lệ, là tình cảm nên dù ăn được hay không cũng chẳng ai chối từ.

Trước đây, ăn trầu còn sợ bị bỏ "bùa mê", "bùa yêu" nên người ta có thói quen:

Ăn trầu thì mở trầu ra  
Một là thuốc độc hai là mận vôi.

Các cụ càng già, càng nghiện trầu, nhưng không còn răng nên "đi đâu chỉ những cốt cùng chày" (Nguyễn Khuyến). Cốt chày giã trầu làm bằng đồng, chỉ bỏ vừa miếng cau, miếng trầu, miếng vỏ nhưng chạm trổ rất công phu.

Vì trầu cau là "*Đầu trò tiếp khách*", lại biểu tượng cho sự tôn kính, phổ biến dùng trong các lễ tế thần, tế gia tiên, lễ tang, lễ cưới, lễ thọ, lễ mừng... nên tèm trầu cũng đòi hỏi phải có mỹ thuật, nhất là lễ cưới phải có trầu tèm cánh phượng, có cau róc vỏ trở hoa. "*Cau già dao sắc*" thì ngon. Bày trầu trên đĩa, hạt cau phải sóng hàng, châu vào giữa, đĩa trầu bày 5 miếng hoặc 10 miếng, khi đưa mời khách phải bưng hai tay. Tế gia tiên thì trầu tèm, còn tế lễ thiên thần thì phải 3 lá trầu phết một ít vôi trên ngọn lá và 3 quả cau để nguyên.

### **Tục nhuộm răng và cách nhuộm răng đen**

Tục nhuộm răng là tục cổ xưa của dân tộc Việt, có từ thời các Vua Hùng với tục ăn trầu. Sứ thần của nước Văn Lang (Giao Chỉ) trả lời vua nhà Chu (Trung Quốc) về tục ăn trầu: "*Chúng tôi có tục ăn trầu để khử mùi ô uế và nhuộm cho răng đen...*".

Khiếu thẩm mỹ của con người thay đổi tùy theo đặc điểm dân tộc và tùy theo thời đại. Đối với các dân tộc ở châu Phi hay Ấn Độ thì da càng đen càng đẹp. Nước ta ngày nay, không ai nhuộm răng đen nữa, nhưng ngày xưa thì "*bồ công trang điểm má hồng, răng đen*". Phan Kế Bính - một nhà trí thức tiến bộ hồi đầu thế

kỷ XX, chủ trương cải tạo phong tục còn có nhận xét: *"Đàn ông trắng răng thì chẳng sao, chó đàn bà nhà tử tế bây giờ mà trắng răng thì coi cũng khí ngộ một đôi chút. Nhưng lâu dần cũng phải quen mắt, có lẽ quen mắt rồi thì trắng lại đẹp hơn đen nhiều"*.

*Năm quan mua lấy miếng cười*

*Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.*

Tục nhuộm răng đen đã lỗi thời, nhưng xin giới thiệu cách nhuộm răng cổ truyền của dân tộc ta, để các bạn trẻ được biết (có thể vận dụng trong ngành mỹ nghệ, kẻ vẽ, nhuộm các chế phẩm bằng xương ngà voi và nhựa):

Trước hết dùng cánh kiến tán nhỏ, vắt nước chanh để kín 7 ngày, chờ tối đi ngủ phết thuốc ấy vào hai mảnh lá dừa hoặc lá cau rồi áp vào hai hàm răng. Trong khi nhuộm răng thì kiêng nhai. Nhuộm như thế 5, 7 hôm cho răng đỏ già ra màu cánh gián thì bôi thuốc răng đen. Thuốc răng đen làm bằng phèn đen trộn với cánh kiến, nhuộm 1, 2 miếng là răng đen kịt lại, sau đó lấy vỏ quả dừa để lên con dao mà đốt cho chảy nhựa ra, lấy nhựa ấy phết vào răng cho không phai ra được nữa<sup>1</sup>.

---

1. Xem Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr. 351.

## **Tại sao gọi là tóc thề?**

Ngày xưa, các đôi trai gái yêu nhau hoặc có những đôi đã nên vợ nên chồng, đang mặn nồng đắm thắm bỗng vì một lý do nào đó mà tình duyên dang dở, đôi lứa xa nhau. Họ quyết một lòng, dù cho sông cạn đá mòn, năm chờ tháng đợi vẫn một lòng chung thủy. Trước khi lưu luyến chia tay, họ cắt trao cho nhau một mớ tóc để làm tin và luôn giữ trong mình như kỷ vật. Mớ tóc đó gọi là mớ tóc thề. Chỗ tóc bị cắt đó dần dần mọc lại và dài dần, mái tóc mới mọc đó gọi là mái tóc thề. Trong truyện Kiều có câu:

*Tóc thề đã chấm ngang vai*

*Nào lời non nước, nào lời sắt son.*

Có nghĩa là năm ba năm sau, chỗ tóc bị cắt cụt đã mọc dài chấm ngang vai rồi mà vẫn chưa thấy bóng dáng người yêu. Ngày xưa con trai cũng để tóc dài, cũng búi tóc, và vì vậy cũng có tóc thề.

## **Màu sắc với truyền thống văn hóa dân tộc**

Đối với mỗi dân tộc việc vận dụng màu sắc có tập quán khác nhau. Ví dụ ở các nước phương Tây, màu đen là màu tang tóc, còn ở Việt Nam và các nước phương Đông màu tang phổ biến lại là màu trắng.

Màu sắc còn mang đặc trưng sắc thái của các

tầng lớp xã hội khác nhau: ví dụ màu vàng là của vua, từ các quan đại thần cho đến thường dân, cấm không ai được mặc quần áo hoặc xây dựng nhà cửa màu vàng. Màu tím là sắc phục của các quan đại thần. Màu điều, màu đỏ dành riêng để tế thần và làm sắc phục cho các cụ thượng thọ. Màu nâu sòng là của cửa thiên, dành cho những người quy y Phật tổ, cũng như màu đen là sắc phục của linh mục đạo Ky Tô. Màu xanh là của những người còn theo đòi của Khổng sân Trình, của học trò chưa đỗ đạt.

Trong bài thơ của La Sơn Phu Tử của Nguyễn Thiếp gửi Tiến sĩ Nguyễn Khản có câu:

*Quân kim bào hốt trung triều sĩ*

*Cố ngã lâm tuyền khâm thượng thanh...*

(Có nghĩa là: Nay ngài đã là khanh tướng trong triều mà còn nhớ đến bạn học ngày xưa áo vẫn xanh). "*Áo vẫn xanh*" tức là chưa hiển đạt, vẫn còn là bộ quần áo của người hàn sĩ.

Màu đào, tức màu hoa đào, là của các nàng ca sĩ, cho nên mới có danh từ "*hát ả đào*".

Màu đen, màu nâu là trang phục rẻ tiền nhất của quần chúng nông dân.

Ở Việt Nam, từ xưa, màu đỏ, màu vàng, màu hồng, dùng trong trướng đối chỉ dành để chúc tụng, khao lão, mừng rỡ; còn trong lễ tang chỉ có thể dùng màu trắng, màu xanh, màu đen, màu tím... Không hiểu vì sao, gần đây

nhân nhân ở các cửa hàng, trướng diều (lễ tang) cũng dùng màu đỏ, màu vàng rực rỡ, không dùng màu đen, trắng, xanh, tím như ngày xưa. Vì thế mới xảy ra câu chuyện oái oăm: Có người đi mừng ông bạn 70 tuổi lại mua một bức trướng diều màu đỏ thêu 4 chữ vàng "*Tiên cảnh nhàn du*", có khác gì chúc cho bạn mình mau chết để chóng được lên dạo chơi trên cảnh Bồng Lai. Nguyên "*Tiên cảnh nhàn du*" (nghĩa là thanh nhàn dạo chơi trên cảnh tiên) là để an ủi người mới mất từ nay hết nợ trần gian lên hưởng cảnh tiên.

### **Vì sao có tục bán mở hàng?**

Trong phong tục ngày Tết, đầu năm ai cũng muốn vận hội hanh thông, làm ăn suôn sẻ nên làm quan có ngày khai ấn, kẻ sĩ có ngày khai bút, nhà nông có ngày khai canh, làm thợ có ngày khai công, người làm nghề buôn bán có ngày mở hàng. Theo tâm lý chung "đầu có xuôi thì đuôi mới lọt!". Nghề buôn bán rất bấp bênh, có ngày mua may bán đắt, có ngày ngồi suốt buổi chẳng ai ghé tới, có tháng lời lãi nhiều, lợi lộc lớn, có tháng thua lỗ mất cả chì lẫn chài, vì vậy không những chọn ngày mở hàng đầu năm, mà cả đầu tháng, đầu tuần, từng ngày còn phải để ý đến chuyện mở hàng. Vậy, mở hàng vào lúc nào? Bán cho ai "*nhẹ vía*" để cả ngày bán đắt



hàng? Thông thường muốn được đông khách đến mua thì thái độ người bán hàng phải niềm nở, vốn vãi, ân cần, bán với giá rẻ hơn bình thường để cầu được đông khách và giữ được chữ tín đứng hàng đầu. Song có người lại tưởng nhầm bán mở hàng phải bán cho đắt, người mua mặc cả chê đắt không mua bỏ đi, rốt cuộc ngồi lì suốt buổi không ai hỏi đến; thậm chí còn cho là tại người mở hàng nặng vĩa, chửi rửa ngâm và "đốt vĩa" người mở hàng. Người bán hàng như vậy không biết rằng chính mình là người nặng vĩa nhất.

Ngày trước người ta muốn đi chợ sớm để được mua mở hàng có giá rẻ hơn một chút, nhưng ngày nay nhiều người ngại mở hàng vì sợ vướng phải hạng người không biết mình bán hàng nặng vĩa lại đòi "đốt vĩa" người mua mở hàng.

Đến đây có thể tự trả lời: Bán mở hàng nên bán đắt hơn hay rẻ hơn giá bình thường?

*"Mở hàng nhẹ vĩa" hay "Nợ như Chúa Chỗm"*

*"Nợ như Chúa Chỗm"*. Đó là thành ngữ phổ biến để chỉ người lăm nợ. Nhưng tại sao Chúa Chỗm lại lăm nợ như vậy? Truyền thuyết kể rằng: "Chỗm" là hạng cùng dân quê ở Thanh Hóa, không có gia tài điền sản hay nghề nghiệp gì, quanh năm chỉ có đánh dậm, mò cua, bắt ốc nuôi thân. "*Chỗm*" tên thật là gì, quê quán ở đâu, bà con họ hàng thân thích có

những ai? Chẳng ai để ý đến. Một con người "tứ cố vô thân" như vậy, hỏi rằng ai dám cho vay mà "Nợ như Chúa Chổm" được. Nguyên do là có mấy lần vào sáng sớm, Chổm vào một quán nhỏ ăn lót dạ, tự nhiên những hôm đó chủ quán bán rất đắt hàng. Vì vậy, một đồn mười, mười đồn trăm, các chủ quán ai gặp Chổm cũng cố nài Chổm vào ăn quà lấy may. Hôm nào ai được Chổm chiếu cố vào ăn thì hôm ấy đều bán đắt hàng. Nhưng Chổm làm gì có nhiều tiền để trả, người ta vui lòng mời Chổm ăn, bao giờ có tiền trả cũng được, mà không có cũng thôi, do đó trong khắp vùng không ai mắc nợ nhiều bằng Chổm.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi của vua Lê Cung Hoàng, dựng nên nhà Mạc. Đến năm 1532, Nguyễn Kim khởi nghĩa phò Lê chống Mạc, đi tìm hậu duệ tôn của vua Lê, tìm được Chổm, có khí tướng đế vương (người ta còn đồn đại rằng Chổm đi đâu cũng có đám mây che trên đầu, trời đang nắng gắt cũng trở nên râm mát...). Chổm được phò lên ngôi vua mở đầu thời Lê Trung Hưng đóng đô ở Thanh Hóa (tức Tây Đô) để chống với nhà Mạc ở Hà Nội (tức Đông Đô).

Sau khi lên làm vua, không có điều kiện gần gũi quần chúng như trước, và cũng không nhớ nợ ai bao nhiêu để trang trải nợ, Chúa Chổm

(thực ra là Vua Chỏm) đành phải hạ lệnh đúc thật nhiều tiền, đi đến đâu rải tiền ra đến đấy, cho công chúng ai nhanh tay, mạnh bước thì nhặt lấy. Vì thế nên mới có thành ngữ "*Nợ như Chúa Chỏm*".

## IV. ĐẠO HIẾU

**Đạo hiếu là gì? Đạo hiếu theo quan niệm xưa và nay?**

Theo chữ Hán, chữ "hiếu" là chữ viết tắt của chữ "khảo" ở trên (lược bớt phần dưới) và chữ "tử" ở dưới. "Hiếu" tức là mối quan hệ cha trên, con dưới; suy rộng ra là đạo nghĩa của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

Đạo hiếu xuyên suốt trong mọi phong tục của nhân dân ta, không thể không đề cập đến chữ hiếu khi viết về phong tục cổ truyền của ta. Lễ tế, lễ tang, lễ cưới, kể cả sinh con, xây nhà, lễ hội, việc nước, việc làng thể hiện thuần phong mỹ tục của nhân dân ta; đồng thời trong số những phong tục đã lỗi thời, ta cũng chất lọc được một phần tinh hoa của đạo hiếu.

"*Hiếu*" là thiên kinh địa nghĩa, là gốc của mọi đức tính. Ca dao tục ngữ đã đề cập nhiều, ngay trong bài học vỡ lòng, trong "*Luân lý giáo khoa thư*" các em đã hiểu: "*Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*"... Những chân lý đó, không ai là không chấp

nhận, song quan niệm về chữ "*hiếu*" ngày nay cũng có phần khác thời xưa.

Dưới đây xin thuật lại một buổi tranh luận trong nội bộ một gia đình:

Trước tiên người bố hỏi "*Hiếu*" là gì? Cháu nội nhanh nhẩu trả lời: "*Hiếu*" là hiếu với dân, Bác Hồ khuyên: "*Trung với nước, hiếu với dân*". Đài báo cũng nhắc luôn: "*Hiếu với dân, tức là cán bộ phải chăm lo cho dân, đừng ăn hối lộ, đừng hách dịch với dân*".

- Việc hiếu là gì?

- Việc hiếu là việc... là việc... là việc cán bộ chăm lo cho nhân dân mà không ăn của đút, không... - Đến đây cháu lúng túng. Cậu con út trả lời thay:

- Việc hiếu là việc đưa đám ma, hôm trước con đi một đám ma khi đưa đám ma xong, ông hàng xóm đứng lên cảm ơn thân bằng cố hữu đã giúp gia đình lo xong việc hiếu.

Đến đây, người chú phụ họa thêm:

- Cháu nói có lý đấy anh ạ! Việc "*hiếu*" là việc đối với người chết, cho nên người ta thường nói "*hiếu*", "*hỷ*", tức là chỉ việc tang, việc cưới. Nhưng cháu ạ, việc hiếu phải ba năm chứ không phải đưa ma xong là xong đâu! Đến như Tiến sĩ Lý Trần Quán, một người tận trung tận hiếu cuối triều Lê, trước khi chết còn viết đôi câu đối "*Tam niên chi hiếu dĩ hoàn. Thập phần*

*chi trung vị tận*" (chữ "*hiếu*" ba năm đã xong, chữ "*trung*" mười phần chưa trọn).

- Hiếu đối với người chết, còn đối với người sống thì sao? "*Sự tử như sự sinh*" kia mà?

- Ô, anh muốn biết con anh có hiếu hay không, xin anh hãy ráng chờ sau khi anh chết sẽ rõ. Ca dao có câu "*Khi sống thì chẳng cho ăn. Đến khi chết xuống làm văn tế ruồi*". Thời xưa còn thế nghĩa là bây giờ.

Đến đây lại chuyển sang mục tranh luận giữa người bố và chú em về quan niệm chữ "*hiếu*" thời xưa và thời nay.

- Thời nay lớp trẻ chẳng biết "*chín chữ cù lao*" là gì. Công ơn mang nặng đẻ đau, nuôi con khôn lớn tốn bao nhiêu tâm lực, đến nay chúng nó có lớn mà chẳng có khôn.

- Đã thế còn hỗn láo, bướng bỉnh... - Người anh phàn nàn.

- Đó chẳng qua là món nợ đồng lần, mình nuôi con rồi con nuôi cháu cũng thế. Lớp trẻ bây giờ nhiều người nói ngược: "*Sinh ra ta, nuôi ta lớn lên, đó là trách nhiệm của bố, mẹ*". Có đứa còn trách bố, mẹ: "*Sao con người ta ăn sung mặc sướng, được chiều chuộng. Bố, mẹ mình thì "khất khe" mà còn kể ơn huệ!*" - Người chú tiếp thêm.

Đối với những ông bố, bà mẹ có những đứa

con như vậy, quả thật là bất hạnh, song cũng phải khẳng định số người đó rất ít, vả lại khi đến tuổi trưởng thành, được tiếp thu sự giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội và qua khảo nghiệm thực tế của cuộc đời, tính tình chúng sẽ thay đổi. Bố, mẹ bao giờ cũng sẵn sàng tha thứ, nước mắt chảy xuôi là lẽ thường tình.

Bàn đến câu ca dao: "*Cá không ăn muối cá ươn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư*", rồi "*Trứng khôn hơn vịt*"... được dịp, anh con cả xen vào:

- Con xin phép cha mẹ và chú, con cãi cha mẹ không phải trăm đường con hư cả. Nếu cha mẹ nghĩ sai làm sai, con can ngăn thì đó có phải là bất hiếu đâu!

Người chú gật gù tán thành:

- Cháu nói có lý. Câu "*Con cãi cha mẹ trăm đường con hư*" chỉ đúng khi đứa con còn thơ ấu, chứ khi đã trưởng thành có nhiều cô cậu còn khôn hơn cha mẹ. "*Con hơn cha là nhà có phúc*". Ngày nay, khoa học kỹ thuật tiến bộ và không ngừng đổi mới, tư duy chính trị, kinh tế cũng đổi mới mà cánh già chúng ta thường hay thủ cựu, bảo thủ cố chấp. Ấu cũng là mâu thuẫn giữa hai thế hệ...

- Theo chú, câu tục ngữ "*Có con tội sống, không có con tội chết*" có đúng không?

- Đúng thời xưa nhưng không đúng thời nay. Người xưa có câu "*Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*" (có ba điều bất hiếu với cha mẹ, trong đó không có con là điều nặng nhất). Cha mẹ, ông bà tuy đã qua đời nhưng còn sống trong tâm chúng ta, nếu ta không có con thì sau khi ta chết, ta cũng làm tiêu tan nốt dòng máu của bao đời tổ tiên, ông cha lưu lại. Nhưng còn tội sống thì sao? Có ít người cho rằng nuôi con chẳng qua chỉ mang thêm tội vạ. Đã vậy sao nhiều người ghét con lại thương cháu. Có lẽ bởi họ nghĩ rằng con họ đã không nối được nghiệp cha ông thì hy vọng cháu mình sẽ nối.

Trong cuốn *Nghìn lẻ một đêm* một nhà thông thái đã trả lời đám đông: "*Nỗi khổ nhất và dai dẳng nhất trên đời là có đứa con hư*". Nhưng còn một mặt khác, mà là mặt tích cực và phổ biến "*Con khôn nỡ mặt mẹ cha*", "*Một con một cửa*". Gặp nhau người ta hỏi thăm nhau: "*Mấy trai, mấy gái rồi?*", chứ có ai hỏi: "*Mấy cửa rồi?*" đâu.

Nhân nhắc đến những gương hiếu kính thời xưa được nhà vua ban biển vàng (thời vua Lê Huyền Tông cách đây hơn 300 năm (1663-1671), ban biển đỏ với bốn chữ vàng "*Hiếu hạnh khả phong*" như thời Vua Hàm Nghi (1885-1888)), người chú thắc mắc có tính chất gợi ý:



"Ngày nay thiếu gì gương hiếu kính sao từ Trung ương đến địa phương chưa thấy có hình thức khen thưởng biểu dương gì?". Trong quyển *"Nhị thập tứ hiếu"* có Lục Tích người quận Cửu Chân, đất Thanh Hóa ngày nay, mới 6 tuổi đến nhà họ Viên ăn tiệc xong giấu quả quýt mang về cho mẹ. Lục Tích cũng được liệt trong số *"Thảo hai mươi bốn, thơm nghìn muôn thu"*, sao trong sử sách ta, không thấy đề cập đến?

Người chú vừa dứt lời, cậu con trai thứ xen vào:

- Tưởng ai nổi danh, chứ như Lục Tích giấu quýt về cho mẹ cũng đưa vào sử sách, thì ở nước ta giấy mực đâu mà thống kê cho hết, ở một vùng cũng đến hàng nghìn, hàng vạn người. Ngay như cháu đây, lúc nhỏ cùng đi ăn giỗ với chú ở nhà thờ họ, hẳn chú còn nhớ, lúc đó cháu mới 4, 5 tuổi, cháu còn nhờ chú xé sẵn cho cháu một tàu lá chuối trước khi ăn cỗ, thế rồi phần giò, phần nem, chả, xôi, hoa quả của cháu, cháu đều gói cả lại mang về phần mẹ, phần em, mặc dù cháu rất thèm, cháu hơn hẳn Lục Tích chứ chú?

Nghe con nhắc lại chuyện cũ, người mẹ nhoẻn miệng cười gật đầu tán thưởng và còn rơm rớm nước mắt vì cảm động.

Cậu con thứ, bỗng quay lại phía người chú, đột ngột hỏi:

- Vua ban bằng "*Hiếu hạnh*" gì đó có đúng đối tượng không chú? Hay là nghe dưới tâu báo lên, chỉ phong cho bọn lăm tiền, khéo nịnh, để được ăn khao cho to? Chú ạ, "Đức Đại thánh họ Ngu Vua Thuấn" thì đúng là không khôn. Hiếu với cha mẹ đã đành một nhẽ, chứ với mụ dì ghẻ cay nghiệt như kiểu mẹ con con Cám, gặp phải cháu thì ăn đấm chứ đừng hòng "trăm cay đắng một niềm ngon ngọt". Đời nhà ai, có người chôn con nuôi mẹ như Hán Quách Cự mà cũng được "thơm nghìn muôn thu". Đáng lý ra triều đình phải nghiêm trị tội giết người, hơn nữa lại là tội giết hại trẻ con.

Cuối cùng người chú quay sang hỏi người anh:

- Theo ý anh, thế nào là "có hiếu", thế nào là "bất hiếu". Giữa hai đứa con, anh chọn đứa nào, một như cháu đây: con nhà nghèo, mới 4, 5 tuổi đã biết dành phần ngon về biếu mẹ; một là đứa giàu sang, không đúng ngày giỗ cha cũng lấy có bìa ra ngày giỗ, cỗ bàn linh đình để khoản đãi, cầu cạnh những kẻ cao sang, làm ra vẻ người con chí hiếu, trong khi đó thì hắt hủi người mẹ quê mùa, lam lũ nghèo hèn như trong chuyện "*Báo hiếu cha*" của Nguyễn Công Hoan. Giữa "Lục Tích nhà ta" mặc dù có lúc còn hỗn láo bướng bỉnh và nhân vật "Chủ hãng ô tô con cọt" của Nguyễn Công Hoan, anh chọn đứa nào?

Dường như để tránh dung dưỡng cho những điều không phải, người chú quay lại, nhỏ nhẹ bảo cháu:

- Cháu ạ, cháu có thể tranh luận với cha, mẹ nhưng phải lễ độ, từ tốn, phải biết lựa lời, chọn lúc, tuyệt đối không được có thái độ nóng nảy, cáu gắt, hỗn láo, nhất là khi có khách, khi ra đường, giữa công chúng, hoặc trước mặt vợ con, đừng để ông bà trên bàn thờ quở mắng bố mẹ cháu không biết dạy con; đừng để vợ con cháu, em út cháu khinh nhờn bố mẹ cháu, tất nhiên cũng khinh nhờn cả cháu. Sau này cháu sẽ rõ: Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ.

Từ này đến giờ người mẹ chỉ ngồi nghe, bây giờ mới lên tiếng: "Nghe cha con, chú cháu nhà ông nói thì ai cũng có lý!"

Xin mượn câu đó làm câu kết cho bài này.

### **Tục khao lão**

*Bây giờ đến bậc ăn dưing nhĩ*

*Có rượu thì ông chống gậy ra.*

*(Nguyễn Khuyến)*

Lên lão cũng phải khao. "*Khao lão*" không khó khăn như khai vị thứ đình trung. Lo đủ lễ là được, có mời thì phe giáp hay thôn xóm khắc đến, vì lên lão là quyền đương nhiên không phải cầu cạnh.

Những nhà giàu có thường nhân dịp này bày tiệc mừng thọ tế lễ, ăn uống linh đình. Tế sống cha mẹ, có văn chúc thọ với ban tư văn hành lễ trợ tế. Cha mẹ ngồi phía trong, con trai, con gái, dâu, rể, cháu chắt, phân thứ bậc trên dưới đứng hai bên, nam bên trái, nữ bên phải, làm lễ tế ba tuần rượu, có tấu nhạc trọng thể, vui vẻ. Tế sống cha mẹ mỗi lần hai lạy; khác tế thân, tế tổ mỗi lần bốn lạy. Ở đất văn vật, bài văn tế chúc thọ thường là cả một công trình bút mực, có khi người trong vùng nô nức đến xem tế và nghe đọc văn.

Có đám mừng thọ mời bà con họ hàng làng xóm, làm tiệc hát xướng vài ngày.

"Phú quý sinh lễ nghĩa", có nhiều nhà làm lễ mừng thọ cha mẹ lên lão 70, 80, 90 tuổi... Không phải tục lệ bắt buộc nhưng giàu có bày ra thết đãi mời mọi người đến chia vui với mình, đồng thời làm vui lòng cha mẹ, tưởng cũng là một tục hay, có thể khiến cho những kẻ nhẹ tình hiếu thảo, không lo phụng dưỡng cha mẹ cho được tuổi thọ như người phải lấy làm suy nghĩ và hổ thẹn<sup>1</sup>.

## **Yến lão**

"*Yến*" là tiệc rượu. Nhiều làng có tục yến lão,

---

1. Nhất Thanh: *Đất lề quê thói*, Nxb. Đồng Tháp, tr. 534.

hàng năm hay hai ba năm một lần thiết tiệc mừng thọ các quan lão. Có thể nói đây là một thịnh điển thời thái bình, không phải là một hủ tục đã gây nên nhiều tệ đoan như tục ngồi thứ hương ẩm. "*Sống lâu lên lão làng*", tự nhiên có vinh dự tuổi thọ, không phải tranh giành mới có, chẳng phải có tiền mà mua được, có quyền thế tạo nên được.

Mỗi năm cứ đến dịp làng mở hội hoặc ngày đại lễ có định kỳ, các quan lão tụ hội ở chùa hay nơi công quán hay một nhà đương cai, làng đem cờ quạt với phường bát âm đến rước ra đình. Những làng trù phú thường sắm đủ võng lọng rước lão, lão 100 tuổi đi võng điều che bốn lọng xanh, lão 90 tuổi đi võng điều hai lọng xanh, lão 80 tuổi võng xanh (đòn cong) một lọng, lão 70 tuổi võng xanh (đòn ống) một lọng. Trai tráng cầm cờ khiêng võng đều nón dẫu áo nẹp. Đám rước rất trọng thể.

Tại đình làng, bàn thờ tiên lão được lập ở chính giữa, các quan lão ngồi hai gian bên theo thứ bậc tuổi, có làng yển cả lão bà thì lão ông ngồi gian trái, lão bà ngồi gian phải.

Tùy theo lệ làng, có nơi lão 90 tuổi hoặc lớn hơn nữa ngồi một mình chiếu nhất, có nơi chưa đến 60 tuổi đã là bậc cao niên nhất, cũng ngồi một mình chiếu nhất.

Tế lão cũng đủ nghi thức như tế thần, ba tuần

rượu với văn tế tiên lão, văn chúc thọ quan lão, có ban tư văn hành lễ, phường bát âm tấu nhạc.

Lúc tế, quan lão ngồi trước những mâm cỗ đặt giữa chiếu, chỉ uống rượu suông không ăn, là thủ ý trang nhã, trịnh trọng đối với dân làng, ngồi chứng kiến cuộc lễ diễn ra và chăm chú nghe văn tế, văn chúc thọ. Những mâm cỗ kia sẽ được mang đến từng nhà biếu các cụ.

Cỗ yến lão thường rất thịnh hậu cả về phẩm lẫn lượng, có nơi mỗi cỗ yến lão gồm hai bánh dày, hai bánh chưng với các món giò, nem và nhiều thứ bánh khác làm rất công phu.

Chiếu nhất, một cụ ngồi thì được biếu cả một cỗ gọi là cỗ một; chiếu nhì, hai cụ ngồi là cỗ đôi thì được biếu mỗi cụ một nửa cỗ; những cỗ dưới là đồng hạng cứ bốn cụ một cỗ.

Từ ngàn xưa, những khi có việc, không hề có bóng phụ nữ nơi đình trung. Ngày yến, sự hiện diện của các lão bà đem lại cho dân làng một cảm giác đặc biệt vui vẻ đầm ấm.

Ở nước ta, tục yến lão có xuất xứ từ đạo hiếu, một đặc tính dân tộc, có ý nghĩa rất trọng hậu, trẻ vui đạo trẻ, già vui tuổi già.

Lúc văn niên, tóc bạc da mồi, với cuộc sống buồn tẻ nơi thôn dã năm tháng trôi, các cụ hẳn cũng cảm thấy vui sướng được cả làng bày tỏ sự quý trọng, quý trọng rất mực trong cuộc rước đón những buổi yến ẩm, con cháu các cụ thì

được hãnh diện là gia đình có phúc mới được tuổi thọ, cho nên nhiều nhà dù nghèo cũng ráng may sắm đồ cho ông bà đi dự yến.

Cụ thì mũ ni nhung đen, áo vóc đại hồng; cụ thì khăn nhiễu tam giang, giấy văn hài; cụ thì áo đoạn huyền quần lụa bạch; có những cụ nhà bần hàn, quanh năm quần nâu áo vải lúc này cũng quần chúc bầu, áo the thâm, áo láng chéo go, dép mới thay quai... Y phục của các cụ tùy vào hoàn cảnh mỗi nhà, không có lệ định nào, chỉ trừ màu vàng của nhà vua, quan dân đều không được mặc.

Trước ngực, dưới vòng dây thao quàng cổ là túi gấm màu lam, màu huyền đựng trầu, thuốc, cối, chày...

Đám rước quan lão, y phục màu sắc như vậy với vòng lông cừ quật, vừa huy hoàng ngoạn mục vừa gợi cảm. Những nhà từ mấy đời không hề có ông cha được dự, không khỏi bồi ngùi tiếc thương người đã khuất, không khỏi thêm muốn ước mong cho gia đình đời nay và đời sau<sup>1</sup>.

## **Việc họ**

Từ năm 1975 đến nay, nhất là những năm gần đây, từ Bắc đến Nam đều có phong trào phục hồi việc họ, với nội dung: diễn dịch, biên

---

1. Nhất Thanh: *Đất lề quê thói*, *Sđd*.

soạn, phổ biến gia phả, sửa sang tôn tạo mộ tổ, từ đường; tổ chức tế tự, giỗ tổ hàng năm... và nhờ đó tình cảm gia tộc gắn bó hơn trước. Đó là một phong trào tự phát, chưa có một văn bản, chỉ thị nào của cơ quan trung ương, địa phương hay ngành văn hóa có hướng dẫn khuyến khích. Vậy nhân tố nào chỉ đạo, thúc đẩy phong trào lan rộng, nhanh như vậy?

Đây là quy luật phát triển xã hội khách quan.

Trong thời kỳ kháng chiến, mọi người dân, trên cương vị của mình, đều phải dồn toàn bộ tâm sức vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, và khi đó đều phải lo những vấn đề bức xúc nhất: ăn, ở, sống chết... và những việc không thể đình hoãn được. Sau hòa bình, cuộc sống vật chất đã tương đối ổn định, nhu cầu về đời sống tinh thần, văn hóa cao hơn. Việc đi lại, thăm viếng nhau trong gia đình họ hàng thân thuộc, việc củng cố, gắn bó mối quan hệ gia tộc, việc thờ phụng tổ tiên, ông bà, cha mẹ từ ngàn xưa đã trở thành văn hóa của người Việt Nam.

Dưới bất kỳ xã hội nào, dù xu hướng chính trị, tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, tình cảm gia đình vẫn vậy. Tính gia tộc là khái niệm mở rộng của tình gia đình, “Một giọt máu đào hơn ao nước lã”. Đó là tình cảm tự nhiên, mọi người đều thừa nhận.

Vì vậy, khôi phục việc họ là hợp với tâm tư



của số đông nhân dân, một người đề xướng được trăm người hưởng ứng. Đó cũng là thuần phong mỹ tục.

Phục hồi việc họ là việc làm đúng, vô tư, phát huy được thuần phong mỹ tục. Nếu cán bộ cơ sở biết khéo léo vận dụng đường lối, loại trừ được ba chiều hướng tiêu cực sau đây thì càng có nhiều dòng họ vững mạnh, càng có lợi cho phong trào chung:

- Ngăn ngừa một số phần tử lợi dụng tình cảm họ hàng thân thuộc để kéo bè, kéo cánh.
- Phục hồi việc họ, đồng thời nhân đó phục hồi luôn cả những hủ tục, mê tín dị đoan.
- Dựa vào thế có người nhà, người trong họ có chức có quyền để bóp méo luật pháp, làm ăn sai trái.

Ngoài ra, nếu tổ chức hội hè đình đám không đúng lúc, đúng chỗ, gây lãng phí nhiều thời gian và tiền của, ảnh hưởng đến công việc, thời vụ sản xuất, thì nên khéo léo hướng dẫn nhằm hạn chế mặt tiêu cực.

Họ hàng thành đạt thì làng xã phồn vinh.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, bộ máy hương lý có quyền điều hành những công việc về hành chính, pháp lý, trật tự trị an; còn những việc xây dựng nông thôn, chấn hưng phong hóa như làm đường sá, đào giếng, sửa sang đình chùa, hội hè..., hội đồng hào mục

muốn huy động công sức, tiền của của dân, phải dựa vào các họ nên mỗi xã, thôn có một hội đồng tộc biểu bao gồm những người có vai vế trong các họ. Chỉ những vị đó mới có khả năng vận động con cháu trong các họ ra làng xã làm những việc công ích.

Phục hồi việc họ, nếu được hướng dẫn đúng, sẽ có lợi nhiều mặt đối với các phong trào ở địa phương:

- Phục hồi luân lý, đạo đức, kỷ cương xã hội, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới.

- Góp phần trong việc giáo dục tư tưởng cha mẹ hiền từ, con trung hiếu, cháu thảo hiền, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

- Vận dụng kinh nghiệm của các họ thời xưa, có đặt binh điền, học điền, tổ chức lễ họ, hội tương tế. Vận động đặt các giải thưởng cho con cháu trong họ học giỏi, lên lớp, lên cấp, hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nêu cao ý thức tôn trọng người già, thương yêu giúp đỡ người cơ nhỡ, ốm đau, tàn tật...

Nếu khéo tổ chức, các họ còn có thể có tủ sách, câu lạc bộ văn hóa...

## **Ruộng hương hỏa**

*"Ruộng hương hỏa"* là ruộng dành riêng giao cho tộc trưởng lo việc phụng thờ hương khói cho

ông cha, tổ tiên. Ruộng hương hỏa lưu truyền từ đời này sang đời khác. Ruộng hương hỏa không được chia, không được bán. Luật pháp thời phong kiến cấm bán ruộng hương hỏa. Chừng nào cánh cửa trưởng không còn người nối dõi tông đường hoặc đi biệt xứ xa quê, họ khuyết tộc trưởng thì người con trưởng hoặc đích tôn thừa trọng của cánh hai lên thay, tiếp tục hưởng ruộng hương hỏa và lo việc giỗ tết, hương khói. Chừng nào toàn bộ con cháu trong họ đều phiêu cư bạt quán (con gái không được tính đến) thì người cuối cùng đang hưởng hương hỏa nếu có khó khăn đặc biệt làm đơn xin bán, lý trưởng đóng dấu cho bán, nhưng chỉ được bán quyền<sup>1</sup>. Lý trưởng nào làm sai luật lệ trên sẽ bị quan xử phạt, nếu trong họ có người thưa kiện.

Vì có ruộng hương hỏa nên việc tế tự được duy trì bền vững, dù họ lớn hay bé, thịnh đạt hay bình thường, dù tộc trưởng giàu hay nghèo, sang hay hèn, già hay trẻ (có khi mới chỉ là đứa

---

1. Luật pháp thời phong kiến quy định bán mua ruộng đất có hai hình thức:

- Bán quyền hay bán tạm, khi nào có đủ số tiền ghi trong khế ước thì được chuộc lại, người mua không có quyền bán cho chủ khác, qua vụ thu hoạch mới nhận lại tiền, trả lại ruộng.
- Bán đoạn tức là bán hẳn, quyền sở hữu thuộc chủ mới.

bé con năm bảy tuổi) việc tế tự vẫn uy nghi đông đủ.

### **Tộc trưởng xưa và nay khác nhau như thế nào?**

Ngày xưa, việc họ là cứ vào tộc trưởng. Họ lớn có tộc trưởng họ lớn; các chi có trưởng chi. Tộc trưởng có quyền lợi, nghĩa vụ rõ ràng. Ruộng hương hỏa và tự điền có nhiều thì lễ to, nhà thờ họ lớn, tế khí đầy đủ và ngược lại. Khi vào tế lễ, tộc trưởng dù còn trẻ tuổi vẫn là chủ tế, các ông chú cao tuổi vẫn là bồi tế. Nếu tộc trưởng còn nhỏ quá thì một ông chú kế trưởng thay thế, cũng như ông vua trẻ chưa thành niên có phụ chính đại thần.

Ngày nay, ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân, không còn ruộng hương hỏa, không còn chế độ thu tô như trước, quyền lợi của tộc trưởng hoặc người thay tộc trưởng dĩ nhiên phải thay đổi; nghĩa vụ của tộc trưởng đối với tổ tiên và họ hàng cũng tùy thuộc vào nhận thức, tâm tư, trình độ hiểu biết, hoàn cảnh sinh sống của từng người, không có quy định nào ràng buộc. Có nhiều họ, tộc trưởng ngụ cư hoặc thoát ly công tác ở phương xa cũng không giao (hoặc không giao được) việc họ cho ai. Trong hoàn cảnh đó, việc hương khói, tế tự tổ tiên và quan hệ họ hàng bị phứt khoát.

Thể theo nguyện vọng, tâm tư, tình cảm "uống nước nhớ nguồn", ngày giỗ, ngày tết con cháu muốn dâng lên tổ tiên bát nước, nén hương... nhiều họ đã có sáng kiến thành lập một hội đồng gồm những người có uy tín, nhiệt tình trong họ để chăm lo việc họ. Chưa có một văn bản hay một tiên lệ nào quy định đó là ban nghi lễ, là hội đồng gia tộc hay hội đồng tộc biểu...

Trước mắt, họ nào mạnh hay yếu, thịnh đạt hay suy vi, tình cảm họ hàng gần bó hay không, tác động tốt hay xấu tới phong trào chung còn tùy thuộc vào sự nhiệt tình, khả năng tổ chức lãnh đạo của một số cá nhân đóng vai trò chủ chốt, chứ chưa có một cơ chế nào bảo đảm sự bền vững lâu dài.

### **Thờ vọng và cách lập bàn thờ vọng**

Bàn thờ vọng ngày nay khá phổ biến, áp dụng cho con cháu sống xa quê hướng vọng về quê, thờ cha mẹ, ông bà, tổ tiên, hương khói trong những ngày giỗ, tết. Ngày xưa, với nền kinh tế nông nghiệp tự cung, tự cấp, người nông dân suốt đời không rời quê cha đất tổ, chuyển cư sang làng bên cạnh cũng đã gọi là biệt quán, ly hương, vì vậy bàn thờ vọng chỉ là hiện tượng cá biệt và tạm thời, chưa thành phong tục phổ biến.

"Vọng bái", nghĩa là vái lạy từ xa. Ngày xưa, khi triều đình có những điển lễ lớn, các quan trong triều tập trung trước sân rồng làm lễ, các quan ở các tỉnh hoặc nơi biên ải thiết lập hương án trước sân công đường, thấp hương nến, hướng về kinh đô quỳ lạy Thiên tử. Khi nghe tin cha mẹ hoặc ông bà mất, con cháu chưa kịp về quê chịu tang cũng thiết lập hương án ngoài sân, hướng về quê làm lễ tương tự. Các bàn thờ thiết lập như vậy chỉ có tính chất tạm thời, sau đó con cáo quan xin về cư tang ba năm (xem bài *Lễ cư tang*). Hằng năm, các thiện nam tín nữ đi trả hội đền thờ Đức Thánh Trần ở Vạn Kiếp, Đức Thánh Mẫu ở đền Sòng... dần dần về sau, đường sá xa xôi, cách trở, đi lại khó khăn, cũng lập bàn thờ vọng như vậy. Nơi có nhiều tín đồ tập trung dần dần hình thành tổ chức. Các thiện nam tín nữ quyên góp cùng xây dựng tại chỗ một đền thờ khác, rồi cử người đến đền thờ chính xin bát hương về thờ. Những đền thờ đó gọi là vọng từ (ví dụ ở số nhà 35, phố Tôn Đức Thắng, Hà Nội, có "*Sùng Sơn vọng từ*" nghĩa là Đền thờ vọng của Núi Sòng, thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh).

Bàn thờ vọng thờ ông bà, cha mẹ chỉ được lập trong trường hợp sống xa quê. Những người con thứ, bất cứ giàu nghèo, sang hèn thế nào, nếu ở gần cánh cửa trưởng trên đất tổ phụ lưu lại thì

đến ngày giỗ, ngày tết, con thứ phải có phận sự hoặc góp lễ, hoặc đưa lễ đến nhà thờ hay nhà con trưởng làm lễ, cho dù cửa trưởng chỉ thuộc hàng cháu, thì chú hoặc ông chú vẫn phải thờ cúng ông bà tại nhà cửa trưởng. Do đó, không có lệ lập bàn thờ vọng đối với cửa thứ ngay ở quê nhà. Nếu cửa trưởng khuyết hoặc xa quê, thì người con thứ hai thế trưởng được lập bàn thờ chính, còn bàn thờ ở nhà người anh cả xa quê lại là bàn thờ vọng.

Phong tục này rất hay và rất có ý nghĩa. Bởi lẽ chữ hiếu đi đôi với chữ đê. Khi sống cũng như đã mất, ông bà cha mẹ bao giờ cũng mong muốn anh chị em sống hòa thuận, một nhà đầm ấm. Thỉnh vong linh về cúng lễ, mà anh chị em ở gần nhau không sum họp, mỗi người cúng một nơi thì đó là mầm mống của sự bất hòa, vong linh không thể thanh thản được.

### ***Cách lập bàn thờ vọng***

Đây chưa phải là phong tục cổ truyền, chưa có nghi lễ nhất định, mà chỉ là kinh nghiệm truyền cho nhau khoảng từ đầu thế kỷ XX trở lại, nay tùy hoàn cảnh mà vận dụng: Khi bắt đầu lập một bàn thờ vọng phải về quê chính báo cáo gia tiên tại bàn thờ chính. Sau đó xin phép chuyển một lư hương phụ hoặc mấy nén hương đang cháy dở mang đến bàn thờ vọng

rồi thấp tiếp. Nếu có nhà riêng tương đối rộng rãi khàng trang thì bàn thờ đặt hẳn một phòng riêng chuyên để thờ cúng cho tôn nghiêm, hoặc kết hợp đặt ở phòng khách, nhưng cao hơn chỗ tiếp khách. Nếu đặt bàn thờ gia thần riêng, thì phải đặt thấp hơn bàn thờ gia thần một ít. Đặt hướng nào? - Hướng về quê chính, để khi người thấp hương vái lạy thuận hướng vái lạy về quê. Ví dụ người quê miền Trung sống ở Hà Nội thì đặt bàn thờ vọng phía nam căn phòng hay ngoài sân, ngoài hiên. Không nên đặt bàn thờ trong buồng ngủ, trừ trường hợp nhà chật hẹp quá thì phải chịu. Không nên đặt cạnh chỗ uestap, hoặc cạnh lối đi. Đối với những gia đình ở khu tập thể cao tầng, không nên quá câu nệ khi đặt bàn thờ. Những người sống tập thể, chỉ đặt một lọ cắm hương đầu giường nằm của mình cũng đủ, miễn là có lòng thành kính, không cần phải câu nệ hướng nào, cao thấp rộng hẹp ra sao.

### **Hợp tự là gì? Tại sao phải hợp tự?**

Hợp tự có nghĩa là rước các tiên linh các đời vào thờ chung trong cùng một nhà thờ của đại tôn hay của từng tiểu chi.

Theo phong tục cổ truyền: Năm đời tống giỗ, hay "ngũ đại mai thần chủ" (đến 5 đời thì chôn thần chủ). Thực chất chỉ có 4 đời, tức là làm giỗ



cha mẹ (đời 2), ông bà (đời 3), cụ ông cụ bà (hay cố đời 4) và kỵ (hay can đời 5). Cao hơn kỵ gọi chung là tiên tổ, thì không cúng giỗ nữa, mà rước chung tất cả thủy tổ, tiên tổ các đời vào chung một nhà thờ mỗi năm tế một lượt. Thần chủ con cúng cha mẹ, đề là hiển khảo, hiển tỷ; đến khi người con trưởng chết, cháu đích tôn cúng ông bà, đổi thần chủ là hiển tổ khảo, hiển tổ tỷ; đến lượt cháu trưởng mất, chất trưởng tiếp tục thờ cụ là hiển tăng tổ khảo (hoặc tỷ); chít (chiu) trưởng thờ kỵ là hiển cao tổ khảo (hoặc tỷ). Sau năm đời thì rước vào nhà thờ tổ rồi chôn thần chủ đó đi. Trong nhà thờ tổ chỉ để duy nhất một ngôi thần chủ cao nhất (thủy tổ hoặc tiên tổ bậc cao nhất của nhà thờ chi đó) gọi là "Vĩnh thế thần chủ".

Gộp chung tất cả tiên tổ của nhiều đời lại để tế chung thay cho từng lễ giỗ, đó là hình thức hợp tự cổ truyền. Song trong phong tục đó còn có nhiều điều bất tiện: Chỉ con trưởng, cháu trưởng, chất trưởng... nối dòng qua nhiều đời mới được thờ ở nhà thờ chính. Vì vậy, con, cháu, chất những người con thứ qua nhiều đời phải xây nhiều nhà thờ lớp con thứ, lớp cháu thứ, lớp chất thứ... Nếu cứ thế tiếp tục mãi, thì có nơi số nhà thờ còn nhiều hơn cả số nhà ở của người đang sống. Vì vậy, đầu thế kỷ XX đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở nhiều nơi đã có phong trào tiến

hành hợp tự vào các nhà thờ họ: dù cửa trưởng hay cửa thứ, sau khi mất, hết vòng tang đều được rước linh vị vào thờ ở nhà thờ chung của họ. Linh vị xếp theo thế thứ trên dưới. Đến ngày giỗ người nào, thì đưa linh vị người đó vào hàng giữa theo thứ bậc, cúng xong lại xếp vào vị trí cũ. Việc hợp tự như vậy trước là hợp với tâm linh, con cái ở dưới chân cha mẹ, cháu chắt về với tổ tiên, tượng trưng cho sự đoàn tụ ở cõi âm, sau nữa thuận tiện cho việc chung sức, chung lòng xây dựng nhà thờ, mua sắm tế khí, quanh năm hương khói, gắn bó thêm mối tình ruột thịt trong nội thân. Song cũng có những gia đình kinh tế dồi dào hơn, lại ở cách xa nhà thờ đi lại bất tiện, nên họ cúng riêng, tiện hơn, không hợp tự. Do đó, ngày nay nên vận động hợp tự trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

### **Gia phả là gì?**

Gia phả là lịch sử của một dòng họ, một gia đình lớn. Không cần đề cập nhiều về ý nghĩa vì trong mỗi cuốn gia phả của từng dòng họ đều đã nêu rõ ở lời tựa. Đành rằng cái ăn, cái mặc để nuôi sống gia đình và bản thân là việc hàng đầu. Nhưng có thấy nỗi day dứt của những người có tâm huyết muốn truyền cho con cháu biết cha mình do ai sinh ra, từ đâu đến, tổ tiên công đức ra sao, ngặt vì gia phả đã mất; có thấy được nỗi niềm của những người trú ngụ ở

phương xa không được cha ông truyền cho biết gốc gác của mình từ đâu, họ hàng là ai, mới thấy đầy đủ ý nghĩa của hai chữ "*Gia phả - Gia bảo*". Giọt nước rất quý đối với người sống trên sa mạc, còn đối với người sống ven sông, để gì mỗi lần "uống nước" lại phải "nhớ nguồn".

Thời trước họ nào cũng có gia phả, có họ từng nhà còn có gia phả. Nếu vì thủy, hỏa, đạo tặc để mất vàng bạc, của cải gì thì mất, chứ không để mất gia phả. Ngặt vì gia phả ngày xưa viết bằng chữ Hán, hơn nữa từng chi từng nhà chỉ nối phần trực hệ của chi mình, nhà mình, thảng hoặc mới có một cuốn gia phả ghi đời tiếp nối của chi anh, chi em, đến đời hai đời ba là cùng, do đó nếu một chi mất gia phả thì chi khác không thể bổ cứu. Hiện nay, do mất gia phả nên nhiều họ tuy cùng ở với nhau trong một địa phương vẫn không biết nhau, không nhận được quan hệ họ hàng.

Theo một ý nghĩa khác, gia phả sở dĩ gọi là gia bảo vì đó là lịch sử của tổ tiên nhiều đời truyền lại, là điều tổ tiên muốn gửi gắm lại cho đời sau. Bất cứ họ nào, bất cứ con người nào trong họ, có tài năng lỗi lạc đến đâu, cá nhân cũng không thể viết được toàn bộ gia phả mà chỉ có kế thừa đời trước và truyền dẫn đời sau.

Gia phả các họ còn là nguồn bổ sung tư liệu

rất quý, rất dồi dào cho quốc sử, nếu các nhà sử học khai thác được thì cũng có thể tư liệu từ gia bảo trở thành quốc bảo.

Gia phả được coi là hoàn chỉnh trước hết phải là một gia phả được ghi chép rõ ràng, chữ nghĩa chân phương, có ghi rõ tên người sao lục, biên soạn thuộc đời thứ mấy, năm nào, triều vua nào, căn cứ vào bản nào, tên người tục biên qua các đời cũng có cước chú rõ ràng. Đầu gia phả có lời tựa ghi nguồn gốc xuất xứ của thủy tổ với cứ liệu thành văn hay truyền ngôn.

Mở đầu là thủy tổ, lần lượt đến tiên tổ các đời, nối dòng đến lớp con cháu mới sinh.

Đối với tiền nhân có các mục sau đây:

- Tên: gồm tên húy, tên tự, biệt hiệu, thụy hiệu và tên gọi thông thường theo tập quán địa phương? Thuộc đời thứ mấy?

- Con trai thứ mấy của ông nào? bà nào?

- Ngày tháng năm sinh (có người còn ghi được cả giờ sinh).

- Ngày, tháng, năm mất? Thọ bao nhiêu tuổi?

- Mộ táng tại đâu? (có người ghi được cả nguyên táng, cải táng, di táng tại đâu? Vào tháng, năm nào?).

- Học hành, thi cử, đỗ đạt, chức vụ, địa vị lúc sinh thời và truy phong sau khi mất: Thi đỗ học vị gì? Khoa nào? Triều vua nào? Nhậm chức vị gì? Năm nào? Được ban khen và hưởng tước lộc

gì? Sau khi mất được truy phong chức gì? Tước gì? (Đối với những người hiển đạt thì mục này rất dài. Ví dụ trong Nghi Tiên Nguyễn gia thế phả, chỉ riêng Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm, mục này là trên 10 trang).

- Vợ: chánh thất, kế thất, thứ thất...

Họ tên, con gái thứ mấy của ông nào, bà nào? Quê ở đâu? Các mục ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm mất, tuổi thọ, mộ, đều ghi từng người như trên.

Nếu có thi đỗ hoặc có chức tước, địa vị, được ban thưởng riêng thì ghi thêm.

- Con: Ghi theo thứ tự năm sinh, nếu nhiều vợ thì ghi rõ con bà nào? Con gái thì cước chú kỹ: con gái thứ mấy, đã lấy chồng thì ghi họ tên chồng, năm sinh, con ông bà nào, quê quán, đỗ đạt, chức tước? Sinh con mấy trai mấy gái, tên gì? (Con gái có cước chú còn con trai không cần vì có mục riêng từng người thuộc đời sau).

- Những gương sáng, những tính cách, hành trạng đặc biệt, hoặc những công đức đối với làng xã, họ hàng, xóm giềng...

Ngoài những mục ghi trên, gia phả nhiều họ còn lưu lại nhiều sự tích đặc biệt của các vị tiên tổ, những đôi câu đối, những áng văn hay, những bài thuốc gia truyền... Đó là những tài sản quý giá mà chúng ta để thất truyền, chưa biết khai thác.

Những nội dung ghi trên chỉ có tính chất gợi ý với các bậc huynh trưởng các họ đang chăm lo công việc phổ biến và tục biên gia phả dành cho con cháu đời sau, còn phần trên gia phả hoàn chỉnh hay sơ sài, các cụ còn dành lại cho ta được bao nhiêu biết bấy nhiêu, ai dám sáng tác thêm? Tuy nhiên, nếu tìm được quốc sử, hoặc trong gia phả, thần phả khác những tư liệu liên quan thì có thể cước chú kỹ, giúp cho đời sau thêm sáng tỏ.

## V. VIỆC TANG

### "Thọ Mai gia lễ" là gì?

"*Thọ Mai gia lễ*" là gia lễ nước ta, có dựa theo *Chu Công gia lễ* tức gia lễ thời xưa của Trung Quốc nhưng không rập khuôn. Mặc dù gia lễ từ triều Lê đến nay có nhiều chỗ đã lỗi thời nhưng khi trở thành luật tục, ăn sâu, bén rễ trong nhân dân, nên đến nay từ Bắc chí Nam vẫn còn phổ biến áp dụng, nhất là tang lễ.

Tác giả của *Thọ Mai gia lễ* là Hồ Sỹ Tân (1690-1760) hiệu Thọ Mai, người làng Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đỗ Tiến sĩ năm 1721 (năm thứ 2 triều Bảo Thái), làm quan đến Hàn lâm Thị chế.

Trong *Thọ Mai gia lễ* có trích dẫn một phần của *Hồ Thượng thư gia lễ*. Hồ Thượng thư tức Hồ Sỹ Dương (1621-1681) cũng người làng Hoàn Hậu, đỗ Tiến sĩ năm 1652 tức năm thứ 4 triều Khánh Đức, làm quan đến chức Thượng thư Bộ Hình, tước Duệ Quận công.

## Ba cha, tám mẹ là những ai?

Theo *Thọ Mai gia lễ*:

Ba cha là:

(1) *Thân phụ*: Cha sinh ra mình.

(2) *Kế phụ*: Sau khi cha chết, mẹ lấy chồng khác, chồng mới của mẹ là kế phụ, hay bố dượng.

(3) *Dưỡng phụ*: Bố nuôi.

Tám mẹ là:

(1) *Đích mẫu*: Vợ cả của bố.

(2) *Kế mẫu*: Khi còn nhỏ mẹ đã mất, cha lấy vợ khác để nuôi mình.

(3) *Từ mẫu*: Mẹ chết từ khi mình còn nhỏ, cha sai người vợ lẽ nuôi mình, cho bú mớm.

(4) *Dưỡng mẫu*: Mẹ nuôi (cha mẹ nghèo cho mình để người khác nuôi).

(5) *Xuất mẫu*: Là mẹ sinh ra mình nhưng bị cha rẫy ra.

(6) *Giá mẫu*: Là mẹ sinh ra mình, nhưng khi cha mất thì đi lấy chồng khác.

(7) *Thứ mẫu*: Là mẹ sinh ra mình nhưng là vợ lẽ của cha.

(8) *Nhũ mẫu*: Mẹ vú, cho mình bú mớm từ khi còn bé.

Trên đây là định nghĩa theo *Thọ Mai gia lễ*, đấy là chưa đề cập đến những người đã lấy vợ lấy chồng thì cha mẹ vợ, cha mẹ chồng cũng



như cha mẹ mình. Như vậy, còn ba loại nhạc phụ và tám loại nhạc mẫu. Tất cả phải là 6 cha, 16 mẹ.

### **Chúc thư là gì?**

"*Chúc*" là lời dặn dò, phó thác. "*Chúc thư*" hay "*Di chúc*" là lời dặn của người chủ gia đình, người lãnh đạo đất nước trước khi mất. Chúc thư, di chúc viết thành văn bản có giá trị hành chính, pháp lý. Nếu không biết chữ, hoặc yếu quá không viết được nữa thì nhờ người khác viết, đọc lại cho nghe rồi ký tên hoặc điểm chỉ vào. Di chúc của nhà vua gọi là di chiếu.

Nội dung chính của chúc thư thường là việc chia gia tài. Nhà có bao nhiêu ruộng đất, nhà cửa, chia cho con trai con gái, ai được hưởng khoản nào, mấy mẫu, mấy sào, ở đâu, còn lại bao nhiêu dành cho mẹ làm của dưỡng lão, giao cho người nào chăm nom. Nếu còn nợ làng, nợ họ cũng giao phó cho con nào phải đòi, phải trả. Quy định dành bao nhiêu ruộng hương hỏa, giao cho con trưởng hoặc cháu đích tôn. Di chiếu của nhà vua giao cho ai là đại thần cố mệnh phò thái tử lên ngôi. Nếu ngôi thái tử chưa định thì truyền chỉ cho hoàng tử nào nối ngôi...

Ngày nay, nam nữ bình đẳng, nếu cha mất trước đã có mẹ nắm toàn bộ quyền hành. Trước đây, người mẹ, người vợ sau ba năm tang chồng

nếu muốn tái giá thì đi tay không, nếu ở lại nuôi con cũng không được nắm toàn quyền, còn phải lệ thuộc vào các ông chú, ông bác trong họ. Nếu còn có nợ thì phải trả hết. Vì vậy, có những gia đình giàu có nhưng vô phúc, bạc đức: Cha mẹ nằm xuống anh em đùn đẩy nhau, chưa lo việc chôn cất, chỉ chăm chăm tranh giành tài sản. Vì vậy, khi còn khỏe, các cụ đã phải lo xa: chia gia tài trước, định trách nhiệm sẵn, mua sắm bộ hậu sự (áo quan), có người còn dặn trước cả việc chôn cất, tang chế, cỗ bàn, đình đám...

Tóm lại, có thể hiểu chúc thư như di chúc ngày nay.

### **Cư tang là gì?**

Thời xưa, dù làm quan đến chức gì, theo phép nước, hễ cha mẹ mất đều phải về cư tang ba năm, trừ trường hợp đang bận việc quân nơi biên ải hay đi sứ nước ngoài. Lệ này không quy định đối với binh lính và nha lại. Nếu ai vì tham quyền cố vị, giấu giếm không khai báo để về cư tang, bị đàn hặc vì tội bất hiếu, sẽ bị triều đình xử phạt biếm truất. Trong thời gian cư tang, lệnh vua không đến cửa.

Ba năm cư tang là ba năm chịu đựng gian khổ, nhẩn nhục, không dự mọi cuộc vui, không dự lễ cưới, lễ mừng, không uống rượu (ngoài chén rượu cúng cha mẹ), không nghe nhạc vui,

không ngủ với vợ hoặc nàng hầu, trừ trường hợp chưa có con trai để nối dõi tông đường, ngoài ra ai sinh con trong thời kỳ này cũng bị coi là bất hiếu. Không được mặc gấm vóc, nhung lụa, không đội mũ đi hia, thường đi chân không, cùng lắm chỉ đi guốc mộc hoặc giày cỏ.

Dù làm đến tể tướng trong triều, khi khách đến viếng cha mẹ mình, bất kể sang hay hèn cũng phải cung kính chào mời và lạy tạ (hai lạy hoặc ba vái dài). Khi ra đường, không sinh sự với bất kỳ người nào. Ở trong nhà, đối với kẻ ăn người ở cũng không được to tiếng.

Ba năm sâu muộn, tự nghiêm khắc với chính mình, rộng lượng với kẻ dưới, cung kính với khách bạn, để tỏ lòng thành kính với cha mẹ.

Ngày nay không còn lệ cư tang, nhưng chúng ta nên biết qua lệ cư tang của ông cha ta ngày xưa, hậu sinh có thể học được nhiều điều trong thái độ ứng xử.

### **Vì sao có tục mũ gai, đai chuối và chống gậy?**

Tục đội mũ rơm quấn thật to quanh đầu, thắt lưng bằng dây gai, dây chuối ngày nay đã lỗi thời, nhiều nơi đã bãi bỏ; còn tục chống gậy chỉ áp dụng đối với con trai tang cha (gậy tre), tang mẹ (gậy vông) vẫn còn hiện hữu ở nhiều địa phương.

Nguyên do: Đời xưa, đường đi lại còn hẹp, có khi còn phải leo núi cao, người mất được chôn cất ở nơi xa khu dân cư, trong rừng núi, có nơi chôn ở triền núi đá có nhiều hang động. Đã có trường hợp, người con vì quá thương xót cha mẹ, khóc lóc thảm thiết, đến nỗi không kể gì đến sinh mạng của mình, đập đầu vào vách đá, hoặc khi leo núi đi về vì thương cảm quá mất cả thăng bằng ngã lăn xuống vực. Để tránh tình trạng trùng tang thảm hại đó, người ta mới đặt ra lệ phải quấn quanh đầu những vật liệu mềm, xóp để nếu va vấp đỡ gây tổn thương và đặt ra lệ phải chống gậy để đi lại an toàn hơn. Vật liệu dễ kiếm nhất, giàu nghèo ai cũng có thể tự liệu được và ở đâu cũng có thể kiếm được để làm chất đệm, đó là rơm, lá chuối, dây gai, dây đay. Xuất phát từ kinh nghiệm thực tế của một số người, dần dần trở thành phong tục phổ biến.

Vì ngày thường lao động ở đồng ruộng, núi rừng hoặc đi lại đều mặc quần áo gọn bó vào người, đến khi có tang tế phải mặc dài rộng, dễ vướng gai góc nên phải có dây đai, tục đó cũng xuất xứ từ việc tránh nạn trùng tang.

### **Ngũ phục là gì?**

Theo *Thọ Mai gia lễ*, có năm hạng tang phục tùy theo quan hệ huyết thống và nghĩa tình phân biệt thân sơ:

### **1. Đại tang: trăm thôi và tề thôi**

- Quần áo xô gấu gọi là trăm thôi: con để tang cha.

- Quần áo không xô gấu gọi là tề thôi: con để tang mẹ, vợ để tang chồng khi cha chưa mất.

- Thời hạn: 3 năm, đời sau giảm bớt còn 2 năm 3 tháng (sau lễ giỗ đại tường 2 năm, thêm 3 tháng dư ai).

- Áo xô, khăn xô có hai giải sau lưng (gọi là khăn ngang). Nếu cha mẹ đều đã mất thì hai giải bằng nhau, nếu còn mẹ hoặc còn cha thì hai giải dài ngắn lệch nhau.

- Con trai chống gậy: tang cha gậy tre, tang mẹ gậy vông, mũ rơm quấn đầu, dây chuối, dây đai thắt lưng.

Ngày nay nhiều nơi đã bãi bỏ những tang phục này. Ở thành phố nhiều nhà dùng băng đen theo tang chế châu Âu.

- Con trai, con gái, con dâu đều để tang cha mẹ (kể cả đích mẫu, kế mẫu, dưỡng mẫu, từ mẫu và dưỡng phụ).

- Vợ để tang chồng.

- Nếu con trai trưởng mất trước thì cháu đích tôn để tang ông bà nội cũng đại tang thay cha.

### **2. Cơ niên: để tang một năm**

Từ cơ niên trở xuống dùng khăn tròn, vải trắng, không gậy.

- Cháu nội để tang ông bà nội.

- Con riêng của vợ để tang bố dượng nếu bố dượng có công nuôi và ở cùng, nếu không ở cùng thì không tang; trước có ở cùng sau thôi thì để tang 3 tháng.

- Con để tang mẹ đẻ ra mình nhưng đã bị bố rầy (xuất mẫu), hoặc cha chết, mẹ lấy chồng khác (giá mẫu).

- Chồng để tang vợ cả, có gậy, nếu cha mẹ còn sống thì không gậy.

- Cháu để tang bác trai, bác gái, chú, thím và cô ruột.

- Anh, chị em ruột để tang cho nhau (cùng cha khác mẹ cũng tang 1 năm, cùng mẹ khác cha thì tang 5 tháng).

- Cha mẹ để tang con trai, con gái và con dâu cả, kể cả con đẻ nhưng đã đi làm con nuôi nhà người.

- Chú, bác, thím, cô ruột để tang cho cháu (con anh em ruột).

- Ông bà nội để tang cho cháu trưởng (đích tôn).

- Đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu để tang các con chồng; thứ mẫu để tang con mình và con chồng như nhau, đều 1 năm. Tang con dâu cả cũng 1 năm.

- Con dâu để tang mẹ kế của chồng (tức vợ lẽ cha chồng).

- Con rể để tang cha mẹ vợ (vợ chết đã lấy vợ khác cũng vậy).

- Nàng hầu để tang cha mẹ chồng, vợ cả của chồng, các con chồng cũng như con mình (các họ hàng bàng thân bên nhà chồng đều không tang).

### **3. Đại công: để tang 9 tháng**

- Anh chị em con chú, bác ruột để tang cho nhau.

- Cha mẹ để tang con dâu thứ hoặc con gái đã lấy chồng.

- Chú, bác, thím ruột để tang cháu (con gái đã xuất giá, con dâu của anh em ruột).

- Cháu dâu để tang ông, bà của chồng, chú, bác, thím ruột hoặc cô ruột của chồng.

- Mẹ để tang con dâu thứ và con gái riêng của chồng.

- Con gái đã xuất giá để tang bác trai, bác gái, chú thím, cô ruột.

### **4. Tiểu công: để tang 5 tháng**

- Chắt để tang cụ (hoàng tang: chít khăn vàng).

- Cháu để tang anh, chị, em ruột của ông nội (ông bà bác, ông chú, bà thím, bà cô).

- Con để tang vợ lẽ, nàng hầu của cha (nếu cha giao cho nuôi mình thì để tang 3 năm như mẹ đẻ).

- Cháu để tang đường bá thúc phụ mẫu và đường cô (anh, chị em con chú, bác ruột của cha).

- Anh chị em con chú, bác ruột để tang cho vợ của nhau.

- Anh chị, em họ 4 đời để tang cho nhau.

- Anh chị em chung mẹ khác cha để tang cho nhau (vợ con của anh chị em ấy thì không tang).

- Chú bác ruột để tang cho cháu dâu (con dâu của anh em ruột).

- Ông bà bác, ông chú, bà thím, bà cô để tang cho cháu (tức là cháu nội của anh em ruột).

- Ông bà nội để tang cho vợ cháu đích tôn hoặc cháu gái xuất giá.

- Cháu để tang ông bà ngoại và cậu ruột, dì ruột (anh chị em ruột của mẹ, kể cả đối với anh chị em ruột của đích mẫu, thứ mẫu, kế mẫu).

- Cháu dâu để tang cô ruột của chồng.

- Chị dâu, em dâu để tang anh chị em ruột của chồng và con của những người đó (tức là cháu gọi bằng bác, bằng thím).

### ***5. Ty ma phục: để tang 3 tháng***

- Chít để tang can (ky) nội (ngũ đại: hồng tang - chít khăn đỏ).

- Chắt để tang cụ nhà bác, nhà chú (tằng tổ bá thúc phụ mẫu và tằng tổ cô, tức là anh em ruột với cụ nội).



- Cháu để tang bà cô đã lấy chồng (chị em ruột với ông nội).

- Cháu để tang cô bá (chị em con chú con bác ruột với bố).

- Con để tang bố dượng (nếu trước có ở cùng, sau mới về bên nội).

- Con để tang nàng hầu của cha.

- Con để tang bà vú (cho bú mớm).

- Cháu để tang tộc bá thúc phụ mẫu (anh em cháu chú cháu bác với cha).

- Chồng để tang vợ lẽ, nàng hầu.

- Anh chị em họ nội 5 đời để tang cho nhau.

- Bố mẹ vợ để tang con rể.

- Ông bà ngoại để tang cháu ngoại và cháu dâu ngoại.

- Ông của chồng để tang cháu dâu.

- Cụ để tang chất nội.

- Cháu để tang vợ cậu, chồng cô, chồng dì có cùng ở một nhà.

- Anh chị em con cô ruột và bạn con dì ruột để tang cho nhau.

- Cậu ruột để tang vợ của cháu trai.

- Cháu dâu để tang ông bà ngoại của chồng, cậu ruột, dì ruột chồng.

- Cháu dâu để tang các ông bà anh chị em ruột với ông nội chồng.

- Chắt dâu để tang cụ nội của chồng.

- Cự để tang chắt nội trai gái.
- Ông bà để tang các cháu gái của con nhà chú, nhà bác.

Ngoài ngũ phục trên còn có một số quy định:

*Tang bên cha mẹ nuôi:*

- Kỵ bên cha nuôi: 3 tháng; cụ bên cha nuôi: 5 tháng, ông bà: 1 năm.

- Cha mẹ nuôi: áo bằng gấu, hoặc xô gấu, tang 3 năm có cả gậy.

- Từ ông bà trở lên: nếu mình thừa trọng cũng xô gấu 3 năm.

- Ông bà sinh ra mẹ nuôi: tang 5 tháng.

*Tang họ nhà mình (đã là con nuôi người khác, để tang bên họ mình):*

- Ông bà sinh ra cha: 9 tháng.

- Cha mẹ sinh ra mình: 1 năm có gậy.

- Bác trai, bác gái, chú, thím và cô là anh chị em ruột với cha: 9 tháng. Cô đã xuất giá: 5 tháng.

- Anh chị em ruột: 9 tháng; chị dâu, em dâu: 3 tháng; chị em đã xuất giá: 5 tháng.

- Ông bà sinh ra mẹ thì 3 tháng.

Xét trong lễ có nói rằng: Con gái đã xuất giá thì các tang có giáng, song đi lấy chồng, hoặc phải chồng rẫy bỏ, hoặc chồng chết, con lại không có, trở về nhà cũng như chưa lấy chồng, tang chẳng có giáng.

Nếu đang để tang cha mẹ được 1 năm mà chồng rầy bỏ thì phải tang cha mẹ 3 năm; hoặc để tang cha mẹ được 1 năm đã trừ phục đoạn thì chẳng được để lại 3 năm; dù phải chồng rầy trước, sau mới để tang cha mẹ chưa đủ 1 năm mà chồng mới gọi về thì chẳng nên về vội, phải nên tang trọn 3 năm.

Trường phục: có 3 loại:

(1) Trưởng trường: từ 16-19 tuổi

(2) Trung trường: từ 12-15 tuổi

(3) Hạ trường: từ 8-11 tuổi

(Đều lấy thứ tự giáng một bậc)

Ví dụ: trai đã lấy vợ, gái đã lấy chồng, dù còn trẻ cũng không thể gọi là trưởng được, như vốn mình phải tang 1 năm trưởng trường giáng xuống 9 tháng, trung trường giáng xuống 7 tháng, hạ trường giáng xuống 5 tháng.

Như vốn tang 9 tháng, trưởng trường giáng 7 tháng, trung trường giáng 5 tháng, hạ trường giáng 3 tháng, các trường hợp khác đều như thế suy ra.

### **Cha mẹ có để tang con không?**

Tang phục thể hiện nghĩa tình, có phân biệt thân sơ. "Họ đương 3 tháng, lảng giềng 3 ngày" thể hiện lòng thương xót giữa kẻ mất người còn. Theo *Thọ Mai gia lễ*, không những người thân mà người ngoài đến phúng viếng cũng

nên đeo băng tang và không chỉ cha mẹ để tang con mà ông bà, cụ kỵ cũng để tang hàng cháu, hàng chắt.

*Thọ Mai gia lễ* quy định như vậy nhưng ở một số địa phương Bắc Bộ quan niệm "*phụ bất báo tử*" (cha không lạ con), con chết trước cha mẹ là nghịch cảnh, là bất hiếu, con chưa kịp báo hiếu cha mẹ đã trốn nợ đời, chẳng những cha mẹ không để tang con mà khi khâm liệm con còn phải quấn trên đầu tử thi một vòng khăn trắng. Nếu người chết là phụ nữ mà tứ thân phụ mẫu vẫn còn thì phải quấn đến hai vòng, có nghĩa là ở dưới cỗi âm cũng để tang báo hiếu sẵn cho cha mẹ đang ở dương trần.

### **Tại sao có tục kiêng không để cha mẹ đưa tang con?**

Tử biệt sinh ly ai không thương xót, nhưng theo quy luật tự nhiên, cha mẹ già yếu từ trần, con báo hiếu cha mẹ, đưa tang bố mẹ là lẽ thường tình. Con chết trước cha mẹ là nghịch cảnh. Giờ phút hạ huyết là giờ phút đau thương đến cực điểm, có nhiều ông bố, bà mẹ đã bị ngất lịm. Đã có nhiều trường hợp mẹ chết luôn bên huyết chôn con. Hơn nữa, ngày xưa, phương tiện và thuốc thang cấp cứu khó khăn, không cho cha mẹ đưa tang con để vơi bớt nỗi đau buồn và để tránh nạn trùng tang là đúng.

Chẳng những cha mẹ mà các ông bà già trong nội thân, sức đã tàn cũng không được dự đưa tang, sợ ảnh hưởng đến sức khoẻ.

### **Đám tang trong ngày Tết, tính liệu ra sao?**

Ngày Tết Nguyên đán là ngày vui của toàn dân tộc, ngày mở đầu cho vận hội hanh thông của cả một năm, có ý nghĩa rất thiêng liêng. Gia đình phải tạm gác mối sầu riêng để hoà chung với niềm vui toàn dân tộc. Vì vậy có tục lệ cất khăn tang trong ba ngày Tết. Nhà có đại tang kiêng không đi chúc Tết, mừng tuổi bà con, hàng xóm; ngược lại bà con hàng xóm lại cần đến chúc Tết và an ủi gia đình bất hạnh.

Trường hợp gia đình có người chết vào ngày 30 hoặc mùng một Tết thì sao? Nếu ngày 30 tháng chạp mà gia đình có thể định liệu được thì nên chôn cất cho kịp trong ngày đó, nếu để sang năm mới thì có nhiều điều bất tiện. Đa số các gia đình kiêng để sang ngày mùng một đầu năm. Trường hợp chết đúng vào ngày mùng một Tết thì chưa phát tang vội nhưng phải chuẩn bị mọi việc để sáng mùng hai làm lễ phát tang.

### **Cưới hôn tang là gì?**

Đó là trường hợp "ưu hỷ trùng phùng" - vui và buồn dồn vào một lúc. "Sinh hữu hạn, tử vô kỳ", cuộc đời có hạn nhưng ai biết trước chết

vào lúc nào. Theo lễ nghi, khi trong nhà còn tang, trên đầu còn vành khăn trắng, nhất là đại tang, thì tránh mọi cuộc vui. Nhưng lễ cưới đã chuẩn bị sẵn, nếu quá câu nệ thì gay go cho hai gia đình, nhiều trường hợp tình duyên đôi lứa bị dang dở, nhất là các gia đình cả đôi bên bố mẹ đều đã già, có khi đợi đến bảy tám năm sau chưa hết tang. Vì vậy, tục lệ xưa cũng có khoản "*Cưới bên tang*", tức là "cưới chạy tang".

Khi đó người chết nằm tạm trên giường, đắp chăn chiếu lại, chưa nhập quan, hoặc gia đình có thể tự làm thủ tục khâm liệm, nhập quan nhưng chưa làm lễ thành phục. Theo nghi lễ, nếu chưa thành phục thì trong nhà chưa ai được khóc. Hàng xóm có biết nhưng gia đình chưa phát tang thì chưa đến viếng, trừ thân nhân ruột thịt và những người lân cận tối lửa tắt đèn có nhau, coi như người nhà.

Trong khi đó, cả hai gia đình chuẩn bị gấp đám cưới, cũng làm đủ cả lễ đưa dâu, đón dâu, yết cáo gia tiên, lễ tơ hồng... nhưng lễ vật rất đơn sơ, thành phần giản lược, bó hẹp trong phạm vi gia đình và một vài thân nhân. Khách, bạn đã mời cũng miễn, sẽ thông cảm sau. Công việc cưới gả xong xuôi mới bắt đầu phát tang. Cô dâu, chú rể trở thành thành viên của gia đình, chịu tang chế như mọi con cháu khác. Nếu hai gia đình thông cảm cho nhau, có thể

trong một ngày, từ sáng đến trưa cưới dâu, chiều tối phát tang cũng được.

### **Người dự đám tang nên như thế nào?**

Dù thân hay sơ, đã đến dự đám tang phải nghiêm túc, biểu lộ lòng thành kính đối với người đã khuất, tình ưu ái đối với tang quyến. Thật là bất lịch sự nếu cười nói, đùa giỡn trong lúc tang chủ đang đau buồn.

Ở nông thôn, nhiều nơi còn lệ tục cỗ bàn ăn uống linh đình trong đám tang, thực không hợp tình, hợp cảnh. Đành rằng việc ăn uống là không tránh khỏi, nhưng chỉ nên hạn chế trong số người đến giúp việc và thân nhân ở xa về. Đối với bà con, làng xóm, khách, bạn thì tang lễ không phải là dịp để "trả nợ miệng".

Nếu như chưa bỏ được hủ tục rượu chè đình đám thì trong tang lễ, mọi người cũng nên tự kiềm chế mình, giúp được việc gì thì tận tình giúp đỡ, không tiện về nhà ăn cơm thì cũng không nên hạch sách, trách móc.

Cũng cần lưu ý các bạn trẻ: Khi đi dự đám tang không nên ăn mặc loè loẹt, lố lăng, hở hang, như vậy rất không hợp cảnh sẽ gây khó chịu cho nhiều người.

### **Đi đường gặp đám tang nên như thế nào?**

Hồi mới tiếp quản Thủ đô (năm 1954), chúng

tôi đã chứng kiến nhiều đám tang rất nghiêm túc, trật tự. Mọi người đi đường đều tự giác tuân thủ kỷ cương xã hội, trật tự giao thông.

Nếu gặp đám tang ngược chiều, không ai bảo ai, dù vội đến đâu cũng đều xuống xe, kể cả người đi xe máy hay xích lô đều ngả mũ nón, dắt bộ qua đám tang rồi mới lên xe. Ôtô thì chậm lại, không bóp còi.

Nếu đi cùng chiều, không tiện xuống xe thì đi chậm lại và ngả mũ.

Thân nhân đi tiễn đưa đều tự giác đi có hàng lối, trật tự. Lái xe đám tang ăn mặc theo lễ phục, tác phong cử chỉ rất nghiêm trang.

### **Người sắp chết có những dấu hiệu gì báo trước?**

Thật kỳ lạ, xưa nay đã ai chết hai lần đâu mà biết trước rút kinh nghiệm, nhưng có những cụ cao tuổi có khả năng "tri thiên mệnh" biết trước được ngày mất của mình, mặc dù ngày hôm trước vẫn mạnh khỏe, thậm chí có người còn tính trước được giờ mất, đánh điện cho con cháu ở xa về. Trong trường hợp đó gia đình phần nào đã chủ động chuẩn bị tang lễ, nhưng những trường hợp đó rất ít.

Đối với những người già yếu, có những dấu hiệu gì báo trước giờ hấp hối có thể quan sát được?



- Xem thần sắc: Chủ yếu xem hai đáy mắt còn tinh anh nữa không hay đã đục mờ.

- Sờ chân tay xem còn nóng hay đã lạnh, người sắp chết thường lạnh dần từ chân lên. Có người còn nhận biết mình đã chết đến đâu.

- Mạch rất trầm, có khi người còn sống nhưng không bắt mạch được. Đối với người suy tim, sờ tưởng như tim đã ngừng đập, nhưng vì đập yếu nên không phát hiện được.

- Để một ít bông vào lỗ mũi mà bông không còn động dẩy tức là đã tắt thở.

Có người đau ốm lâu dài, bỗng nhiên mạnh khoẻ trở lại và rất tỉnh táo, nhiều khi đó là dấu hiệu của ngọn đèn hết dầu loé sáng lên để rồi tắt ngấm. Các cụ già thường bỏ ăn, hoặc là rất muốn ăn nhưng ăn được rất ít trước khi mất.

Cũng có trường hợp, mệnh đã tuyệt nhưng có lẽ vì nuôi con nuôi cháu ở xa chưa gặp được, hoặc do được bổ sung hồi dương với hy vọng có thể qua khỏi hoặc kéo thêm ít giờ để tránh ngày xấu như trùng tang, trùng phục... nên có thể kéo dài thêm chút ít.

### **Thân nhân hấp hối, người nhà cần làm gì?**

- Dời người sắp mất sang phòng chính tẩm, đầu hướng về phía đông.

- Hỏi xem có dặn dò trăng trối gì không.

- Đặt thụy hiệu (tức tên hèm) rồi hỏi người đó có đồng ý không.

- Luôn luôn có người túc trực bên cạnh.
- Người có theo tôn giáo thì làm lễ cầu nguyện theo phép của từng tôn giáo.
- Chuẩn bị mọi thứ để tắm gội (làm lễ mộc dục) và khâm liệm (lễ nhập quan).

## **Sau khi thân nhân mất, gia đình cần làm những gì?**

Chúng tôi chỉ nêu lên những việc cần làm đối với những trường hợp già yếu, mất tại nhà, theo phong tục cổ truyền. Trường hợp mất tại bệnh viện hoặc mất dọc đường, quán trọ, chết vì tai nạn, gươm súng, xe cộ, rắn độc, thủy hỏa tai,... không đủ điều kiện để thực hiện toàn bộ thao tác và nghi lễ, vậy nên châm chước, tùy nghi vận dụng:

### ***1. Lễ mộc dục (tắm gội)***

Lúc tắm gội cho người vừa chết thường để sẵn một con dao nhỏ, một vuông vải (khăn), một cái lược, một cái thìa, một ít đất ở ông đồ rau, một nồi nước ngũ vị hương và một nồi nước nóng khác. Lúc tắm, vây màn cho kín, tang chủ quỳ xuống khóc, người hộ việc cũng quỳ rồi cáo từ rằng: Nay xin tắm gội để sạch bụi trần, xong phục xuống, đứng dậy. Cha thì con trai vào tắm, mẹ thì con gái vào tắm. Lấy vuông vải đắp vào nước ngũ vị, lau mặt, lau mình người vừa chết cho sạch rồi dùng lược chải tóc, lấy sợi vải

buộc tóc, lấy khăn khác lau hai tay hai chân, lại lấy dao cắt móng tay móng chân, mặc quần áo cho chỉnh tề. Móng tay móng chân gói lại để vào trong quan tài; móng tay để trên, móng chân để dưới; dao, lược, thìa và nước ngũ vị đem đi chôn; rước thi thể đặt lên giường.

## **2. Sau lễ mộc dục, thời gian chưa nhập quan**

Đắp chăn hoặc chiếu, buông màn, đặt một chiếc ghế con phía trên đầu, trên đó đặt một bát cơm úp, một quả trứng, dựng một đôi đũa trên bát cơm và thắp hương. Có địa phương còn có tục để thêm một con dao trên bụng, (có lẽ để trừ tà ma hay quỷ nhập tràng).

## **3. Lễ phạn hàm**

Lễ này theo tục xưa bỏ gạo và tiền vào miệng tránh tà ma ác quỷ đến cướp đoạt, để tiền vong linh đi đường xa được siêu thoát. Lễ này ngày nay nhiều nơi đã bỏ, có nơi thay thế bằng cách may một cái túi, trong túi đựng một ít tiền gạo và một vài đồ lặt vặt mà khi sống, người đó hay dùng đến.

Theo *Thọ Mai gia lễ*, lễ này được tiến hành như sau:

Lấy ít gạo nếp xát cho sạch, ba đồng tiền mài cho sáng (nhà giàu thì dùng vàng hoặc viên ngọc trai).

Tang chủ vào khóc quỳ, người chấp sự cũng

quỳ, cáo từ rằng: nay xin phạn hàm, phục duy hâm nạp. Người chấp sự lần lượt xuống: sơ phạn hàm, tái phạn hàm, tam phạn hàm. Tang chủ ba lần, mỗi lần xúc một ít gạo và một đồng tiền tra vào mồm bên phải, rồi đến bên trái, cuối cùng vào giữa. Xong, bóp mồm lại, phủ mặt như cũ.

#### **4. Lễ khâm liệm nhập quan**

Các con vào, con trai bên trái, con gái bên phải. Người chấp sự xuống: tự lập (đứng gần vào), cử ai (khóc cả lên), quỳ. Chấp sự cũng quỳ mà cáo từ rằng: Nay được giờ lành, xin rước nhập quan. "Cẩn cáo" xong lại xuống: phủ phục (lễ xuống), hưng (dậy), bình thân (đứng thẳng).

Sau đó các con cháu tránh ra hai bên, người giúp việc quay vào đều cầm tạ quan nâng lên để đưa người vào cho êm ái, đặt cho chính giữa quan tài, nếu có chỗ nào cần lấy áo cũ của người vừa mất bỏ khuyết cho đầy đủ, rồi gấp dưới lên đầu trước, bên trái gấp trước, bên phải gấp sau, trên đầu gấp sau cùng, sơn nẹp đóng lại. Cần lưu ý rằng: những quần áo của người đang sống, hoặc quần áo mà người đang sống có mặc chung thì kiêng không được bỏ vào áo quan.

Đồ khâm liệm: nhà giàu dùng nhiều vóc nhiều, tơ, lụa; nhà thường dùng vải trắng may

làm đại liệm (1 mảnh dọc, 5 mảnh ngang) hoặc tiểu liệm (1 mảnh dọc, 3 mảnh ngang). Ngày trước quy định đại liệm hay tiểu liệm vì vải khổ nhỏ, ngày nay, dùng vải khổ rộng, miễn kín chân, tay, đầu, gót là được.

"Tục ta nhiều người tin theo thầy phù thủy, trong quan tài thường có mảnh ván đục sao Bắc Đẩu thất tinh. Trước khi nhập quan thường chọn giờ, tránh tuổi rồi dùng bùa dán ở trong và ngoài quan tài. Có người cho là chết phải giờ xấu thì bỏ cổ bài tổ tôm hoặc quyển lịch hoặc tàu lá gồi để trấn áp ma quỷ"<sup>1</sup>.

Mọi việc xong thì sơn gấm quan tài cho kỹ càng, đặt chính giữa gian giữa, nếu nhà còn người tôn hơn thì đặt sang gian cạnh.

### **5. Lễ thiết linh (sau khi nhập quan)**

Là thiết lập linh vị, đặt bàn thờ tang.

Khi chưa chôn, lấy lễ thờ người sống mà lễ, nên mỗi lần lạy chỉ lạy hai lạy, trong linh vị và văn khấn dùng chữ "cố phụ", "cố mẫu" thay cho "hiển khảo", "hiển tỷ".

### **6. Lễ thành phục**

Tức là con cháu mặc đồ tang để cúng tế và đáp lễ khi khách đến viếng. Trước khi thành phục, nếu có khách đến thì người chủ tang chưa ra tiếp mà người hộ tang thay mặt tiếp khách.

---

1. Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*, *Sđd*, tr.31.

Sau lễ thành phục mới chính thức phát tang. Sau đó thân bằng cố hữu, hàng xóm mới đến phúng viếng.

### **Tại sao có tục hú hồn trước khi nhập quan?**

Vì đã có những trường hợp bị choáng, ngất, bất tỉnh nhân sự, người ta dùng mọi thủ thuật để kích thích thì hồi tỉnh, trong đó có thuật hú hồn hú vía. Cũng có trường hợp đã tắt thở, tưởng là chết rồi, nhưng sau một thời gian bỗng nhiên sống trở lại. Do đó với một hy vọng dù mỏng manh, người sống tiếc thương muốn cứu vãn... nên cầm chiếc áo, quần của người đã tắt thở, leo lên mái nhà chỗ cao nhất hú "ba hồn bảy vía ông" hoặc "ba hồn chín vía bà" về nhập xác. Hú ba lần không được thì đành lòng chịu khâm liệm mà tin rằng như vậy hồn đồ vật vững, biết tìm đường về nhà (khâm liệm xong vẫn chưa nỡ đóng chốt áo quan). Đây là một phong tục chủ yếu để thoả mãn tâm linh.

### **Trường hợp chết đã cứng lạnh, người có rúm không bỏ lọt áo quan thì làm thế nào?**

Theo kinh nghiệm dân gian: hơi lửa và nắn dần cho thẳng ra, hoặc dùng cồn, rượu xoa bóp, nếu vẫn còn cứng lại thì có thuật dùng hai chiếc đũa cả để hai bên mép áo quan rồi cho thi hài

lột xuống dần, khi thi hài đã lột vào áo quan rồi phải cắt bỏ những dây buộc chân, buộc tay, buộc vai, buộc hông để người chết có tư thế nằm thoải mái.

### **Người xưa dùng những vật gì lót vào áo quan?**

Trong các ngôi mộ cổ khai quật được, ngoài các đồ trang sức của người chết, phía trong áo quan thường có lót lá chuối, giấy bản, chè búp, bông nếp hoặc khăn áo vóc nhiễu... Trong quan, ngoài quách, giữa quan và quách đổ cát vàng. Các thứ đó đều là những chất hút ẩm và ngăn giữ khí hôi hám khỏi bốc ra ngoài, nhất là ngày xưa chết xong chưa chôn ngay, còn phải sắm đầy đủ lễ vật, tế khí, họ hàng, làng xóm xa gần phúng viếng linh đình, phải chọn ngày, chọn đất mới làm lễ an táng.

### **Tại sao phải đề phòng “quỷ nhập tràng”?**

Theo quan niệm xưa, “quỷ nhập tràng” là hiện tượng xác chết tự nhiên bật dậy. Hiện tượng này rất hiếm nhưng đã xảy ra, do đó trong phong tục đã có sự kiêng cữ để phòng xa. Gọi là "quỷ nhập tràng" nhưng thực ra không có ma quỷ nào nhập vào xác chết. Nguyên nhân là do điện tích âm tích tụ trong thi thể người mới

chết gặp phải luồng điện dương cực mạnh thì cuốn hút nên xác chết tự nhiên bật dậy.

Vì vậy, theo quan niệm dân gian, khi trong nhà có người mới chết, việc kiêng cử nhất là không để cho mèo bắt thần nhảy qua xác chết (người ta phải canh giữ, phải nhốt mèo lại). Đã có trường hợp, chén rượu hắt văng vào xác chết, giọt nước mắt có hơi ấm nhỏ vào xác chết cũng tạo thành luồng khí, có thể cuốn hút xác chết bật dậy nhưng ngã xuống tức thì. Hiện tượng xác chết đuối theo người sống: Xác chết không thể bước đi được mà do hơi nóng của người sống cuốn hút, hoặc trường hợp có luồng không khí đối lưu cân bằng khi xác chết ở tư thế đứng song song với người sống. Việc dỡ ngói hay tranh trên mái nhà để ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào cũng nhằm triệt tiêu hiện tượng cuốn hút đó.

### **Sau lễ thành phục, trước khi an táng phải làm những gì?**

Ngày nay thủ tục đơn giản, để giữ vệ sinh không nên để quá 24 giờ. Thời xưa có những nhà năm bảy hôm trong nhà, chờ con cháu về đông đủ, để họ hàng, làng xã, hàng tổng hàng huyện đến phúng viếng; dựng rạp trước sân, dựng nhà trạm dọc đường từ nhà đến mộ để chuẩn bị mọi thứ tế khí và cỗ bàn thết đãi linh



đình; thầy cúng chọn ngày, thầy địa lý chọn đất an táng, phân kim lập hướng hắc hoi. Có nhà còn sắm đủ trong quan ngoài quách, quàn tạm trong vườn, vài ba tháng sau mới làm lễ an táng.

Trong thời gian chưa chôn có Lễ triêu tịch diện: Buổi sáng dậy bưng khăn lược vào linh sàng, các con quỳ khóc ba tiếng rồi quần màn lên cáo từ rằng: Ngày đã sáng rồi, xin rước linh bạch ra linh toạ. Sau đó rước hồn bạch<sup>1</sup> ra đặt vào ỷ, vắt màn, dọn chăn gối, chiều tối lại rước linh bạch vào, đắp chăn chiếu, thả màn xuống. Thờ như lúc sống, chỉ lạy hai lạy (chỉ sau khi an táng, làm lễ thành phần xong mới lạy 4 lạy theo lễ lạy người chết).

Các buổi tối trước khi chưa chôn, có lễ chúc thực (trông bó đuốc trước sân); phường bát âm tấu nhạc, con cháu thay nhau túc trực bên linh cữu, trong nhà, ngoài sân đèn đuốc sáng trưng.

Khi thân bằng cố hữu đến phúng viếng, người chủ tang và người chủ phụ đứng cạnh linh toạ và ngoảnh mặt về phía khách, hễ

---

1. Hồn bạch là một dải lụa hoặc vải màu trắng, đắp trên ngực khi người gần mất, lấy ra thắt thành hình người có đầu, mình, hai tay, hai chân đặt lên linh toạ. Ngày nay thay bằng bức chân dung có viền đen xung quanh.

khách lạy hai lạy thì chủ lễ tạ lại một lạy. Khách vái cha mẹ mình ba vái thì vái tạ một vái. Trách nhiệm tiếp trầu nước, cỗ bàn thuộc về người hộ tang.

Nếu có người con trai nào đi vắng chưa về kịp thì để mũ, khăn xô và gậy cạnh hương án.

Trước khi làm lễ chuyển cữu để chuẩn bị phát dẫn thì áo quan vẫn trở đầu vào trong, coi như lễ người sống, đọc diếu văn cũng chưa dùng chữ "Hiển khảo" (cha), "Hiển tử" (mẹ) mà dùng chữ "Cố phụ" (cha), "Cố mẫu" (mẹ).

Ở thành phố ngày nay đã có nhà lạnh, nhưng ở nông thôn để năm bảy ngày trong nhà, phải làm sao cho khỏi nhiễm uest khí? Điều quan trọng nhất là người trị tang phải có kinh nghiệm: Áo quan vỏ dày, gỗ tốt, trám thật kín, không để một khe hở nào. Đáy áo quan lót những chất chống ẩm như lá chuối, giấy bản, than, vôi, chè khô, bông nếp. Các khe hở của áo quan được bịt kín trước bằng sơn ta, nhựa đường, dán giấy tráng kim. Nếu để lâu phải có trong quan ngoài quách, giữa quan và quách đổ cát vàng rang khô nóng. Phủ trên thi hài các thứ hương vị để khử uest khí.

Trước ngày an táng còn có thêm tục "Lễ yết cáo tổ tiên", nếu không đưa được linh cữu, phần lớn các gia đình rước hồn bạch đến nhà thờ họ. Hồn bạch chỉ được đặt phía trước bàn thờ, để ở

dưới, không được đưa lên bàn thờ tổ. Nội dung: Báo cáo với gia tiên có thân phụ hoặc thân mẫu về châu tổ. Xong lại rước hồn bạch về nhà mình đặt lại trên linh toạ.

### **Điều hành công việc lễ tang**

Trong lúc tang gia bối rối nếu không có người chủ đạo điều hành, công việc sẽ rất lúng túng và phạm nhiều sai sót.

Khi thân nhân sắp từ trần, việc đầu tiên là tang gia phải mời được *người hộ tang*. Người hộ tang phải là người thân thích gần gũi, có tuổi tác, kinh nghiệm, tháo vát, có uy tín trong họ. Người hộ tang thay mặt tang chủ điều hành mọi công việc, đối nội đối ngoại.

Nếu người hộ tang biết cúng lễ thì kiêm luôn, nếu không thì mời *người chấp sự*. Người chấp sự lo việc hướng dẫn về mặt nghi lễ từ mộc dục, khâm liệm, thiết linh, thành phục đến an táng, thành phần và tế ngu (lễ 3 ngày sau khi chôn). Người chấp sự thường là người có văn hoá (chữ Hán, chữ Quốc ngữ) nên có thể kiêm luôn cả việc tư vấn (viết văn cúng, văn tế, bài vị, long triện, đối, trướng, cáo phó...).

*Người thu lễ*: Sau khi thành phục cho đến hết ba ngày sau khi an táng phải có người thu lễ. Người đó chuyên túc trực ở nhà ngoài, hễ có khách đến phúng viếng thì tiếp khách nhận lễ

đặt lên bàn thờ, báo cho thân chủ ra bái tạ. Người thu lễ phải ghi đầy đủ danh sách người đến viếng và số lễ vật, để sau này tang chủ biết mà tạ ơn. Người thu lễ kiểm tra lễ vật sau khi khách đã cúng lễ xong ra về. Vì vậy phải chọn người thân tín của tang gia.

*Người chấp hiệu:* Thông thường các ban hành lễ đã có người chấp hiệu chuyên trách. Người chấp hiệu là người chỉ huy đám phu kiệu đưa quan tài từ nhà ra xe tang hoặc đại dư (tuy không có xe nhưng khiêng kiệu thay xe gọi là đại dư), điều khiển việc đi đứng, nâng lên hạ xuống, sang trái sang phải bằng hiệu lệnh hai thanh gõ ngấn cầm tay cho đến lúc hạ huyệt, tháo dây đòn mà chén rượu, đĩa dầu lạc đặt trên nắp áo quan không sánh ra ngoài.

Nếu gia đình nào tự thu xếp để con cháu khiêng áo quan thì phải chú ý chọn người chấp hiệu nhiều kinh nghiệm.

*Chủ tang và chủ phụ:* là con trai trưởng và con dâu trưởng. Nếu tang cha mà mẹ còn sống thì mẹ là chủ phụ. Nếu con trai trưởng mất thì cháu đích tôn thừa trọng là chủ tang khi làm lễ tang ông bà, các ông chú đứng hai bên chỉ là bồi tế; vợ của người cháu là chủ phụ khi bà của chồng và mẹ chồng đã mất, còn các bà thím chỉ là phụ. Nếu cháu đích tôn còn bé quá, chưa chống gậy lễ tạ được thì chú thứ hai thay thế,

nhưng vẫn phải nhân danh cháu mà bái lễ và bái tạ.

Những phong tục nghi lễ ngày xưa khá phức tạp, ngày nay đã được cải tiến, một số tục lệ lạc hậu, lỗi thời đã bị nhiều vùng bãi bỏ, ví dụ tục lẫn đường, đuổi tà ma ác quỷ. Lệ tục chung như vậy, nhưng việc vận dụng vào từng địa phương, từng hoàn cảnh cụ thể khác nhau. Có gia đình đông con cháu, có của ăn của để, sung túc đề huề, có gia đình nghèo của ít người nên phải tùy nghi châm chước.

### **Lễ an táng tiến hành như thế nào?**

Tùy từng địa phương, từng tôn giáo, mỗi nơi lễ nghi phong tục một khác. Trước đây có thôn ấp cử những người trai tráng trong làng, trong xóm ra khiêng quan tài và lo việc chôn cất. Nơi có hội tư văn, thì hội tư văn đứng ra lo điều hành công việc theo hương ước định sẵn. Hiện nay ở nông thôn có các hội trợ tang, thành phố, thị xã có ban quản lý nghĩa trang, một số chi hội trọng thọ các phường, xã hoạt động, đứng ra lo liệu chu đáo.

Lễ an táng tiến hành tùy theo hoàn cảnh từng nhà, "giàu làm kép, hẹp làm đơn". Ở đây chỉ đề cập phần tang gia cần làm gì:

- Khi có người thân mất, tang chủ cần đến báo gấp, để cùng bàn bạc theo quy ước đã định.

- Trước đây, tang chủ có khoản tiền thưởng cho người chấp hiệu và những phu kiệu. Nếu từ khi đưa áo quan lên kiệu, đi đến huyệt mà chén rượu, đĩa dầu lạc để trên áo quan không sóng sánh ra ngoài thì tang chủ đưa tiền thưởng rất hậu.

- Thân nhân theo thứ tự thân sơ quy định, tang phục theo gia lễ, đều xếp hàng đi sau linh cữu. Thời xưa có cái bạt bằng vải trắng che trên đầu gọi là bạch mạc. Người con trưởng đi trước hoặc đi sau xe quan tài theo tục "cha đưa mẹ đón".

- Hạ huyệt xong, tất cả những người đi đưa đều đi vòng quanh mộ một vòng, mỗi người ném xuống một hòn đất.

- Đắp mộ xong mọi người đứng vòng quanh mộ, người hộ tang, người chấp sự tiến hành lễ thành phần.

Bên cạnh, nghi thức chung như trên, nhiều nơi còn có tục riêng như cầu kinh, yểm bùa, nhốt con gà, cài cây lá chứa, dựng cây nêu, đóng cửa mả, đốt hình nhân..., rắc vàng khẩu dọc đường, cắm hương ở các mộ xung quanh, mời người qua đường ăn trầu hút thuốc, cảm ơn người đắp mộ...

### **Hơi lạnh ở xác chết, cách phòng?**

Hơi lạnh hay âm khí, tà khí có ở xác người chết không?

Chưa ai đo nhiệt độ cụ thể trong thi thể người chết nhưng nhiều người đã công nhận người mới chết lạnh hơn nhiều so với nhiệt độ bình thường của con người cũng như của môi trường xung quanh.

Hiện tượng đó được giải thích như sau: Con người đang ở nhiệt độ bình thường ( $37^{\circ}\text{C}$ ), tự nhiên mất nhiệt thì nhiệt độ không chỉ hạ xuống ngang với nhiệt độ môi trường mà còn tụt xuống thấp hơn, sau đó một thời gian nhiệt độ mới nhích dần lên tới thể ổn định.

Dân gian công nhận hiện tượng hơi lạnh ở nhà người mới chết là hiện tượng có thực, hiện tượng vương phải hơi lạnh bị ốm cũng là hiện tượng phổ biến, nhất là đối với những người bị các chứng kinh niên như phong thấp, huyết áp cao, tâm thần..., còn đối với những người mạnh khỏe thì ít người bị ảnh hưởng.

Có thuyết cho rằng: Những người đồng khí huyết (con cái với cha mẹ, anh chị em ruột hoặc gần huyết thống) thì không bị nhiễm hơi lạnh, không có phản ứng gì kể cả khi ôm ấp thi hài và khâm liệm. Tuy nhiên, để phòng xa, người ta vẫn kiêng không cho các bậc cao lão, phụ nữ có thai sắp đến ngày sinh hoặc sản phụ, hài nhi đến dự khâm liệm, an táng và cải táng.

Có người hấp thụ phải hơi lạnh thì phản ứng tức thì. Có người trực tiếp khâm liệm, nhiễm

hơi lạnh, bản thân khoẻ mạnh không việc gì, nhưng để phòng ngừa cho người ở nhà nên trước khi vào nhà có người già, ốm yếu, trẻ sơ sinh vẫn phải xông khói. Những người hàng xóm xung quanh nhà có lễ tang, nếu có cụ già, trẻ nhỏ ốm yếu thường đặt sẵn ở cửa ra vào một lò than đốt vỏ bưởi và quả bồ kết để trừ uế khí. Những người nghi bị chó dại cắn, gia đình thường tuyệt đối cách ly đám tang và nghĩa trang, vì sợ rằng vương phải hơi lạnh chưa kịp chạy chữa đã phát bệnh.

### **Lễ ba ngày (Lễ tế ngu)**

Tục này không thống nhất, có nơi tính ba ngày sau khi mất, có nơi tính ba ngày sau khi chôn. Xét trong điển lễ thì không có lễ ba ngày mà chỉ có lễ tế ngu gồm có "sơ ngu", "tái ngu", "tam ngu". Ngu nghĩa là "yên", tức là ba lần tế lễ cho yên hồn phách. Theo *Thọ Mai gia lễ*, khi chôn xong, rước linh vị về đến nhà tế sơ ngu. Làm sơ ngu xong gặp ngày nhu (tức là Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý) làm lễ tái ngu, gặp ngày cương (tức ngày Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm) làm lễ tam ngu. Phan Kế Bính cũng dẫn giải như trên.

Dần dần về sau người ta giản lược, kiêm cả ba lễ luôn, chỉ làm lễ tam ngu, vì thế nên gọi là lễ ba ngày. Vậy là tính ba ngày từ sau khi chôn,



theo tục gọi là lễ mở cửa mả. Ngày đó con cháu ra sửa lại mộ, đắp cỏ, khơi rãnh thoát nước... Ngu là tế ngu, chỉ tế người chết, tế thần. Theo phong tục cũ, ít khi chết xong chôn ngay, thường còn để năm bảy ngày trong nhà. Khi chưa chôn làm lễ triêu tịch điện, tức là cúng cơm hàng ngày vẫn theo lễ thờ người sống. Vậy tế ngu phải tính từ sau khi chôn.

Còn có một lập luận khác: có ba điều không yên khiến phải làm lễ tế ngu:

- Đang sống hoạt động nay mọi hoạt động bỗng nhiên đình chỉ.

- Đang nhìn thấy bóng dáng, khi đã nhập quan không nhìn thấy bóng dáng nữa.

- Đang ở trên dương thế, nay xác về cõi âm, hồn vất vưởng lìa khỏi xác. Âm - dương hoàn toàn cách biệt từ sau lễ thành phần. Sơ ngu, tái ngu, tam ngu là tế để làm cho yên hồn phách, vậy phải tế sau khi mất, sau khi làm lễ nhập quan và sau khi lễ thành phần xong.

Ngày nay cũng có trường hợp sau khi chết 4-5 ngày còn để trong nhà lạnh chưa chôn nên không thể làm lễ ba ngày trước lễ an táng.

### **Tại sao có lễ cúng cơm trong 100 ngày?**

Gia đình Việt Nam nhà nào cũng vậy, mỗi ngày có hai bữa cơm chính là giờ phút đầm ấm nhất.

Trong nhà có người về muộn, mọi người cũng cố chờ về ăn cơm một lúc cho vui vẻ, đầm ấm. Con cháu cầm bát cơm lên, trước hết mời ông bà, cha mẹ, chờ ông bà, cha mẹ bắt đầu ăn rồi mới dám ăn. Có nơi xới bát cơm thứ hai còn mời lần nữa. Nếu có khách, trước khi buông bát đĩa đứng dậy còn phải xin phép và mời khách tiếp tục xới cơm. Cuộc sống gia đình đang vui vẻ, êm đẹp như vậy, vắng mặt trong bữa cơm còn nhắc, hướng chi vĩnh viễn đi xa. Do đó, trước bữa ăn người thân dâng lên bàn thờ một bát cơm úp, một vài món ăn bình thường, nhà ăn thứ gì thì cúng thứ ấy, thường là tinh khiết, không đòi hỏi cầu kỳ, nhà nghèo thì lưng cơm, đĩa muối cũng xong. Thắp hương xong, dựng đôi đĩa vào giữa bát cơm, có rượu thì rót chén rượu. Khấn vái xong cũng rót chén nước.

Thờ cúng vong linh cũng giống như đang sống, cũng là để thoả nguyện tâm linh, "lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương".

Nhưng tại sao lại cúng 100 ngày?

- Cũng tùy địa phương, có nơi chỉ cúng hết 49 ngày (tức là lễ chung thất) vì theo thuyết của Phật giáo: Qua 7 lần phán xét, mỗi lần 7 ngày đi qua một điện ở âm ty; sau 7 tuần linh hồn đã được siêu thoát. Có nơi cúng hết 100 ngày (tức là lễ tốt khốc, nghĩa là thôi khốc). Theo giải thích của các cụ ngày xưa, thời gian này linh

hồn vẫn còn phảng phất luẩn quẩn trong nhà chưa đi xa.

Chúng tôi cho rằng phong tục này có căn cứ khoa học: Theo thuyết Thần giao cách cảm, ngoài điện trường vật lý đã được ứng dụng trong thực tiễn, còn có điện trường sinh học. Những cá thể có cùng tần số cảm ứng trong điện trường sinh học, mặc dù ở cách nhau rất xa vẫn nhận được những nguồn thông tin của nhau. Các nhà khoa học đã vận dụng những phát kiến đó để giải thích về chiêm, về giấc mơ, về những biểu hiện tâm, sinh lý bất thường khi thân nhân (có thể cách nhau rất xa về không gian) có cùng tần số điện trường sinh học có sự biến bất thường. Người ta bảo chết là hết. Nhưng, chết chưa phải là đã hết khi người chết còn tồn tại trong tâm trí người sống. Sau khi chết, tim ngừng đập, máu ngừng chảy, thần kinh cảm giác ngừng hoạt động, nhưng vỏ não chưa bị hủy, xung động điện trường phát từ não vẫn chưa ngừng phát sóng. Lớp đất dày không ngăn được sóng điện vật lý hay sóng điện sinh học. Cá thể sống có tần số điện trường sinh học tương ứng vẫn tiếp nhận được tín hiệu, do đó hiện tượng báo mộng chưa hẳn là vu vơ, không đáng tin. Phải chăng vì lẽ đó mà các cụ cho rằng linh hồn còn phảng phất, chưa siêu thoát.

## **Lễ chung thất và tốt khốc có phải chọn ngày không?**

“Chung thất” là lễ cúng 49 ngày. “Tốt khốc” là cúng 100 ngày.

Theo *Thọ Mai gia lễ*, cứ đúng ngày quy định trong gia lễ mà làm lễ cúng 49 ngày và 100 ngày, không nên có sự chuyển dịch tùy tiện theo lời thầy lễ hay thầy bói. Chỉ trừ ngày làm lễ an táng và ngày làm lễ trừ phục (hết tang) trong gia lễ có ghi chọn ngày lành. Người ta không ai có thể chọn ngày chết, vậy nên từ xưa tới nay, hàng năm cứ đến ngày mất thì làm giỗ, dù cho có những năm, ngày đó rất xấu... Theo gia lễ, lễ chung thất, tốt khốc, tiểu tường, đại tường cứ theo đúng ngày mà làm lễ.

Con cháu ở xa nhớ ngày về làm lễ, thân nhân ở chỗ khác sắm sửa lễ đúng ngày tới dự. Xin lưu ý: tang tế theo ngày định sẵn, thân bằng, cố hữu ai lưu luyến đến thăm viếng, không đợi thiệp mời như lễ mừng, lễ cưới, không có chuyện "hữu thỉnh hữu lai, vô thỉnh bất đáo" (mời thì đến, không mời thì thôi).

## **Lễ nào là lễ trọng?**

Đây là câu hỏi phổ biến của nhiều gia đình:

- Trong một năm có nhiều lễ giỗ: giỗ cha, mẹ, ông, bà, cụ, kỵ, v.v., giỗ nào quan trọng hơn cả?

- Sau khi an táng xong có lễ 3 ngày, 49 ngày, 100 ngày, lễ giỗ đầu, lễ giỗ thứ hai, v.v., lễ nào là lễ chính?

Trước đây chưa thấy ghi trong điển lễ, nhưng ngày nay lại là vấn đề rất đáng quan tâm, vì nhà nào con cháu nội ngoại công tác cư trú phân tán mỗi người một nơi (không mấy gia đình không có người đi xa), trong một năm chỉ có điều kiện tụ hội gia đình một hoặc hai lần nhân ngày lễ trọng của gia đình; hoàn cảnh kinh tế eo hẹp, muốn mời bà con, khách, bạn trước là tới dự lễ gia tiên cùng thoả nguyện tâm linh, sau là để tỏ tình thân hiếu, không thể rải ra nhiều lần, vậy phải xác định tập trung vào lễ chính.

Về lễ giỗ, phong tục các nơi nói chung đều thống nhất lấy giỗ cha, mẹ là chính (chú ý cha, mẹ của người tôn trưởng nhất trong nhà), còn lễ tang thì phong tục mỗi nơi một khác. Có nơi chú trọng lễ 49 ngày là chính, có nơi coi lễ 100 ngày là chính, có nơi làm lễ 3 ngày xong xuôi tốt đẹp là được, bởi vì trong khi tang gia bối rối, việc đáp lễ đối với thân bằng cố hữu và những người đến hộ tang có thể còn nhiều khiếm khuyết nên lấy lễ 3 ngày làm lễ trọng, để nhân lễ này tang gia tạ ơn những người chăm sóc cha mẹ mình khi đau yếu và giúp đỡ gia đình lo xong phần

an táng. Có nơi coi trọng lễ giỗ đầu (gọi là "tiểu tường"), có nơi coi trọng lễ giỗ thứ hai (gọi là "đại tường", còn gọi là "giỗ hết"). Có lập luận cho rằng: đã gọi là "đại tường" (nghĩa là tốt đẹp lớn) thì bao giờ cũng tốt hơn "tiểu tường". Xét theo lễ nghi, ngày nay kết hợp đại tường và đàm tế có nhiều nghi tiết phức tạp hơn tiểu tường (xem phần: "Cách tiến hành đàm tế").

Tóm lại, hoàn cảnh kinh tế, hoàn cảnh sinh hoạt xưa và nay khác nhau, đây là vấn đề thiết thực, nhất là đối với những gia đình còn nhiều khó khăn về kinh tế và con cháu làm ăn xa nên tùy theo phong tục từng nơi, hoàn cảnh cụ thể từng nhà mà thoả ước với nhau, có điều kiện thì hội tụ gia đình, ai ở xa nhớ ngày làm lễ tưởng niệm cũng được.

### **Khi hết tang làm lễ trừ phục (đàm tế) như thế nào?**

Lễ “trừ phục” có thể hiểu dân gian là lễ hết tang. Cũng có người, có nơi lấy tên một nghi thức chính của lễ này đặt tên cho lễ hết tang. Đó là lễ đàm tế. Thực ra, trừ phục gồm ba lễ:

**1. Lễ sửa mộ:** đắp sửa mộ thành mộ tròn.

**2. Lễ đàm tế:** cất khăn tang, huỷ đốt các thứ thuộc phần lễ tang, rước linh vị vào bàn thờ chính, bỏ bàn thờ tang, thu cất các bức trướng, câu đối viếng.

**3. Lễ rước linh vị vào chính điện và yết cáo tổ tiên:** Chép sẵn linh vị mới, phủ giấy hay vải đỏ, khi đàm tế ở bàn thờ tang xong thì đốt linh vị cũ cùng với băng đen phủ quanh khung ảnh và văn tế. Sau đó rước linh vị, bát hương và chân dung (nếu có) đưa lên bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới. Trường hợp nhà con thứ không thờ gia tiên bậc cao hơn thì vẫn để nguyên bàn thờ như cũ, không phải chuyển bàn thờ mà chỉ cần yết cáo gia thân và yết cáo tổ ở nhà thờ tổ.

### **Vì sao có tục đốt vàng mã?**

Theo quan niệm của người đời xưa, người chết cũng cần ăn uống, nhà cửa, quần áo, hút thuốc, ăn trầu, cũng cần tiền xe, cần tiền đi lại và mọi khoản chi dùng như khi còn sống...

Người chết cũng được chia một phần gia tài. Ở Sơn La, Lai Châu, nhiều nơi còn dựng các nhà mồ, trong nhà mồ cũng có đầy đủ các nội đồng, mâm gỗ, ấm đất, bát đĩa, dao rựa, chăn chiếu, quần áo, mũ nón... đủ tiện nghi cho một cá nhân. Người chết cũng được chia cả trâu, lợn, gà, thóc, gạo... Sau ba năm, tang chủ làm lễ khấn vái và ra mồ xin lại những đồ vật còn dùng được và súc vật còn sống, kể cả súc vật vừa mới đẻ ra...

Từ việc cúng tế bằng đồ thật, dần dần mới sinh ra lễ đốt vàng mã, tức là thay thế bằng các

đồ vật làm bằng tre, gỗ, rơm, rạ, đất sét hoặc giấy tượng trưng, nhưng kích thước thu nhỏ lại để người cõi âm mang đi, nhờ có "phép thiêng biến ít thành nhiều". Áo quần của người chết mặc khi còn sống, để lại nhà mồ sau ba năm mục nát, không nở dùng vào việc khác, người ta đốt đi, dần dần sinh ra lệ đốt thêm quần áo mới, quần áo mới bằng vải lại được thay thế bằng quần áo giấy. Vì vậy mới có câu tục ngữ "đi với ma mặc áo giấy".

### **Chiêu hồn nạp táng là gì?**

Trong gia phả các họ rất chú trọng mục mộ táng ở đâu. Trong mục này có một số trường hợp ghi chú: "Chiêu hồn nạp táng". Vậy "Chiêu hồn nạp táng" là gì?

Đó là những ngôi mộ không có tử thi, hài cốt, mộ người chết trận, chết đuối hay do thú dữ vồ... không tìm được tử thi. Thân nhân làm hình nhân và làm lễ an táng theo như lễ an táng thông thường.

Các cụ kể lại rằng chất liệu làm hình nhân có nhiều loại, có địa phương dùng cây núc nác (còn gọi là sò đo thuyền, mộc hồ điệp, nam hoàng bá, bạch ngọc nhi. Núc nác là loại gỗ mềm và xốp, dễ tạo hình, chôn dưới đất lâu hoai, lại dễ kiếm vì mọc ở nhiều nơi); có địa phương dùng bùn lầy ở giữa lòng sông; có địa



phương dùng đất mùn đào ở giữa ngã tư đường cái.

Hình nhân được đẽ gọt hoặc nhào nặn thô sơ, có đầu mình chân tay là được (vì đa số không phải là nghệ nhân). Kích thước của hình nhân khoảng 30-40 cm chiều dài. Thi hài tượng trưng đó cũng được khâm liệm, đưa vào áo quan làm bằng gỗ vàng tâm, kích thước nhỏ bé, hoặc đưa vào tiểu sành. Trên hình nhân có phủ linh vị viết trên giấy kim tuyến, nội dung giống như linh vị đặt ở bàn thờ. Trước khi làm lễ an táng có mời thầy cúng làm bùa ấn phù phép để vong hồn nhập vào hình nhân.

Lễ an táng và các lễ khác cũng tiến hành như tang lễ thông thường.

### **Hình nhân thế mạng là gì?**

Ở nước ta chưa có tục tuần táng<sup>1</sup> nhưng trước đây có tục đốt hình nhân thế mạng, vốn xuất xứ từ tục tuần táng, nhưng nhân đạo hơn so với tuần táng.

Để vua chúa xuống dưới âm cung có người

---

1. Tuần táng là tục chôn sống người. Đó là một tục dã man, vô nhân đạo. Khi lãnh chúa chết thì cung phi, nữ chúa và một số nô tỳ cũng bị chôn theo, nếu là hoả táng thì cùng lên giàn hoả, để sang thế giới bên kia tiếp tục hầu hạ lãnh chúa.

hầu hạ, ở nước ta không có tục lệ chôn sống người mà dùng hình nộm làm bằng tre nứa, quần bằng rơm rạ hoặc nhào nặn bằng đất sét, ngoài dán giấy làm quần áo rồi vẽ mặt mũi, sau đó thầy phù thủy làm phù phép, vẽ bùa, đóng ấn. Sau khi tế lễ xong, đốt hình nhân đó cùng với vàng mã. Nếu lễ thủy thần, long vương, hà bá thì làm thuyền bằng giấy kết trên thân cây chuối rồi đặt hình nhân vào thuyền và thả trôi sông. Có người nghe theo lời bói toán nhảm nhí sắp đến vận hạn bị hung thần quỷ dữ bắt, phải nhờ thầy cúng làm lễ, đốt hình nhân thế mạng...

Đây là một tập tục chứa đầy tính chất mê tín, dị đoan đã bị đả phá, bãi bỏ từ đầu thế kỷ. Chính quyền phong kiến đã ra lệnh cấm hủ tục này. Người nào cố tình vi phạm, nếu phát hiện được sẽ bị phạt nặng. Địa phương nào để những tục đó xảy ra, nếu phát hiện được thì lý trưởng nơi đó bị cách chức. Ngày nay, chúng tôi thấy hủ tục này lại có cơ phát triển, cho nên việc bài trừ hủ tục nhảm nhí này là cần thiết, phù hợp với việc xây dựng nền văn hoá mới.

### **Tại sao phải cải táng? Những trường hợp nào không nên cải táng?**

... Người mất, sau ba năm đoạn tang rồi hoặc một vài năm nữa thì con cái lo việc cải táng.

Trước hôm cải táng làm lễ cáo từ đường. Đến hôm cải táng, lại làm lễ khấn thổ công chỗ để mả mới táng.

Trước hết khai mả, nhặt lấy xương xếp vào một cái tiểu sành, rảy nước vang vào rồi che đây thật kín, không cho ánh sáng mặt trời lọt vào được. Nhà phú quý thì dùng quan quách liệm như khi hưng táng.

Đoạn, đem cải táng sang đất khác. Còn quan tài cũ nát thì bỏ đi, tốt thì đem về dùng hoặc làm cầu, hoặc làm chuồng trâu chuồng ngựa, để trâu ngựa đứng cho khỏi sâu chân.

Cải táng có nhiều cố.

Một là, vì nhà nghèo, khi cha mẹ mất, không có tiền lo liệu, mua tạm một cỗ ván xấu, đợi xong ba năm thì cải táng, kéo sọt ván hư nát thì hại đến di hài.

Hai là, vì chỗ đất có mối kiến, nước lụt thì phải cải táng.

Ba là, vì các nhà địa lý thấy chỗ mả vô cố mà sụt đất hoặc cây cối ở trên mả tự nhiên khô héo, hoặc trong nhà có người bị tâm thần, hoặc đau ốm liên miên, hoặc có kẻ nghịch ngợm, phá phách sinh ra kiện tụng lôi thôi, thì cho là tại đất mà cải táng.

Bốn là, những người muốn cầu công danh phú quý, nhờ thầy địa lý tìm chỗ cát địa mà cải

táng. Lại có người thấy nhà khác phát đạt, đem mả nhà mình táng gần chỗ mả nhà kia, để cầu được hưởng dư huệ.

Trong khi cải táng, tục lại có ba điều là tường thuy (tức là mả phát tốt đẹp) mà không cải táng:

Một là, khi đào đất thấy có căn rấn vàng thì cho là long xà khí vật. Hai là, khi mở quan tài ra thấy có dây tơ hồng quấn quýt thì cho là đất kết. Ba là, hơi đất chỗ đó ấm áp, trong huyết khô ráo không có nước hay là nước đóng giọt lại như sữa đều là tốt. Khi nào gặp như thế thì phải lập tức lấp lại ngay.

Nhà phú quý thì xây lăng, nhà thường thì dựng mộ chí, đợi khi tuần tiết đến thăm viếng.

Tục cải táng vẫn có người áp dụng; nhưng cũng có nhiều người khi hung táng, sắm sửa quan quách kỹ càng, nên không cần phải cải táng.

Tục này còn bởi người ta tin rằng tổ tiên với con cháu huyết mạch tương quan với nhau. Hễ hài cốt tổ tiên có ấm cúng thì con cháu mới mát mặt, hài cốt không yên thì con cháu cũng không yên, cho nên mới có tục ấy.

Nhiều người tin thầy địa lý quá, mời thầy địa lý phụng dưỡng hai, ba tháng trong nhà để đi tìm đất. Có nhà động thấy trong nhà không yên thì lại cải táng, có khi cải táng đến năm, sáu lần.

Thiết tưởng hài cốt tiên nhân, nếu có lòng kính trọng thương xót thì chớ nên di di, dịch lại. Trừ những khi vạ bất đắc dĩ thì phải cải đi, không nên vì công danh phú quý là việc hy vọng chưa trông thấy mà làm đến việc thương tâm thảm mục. Vả lại, sự khai mả cũng có khi quan hệ đến việc vệ sinh thì lại là việc không nên làm. Còn như gia đình hay dở thì tại người sống một khôn một dại khác nhau, chứ không phải tại đất. Nếu có tại đất cũng không dễ mà tìm được, chẳng qua nhà nào có phúc hậu thì tự nhiên gặp hay, nhà nào bạc ác thì có khi gặp dở, cần gì phải uống công mệt sức đi cầu cái việc vu vơ làm gì...<sup>1</sup>.

### **Thiên táng là gì?**

Ngày xưa có người đi làm ăn xa nhà, dọc đường chẳng may bị cảm nắng, cảm gió mà chết đột ngột, có người cùng đi hoặc người qua đường nhận ra, chỉ kịp đánh dấu chỗ người chết nằm xuống, chưa kịp chôn cất, đến nhà báo cho tang quyến. Khi người nhà đến nơi thì mối đã vùi lấp hết tử thi. Thân nhân cho rằng đó là huyết đất tốt, trời đã dành cho và chôn hộ nên gọi là "thiên táng", tương lai gia đình sẽ phát đạt, vậy

---

1. Xem Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*, *Sđđ*, tr. 39.

cứ để nguyên mà vun cao lên, không cải táng. Những ngôi mộ thiên táng như vậy thường ở ven đường cái. Ngày nay dọc đường quốc lộ, lác đác còn nhìn thấy có những ngôi mộ cổ đắp đất, gọi là thảo mộ, trải qua hàng trăm năm mưa gió dập vùi, nhưng vẫn được tôn cao, trong số đó phần lớn là những ngôi mộ vô thừa nhận vì chết dọc đường, người nhà không tìm thấy. Mộ vẫn được đắp cao, không ngót hương khói do những cư dân xung quanh và khách buôn bán qua lại thờ cúng vì tin rằng những âm hồn đó thiêng, phù hộ độ trì cho khoẻ mạnh, làm ăn phát đạt.

### **Đất dưỡng thi là gì?**

Có những ngôi mộ cổ do kỹ thuật ướp xác, trải qua hàng trăm năm da thịt vẫn còn nguyên vẹn không hoại. Nhưng còn có những ngôi mộ lâu đời không sử dụng kỹ thuật ướp xác mà da thịt vẫn còn nguyên do chôn vào đất dưỡng thi.

"Đất dưỡng thi" là loại đất gì, gồm những yếu tố hoá học nào, nhiệt độ và độ ẩm ra sao, có những đặc điểm gì để tìm ra đất dưỡng thi thì chưa ai rõ, hoặc giả xưa kia có thầy am hiểu thuật phong thủy đã tìm ra, ngày nay đã thất truyền hoặc giả do ngẫu nhiên, tình cờ gặp mà không biết. Chỉ biết rằng đó là một môi trường trong đó cả vi khuẩn hiếu khí và yếm khí đều bị

hủy diệt. Hy vọng trong tương lai, khoa học phát triển hoặc sẽ có nhiều người để tâm nghiên cứu, điều bí ẩn của đất dưỡng thi sẽ được khám phá.

### **Tại sao kiêng đắp mộ trong vòng tang?**

Theo phong tục, sau ba ngày an táng là làm lễ mở cửa mả. Trong buổi đó, sửa sang mộ cao ráo, đắp cỏ xung quanh, làm rãnh thoát nước, chặt bỏ cây bụi xung quanh để phòng rễ mọc lan, xuyên vào mộ chộc thủng áo quan. Kể từ ngày đó, con cháu đến thăm viếng, thắp hương chỉ lấy đất xung quanh đắp bổ sung vào những chỗ đất bị sụt lở, không được trèo lên mộ, không được động thổ, cuốc vào.

Xét ra tục kiêng ấy rất có lý: Trong ba năm đó, áo quan và thi thể đang trong thời kỳ tan rữa, đã xảy ra những trường hợp do không biết để phòng mà mộ bị sập. Sập mả, động mả, mặc dù là hiện tượng tự nhiên, nhưng cũng gây cho tang gia nhiều lo lắng.

### **Tại sao cải táng mộ thường tiến hành khi chưa có ánh sáng mặt trời?**

Có lý luận cho rằng, âm - dương cách biệt nên phải kiêng không để mặt trời trực tiếp rọi vào. Nhưng theo chúng tôi, xuất phát từ kinh

nghiệm thực tế, có nhiều trường hợp gập đất dưỡng thi hoặc ba điều tường thuy (tức mộ kết phát) không nên cải táng, phải lấp lại ngay. Trong trường hợp thi thể sau nhiều năm vẫn còn nguyên vẹn, nếu để ánh mặt trời trực tiếp rọi vào thì rửa ra ngay và teo lại. Vì vậy, để phòng xa nên kiêng ánh mặt trời, lâu ngày trở thành phong tục chung?

### **Ma trời hay ma chơi ?**

Tiếng khu Bốn (cũ) gọi là "ma trời", Bắc Bộ gọi là "ma chơi". Chúng tôi chưa rõ biến âm hay xuất xứ của ngôn từ ám chỉ loại ma đó "chơi với", "chơi đùa với trần thế" hay "trêu chọc cho xấu hổ". Trong *Văn chiêu hồn thập loại chúng sinh*, Nguyễn Du có viết:

*Lập lòe ngọn lửa ma trời*

*Tiếng oan văng vẳng tối trời càng thương.*

Ma trời là ngọn lửa lập lòe yếu nhạt, bập bùng lan toả theo chiều gió, chốc lại biến mất, rồi từ chỗ cũ, chốc chốc lại lập lòe ngọn lửa xanh nhạt, loáng thoáng bay lên. Các cụ già thì giải thích, đó là oan hồn của những người chết trận, của những nắm xương vô thừa nhận không người chôn cất, vất vưởng trên bãi chiến trường, trong bãi tha ma hoặc trên cánh đồng không mông quạnh. Nhưng khoa học đã giải



thích, chứng minh hiện tượng đó là do chất lân tinh (P) từ trong xương cốt người và súc vật toả ra gặp ôxy trong khí trời bốc cháy thành ngọn lửa xanh nhạt, ban ngày cũng có nhưng không nhìn thấy.

Sở dĩ có hiện tượng tưởng là ma trời đuổi là vì khi ta chạy đã tạo nên một luồng không khí cuốn hút ngọn lửa ấy vờn theo.

### **Tại sao, tại sao và tại sao?**

- Tại sao có tục đặt một bát cơm úp, một quả trứng, dựng đôi đũa trên bát cơm, cài quả trứng vào giữa hai chiếc đũa rồi thắp hương đặt trên đầu người chết suốt trong thời gian chưa nhập quan?

- Tại sao người ta cắm một cái cọc kim loại dưới chân giường người chết?

- Tại sao khi chưa nhập quan, người ta đặt ngang một con dao trên bụng người mới chết?

- Tại sao trên nắp áo quan, người ta luôn luôn thắp hương, nén (nếu không có nén thì thắp ngọn đèn dầu) cho đến khi hạ huyệt không để tắt hương, đèn?

- Tại sao hai bên hương án, phía gần kê áo quan, người ta đặt hai cây chuối con?

- Tại sao có tục dựng bó đuốc to ở giữa sân vào ban đêm trước lễ an táng (nếu để qua đêm), con cháu và thân nhân túc trực quanh linh cữu

(lễ "chúc thực" ban đêm, "chúc" nghĩa là đuốc, đóm, "thực" nghĩa là trông; lễ "chúc thực" nghĩa là lễ "trông bó đuốc")?

- Tại sao có tục kiêng ngăn người nhà không được đứng cạnh thi hài mà khóc, tránh nhỏ nước mắt vào thi hài?

- Tại sao sau lễ nhập quan phải đốt lỗ hung (lỗ đào ở chính giữa giường người mới chết nằm khi chưa nhập quan. Chất đốt có thể dùng trấu, than, củi hoặc giấy rách...)?

- Tại sao lễ tang là việc buồn lại đốt pháo? (tục này chỉ có ở thành phố đối với người già).

- Tại sao phải nhốt mèo trong nhà khi có người mới chết?

- Tại sao khi người chết trong nhà, người ta phải treo lên mái nhà dõ một vài viên ngói, hoặc vài chót lá tranh (đối với nhà bít nóc và ít cửa)?

.....

Những câu hỏi trên cùng có chung một câu trả lời: Đó là kinh nghiệm dân gian, dùng phép thuật điều hoà khí âm - dương, thu hút tà khí để phòng chống hơi lạnh và phòng xa hiện tượng "quỷ nhập tràng". Xuất phát từ kinh nghiệm dần dần bắt chước nhau trở thành phong tục.

Dùng khói lửa, ánh sáng mặt trời (đốt hương,

nến, đèn, đuốc, than, trấu, dõ mái nhà, mở rộng cửa, đào lỗ hung, đốt pháo...) để triệt tiêu hơi lạnh. Dùng bát cơm, quả trứng, cây chuối, để thu hút hơi lạnh. Nếu bỏ đôi quả trứng thì có nhiều quả lòng đỏ đã trở nên xanh thẫm giống như những quả trứng dùng để đánh gió. Nhốt mèo để đề phòng mèo nhảy qua xác chết, kiêng khóc nhỏ nước mắt vào thi hài hoặc cấm cọc kim loại dưới giường người chết, dõ mái nhà... là những thuật triệt tiêu những luồng điện âm - dương hút nhau.

Ngoài ra, những người đến dự lễ tang, nhất là dự khâm liệm còn có những thuật khác để phòng chống hơi lạnh như ngâm gừng sống, uống nước lá nhót, ăn trầu và xông khói vỏ bưởi, bồ kết trước và sau khi đến lễ tang.

## VI. GIỖ, TẾT, TẾ LỄ

### Bái vật là gì?

Quan niệm cổ xưa không riêng nước ta mà nhiều dân tộc trên thế giới cho rằng mọi vật do tạo hoá sinh ra đều có linh hồn; mỗi loại vật, kể cả khoáng vật, thực vật cũng có cuộc sống riêng. Lúc đó người ta chưa phân biệt thế giới hữu sinh và vô sinh. Con người chưa thể lý giải nổi những yếu tố thiên nhiên xung quanh chi phối mình như thế nào nên các vật như hòn đá, thân cây, con vật có quan hệ mật thiết với họ đều được tôn thờ như thần linh. Trong ngôn ngữ nhiều nước ở châu Âu (như tiếng Pháp), mọi vật trong tạo hoá hữu hình hay vô hình, cụ thể hay trừu tượng đều mang khái niệm âm - dương, đều có giống đực, giống cái. Đó là chứng cứ xuất xứ tục bái vật hiện còn tồn tại ở nhiều dân tộc trên thế giới và một vài dân tộc ở miền núi nước ta.

Ở nước ta, hòn đá trên chùa, cây đa đầu đình, giếng nước, cửa rừng cũng được nhân dân thờ cúng, coi đó là một biểu tượng, nơi ẩn

hiện của một vị thiên thần hoặc nhân thần nào đó. Người ta "sợ thần sợ cả cây đa" mà cúng cây đa, đó không thuộc vào tục bái vật. Cũng như người ta lễ Phật, thờ Chúa, quỳ trước tượng Phật, tượng Chúa, lễ Thần, quỳ trước long ngai của Thần, những Thần đó có thần hiện rõ ràng, chứ không phải lạy khúc gỗ hay hòn đá như tục bái vật.

Xa xưa, ở nước ta có tục bái vật không? Câu trả lời chưa được làm rõ. Ngày nay chỉ còn lại vài dấu vết trong phong tục. Ví dụ, bình vôi là bà chúa trong nhà, chưa ai định danh là bà chúa gì, nhưng bình vôi tượng trưng cho uy quyền chúa nhà, nhà nào cũng có bình vôi. Khi con dâu về nhà, mẹ chồng tạm lánh ra ngõ cũng mang bình vôi theo, nghĩa là tạm lánh nhưng luôn nắm giữ uy quyền. Khi lỡ làm vỡ bình vôi thì đem mảnh bình vôi còn lại cất ở chỗ uy nghiêm hoặc đưa lên đình, chùa, không vứt ở chỗ ô uế.

Gỗ chò là loại gỗ quý, gỗ thiêng, chỉ được dùng để xây dựng đình chùa, nhà thờ. Nhân dân không ai được dùng gỗ chò làm nhà riêng. Ngày xưa trong đám cưới theo lối cuốn về xuôi, nếu có gỗ chò, các cụ còn mặc áo thụng ra lạy.

Còn như tục kiêng vứt chân hương vào thùng rác hoặc chỗ dơ bẩn, kiêng dùng giấy có chữ Nho vào việc ướm tạc, đó là vì ý thức tôn sùng

thần linh, cụ thể là đức Khổng Tử, chứ không phải sợ hồn của chân hương hay tờ giấy. Đó không phải là tục bái vật.

### **Lễ cúng giỗ vào ngày nào?**

Lễ cúng giỗ vào đúng ngày mất hay trước ngày mất một ngày? Có người cho rằng phải cúng vào ngày đang còn sống (tức là trước ngày mất), có người lại cho rằng "trẻ dôi ra, già rút lại", vậy nên chết trẻ thì cúng giỗ đúng ngày chết, còn người già thì cúng trước một ngày.

Theo âm Hán, ngày giỗ là húy nhật hay kỵ nhật, tức là lễ kỷ niệm ngày mất của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, cũng có nghĩa là ngày kiêng kỵ.

Ngày trước, lễ giỗ gọi là lễ chính kỵ; chiều hôm trước lễ chính kỵ có lễ tiên thường (nghĩa là nếm trước), con cháu sắm sanh một ít lễ vật, dâng lên mời gia tiên nếm trước. Ngày xưa, những nhà phú hữu mời thông gia, bà con làng xóm đến ăn giỗ cả hai lễ tiên thường và chính kỵ. Dần dần vì khách đông phải chia ra hai lượt; lại có những nhà hàng xóm mời cả hai vợ chồng nên luân phiên nhau, người đi lễ tiên thường, người đi lễ chính kỵ. Ở nông thôn tùy theo thời vụ, muốn "vừa được buổi cày vừa hay bữa giỗ", buổi chiều đi làm đồng về, sang hàng xóm ăn giỗ tiện hơn nên có nơi lễ tiên thường đông hơn lễ chính kỵ. Dần dần hoặc vì bận việc

hoặc vì kinh tế eo hẹp hoặc vì thiếu người phục dịch, người ta giản lược đi, chỉ mời khách một lần nhưng hương hoa, trầu rượu vẫn cúng cả hai lễ. Một vài nhà làm, những người khác thấy thuận tiện bắt chước, dần dần trở thành tục lệ của địa phương. Việc cúng ngày sống (tức lễ tiên thường vào chiều hôm trước, trước đây chỉ cúng vào buổi chiều vì buổi sáng còn mưa sấm nấu nướng và ra khấn ở mộ yết cáo với thổ thần, long mạch xin phép cho gia tiên về nhà dự lễ giỗ). Cúng ngày sống hay cúng ngày chết, hay nói cách khác lễ tiên thường hay lễ chính kỵ, lễ nào quan trọng hơn, chẳng qua đó là cách biện hộ cho phong tục của từng địa phương.

Nếu vận dụng đúng phong tục cổ truyền phổ biến trong cả nước thì trước ngày chết (lễ tiên thường) phải cúng chiều, đúng ngày chết (lễ chính kỵ) phải cúng buổi sáng kể cả chiều hôm đó mới chết.

### **Mấy đời tống giỗ?**

Theo gia lễ *Ngũ đại mai thân chủ*, hễ đến năm đời thì lại đem chôn thân chủ của cao tổ đi mà nhấc lần tầng tổ khảo lên bậc trên rồi đem ông mới mất thế vào thân chủ ông khảo.

Theo nghĩa cửu tộc (9 đời): cao, tăng, tổ, phụ (4 đời trên); thân mình và tử, tôn, tăng tôn, huyền tôn (4 đời dưới mình).

Như vậy là chỉ có 4 đời làm giỗ (cao, tăng, tổ, phụ) tức là kỵ (hay can), cụ (hay cố), ông bà, cha mẹ.

Từ "cao" trở lên gọi chung là tiên tổ thì không cúng giỗ nữa mà nhập chung vào kỳ xuân tế, hoặc phụ tế vào ngày giỗ của thủy tổ.

### **Trường hợp chết yểu có cúng giỗ không?**

Có hai trường hợp:

- Những người đã đến tuổi thành thân, thành nhân nhưng khi chết chưa có vợ hoặc mới có con gái, chưa có con trai, hoặc đã có con trai nhưng ít lâu sau con trai cũng chết, trở thành phạp tự (không có con trai nối dòng). Những người đó có cúng giỗ. Người lo việc giỗ chạp là người cháu (con trai của anh hoặc em ruột) được lập làm thừa tự. Người cháu thừa tự được hưởng một phần hoặc toàn bộ gia tài của người đã khuất. Sau khi người thừa tự mất thì con cháu người thừa tự đó tiếp tự.

- Những người chưa đến tuổi thành thân (dưới 16 hoặc dưới 18 tuổi, tùy theo tục lệ địa phương) sau khi hết lễ tang yết cáo với tổ tiên xin phụ thờ theo tiên tổ (gọi chung trong các bài văn cúng các bậc gia tiên là: phụ vị thương vong tòng tự - không đặt linh vị từng vong hồn). Những người đó không có lễ giỗ riêng, ai có cúng giỗ chỉ là ngoại lệ. Có những gia đình bữa



nào cũng xới thêm một bát cơm, một đôi dĩa đặt bên cạnh mâm, coi như người thân còn sống trong gia đình. Điều này không có trong gia lễ nhưng thuộc vào tâm linh, niềm tưởng vọng đối với thân nhân đã khuất.

### **Cúng giỗ**

Theo tập quán lâu đời, dân ta lấy ngày giỗ (ngày mất) làm trọng, cho nên ngày đó, ngoài việc thăm phần mộ, tùy gia cảnh và tùy vị trí người đã khuất mà cúng giỗ. Đây cũng là dịp thăm người thân trong gia đình, trong chi họ, dòng họ, họp mặt để tưởng nhớ người đã khuất và bàn việc người sống giữ gìn gia phong. Vào dịp đó người ta thường tổ chức ăn uống, nên mới gọi là ăn giỗ, thì cũng là "trước cúng sau ăn", để cho cuộc họp mặt thêm đậm đà ấm cúng, kéo dài thời gian sum họp, kể chuyện tâm tình, chuyện làm ăn. Chi phí cũng không dồn lên đầu một ai vì ngoài phần do hương hỏa mà có, mỗi người đều đóng góp bằng tiền mặt hoặc hiện vật, nên mới có từ "góp giỗ". Với ý nghĩa trên - "uống nước nhớ nguồn"- việc đó có thể xếp vào loại thuần phong mỹ tục, nếu như người ta loại bỏ được những hủ tục có tính chất mê tín dị đoan, nếu như không bị lợi dụng làm cơ hội cho bọn hãnh tiến khoe của bằng mâm cao cỗ đầy, sơn hào hải vị, cho những ông tham nhũng dựa

vào chúc quyền nhận lễ giỗ hậu hĩnh, một thứ đút lót trá hình.

Chính vì thế theo phong tục đó mà Nhà nước ta đã giữ gìn việc tổ chức trang nghiêm ngày giỗ của các vị anh hùng dân tộc có công dựng nước và giữ nước như ngày Giỗ Tổ Hùng Vương,... Vì vậy, việc giữ gìn tục lệ đó theo ý nghĩa trong sáng của nó không có gì phải bàn.

### **Tết Nguyên đán có từ bao giờ?**

Nguồn gốc Tết Nguyên đán, hay nói ngắn hơn là Tết, có từ đời Ngũ Đế, Tam Vương.

Đời Tam Vương, nhà Hạ, chuộng màu đen, nên chọn tháng đầu năm, tức tháng Giêng, nhằm tháng dần (con hổ) và do đó Tết Nguyên đán vào đầu tháng dần.

Nhà Thương thích màu trắng, lấy tháng Sửu (con trâu), tháng chạp làm tháng đầu năm.

Qua nhà Chu (năm 1050 - 256 trước Công nguyên), ưa màu đỏ, chọn tháng Tý (con chuột), tháng mười một làm tháng Tết.

Các vua chúa nói trên, theo ngày giờ, lúc mới tạo thiên lập địa (nghĩa là giờ tý thì có trời, giờ Sửu thì có đất, giờ dần sinh loài người) mà đặt ra ngày Tết khác nhau.

Đến đời Đông Chu, Khổng Phu Tử ra đời, đổi ngày Tết vào một tháng nhất định: tháng dần.

Mãi đến đời Tần (thế kỷ thứ III trước Công

nguyên), Tần Thủy Hoàng lại đổi ngày Tết vào tháng Hợi (con lợn), tức tháng mười.

Cho đến khi nhà Hán trị vì, Hán Vũ Đế (140 trước Công nguyên) lại đặt ngày Tết vào tháng Dần (tức tháng giêng) như đời nhà Hạ, và từ đó về sau, trải qua bao nhiêu thời đại, không còn nhà vua nào thay đổi về tháng Tết.

Đến đời Đông Phương Sóc, ông cho rằng ngày tạo thiên lập địa có thêm giống gà, ngày thứ hai có thêm chó, ngày thứ ba có lợn, ngày thứ tư sinh dê, ngày thứ năm sinh trâu, ngày thứ sáu sinh ngựa, ngày thứ bảy sinh loài người và ngày thứ tám mới sinh ra ngũ cốc.

Vì thế, ngày Tết thường được tính từ ngày mồng Một đến hết ngày mồng Bảy<sup>1</sup>.

### **Ngày Tết có những phong tục gì?**

Dân tộc ta có nhiều ngày tết. Tết là cách nói tắt hai chữ lễ tiết. Có Tết Thượng nguyên, Trung nguyên, Hạ nguyên, Thanh minh, Đoan ngo, Trung thu... Ngày Tết được đề cập ở đây là nói tắt lễ tiết Nguyên đán (ngày đầu năm).

Ngày Tết, dân tộc ta có nhiều phong tục hay, như khai bút, khai canh, hái lộc, chúc tết, du xuân, mừng thọ... Từ trẻ đến già ai ai cũng biết,

---

1. Xem Nguyễn Đình Khang: “Tết Nguyên đán”, báo *Đường sắt Việt Nam*, số Xuân năm 1994.

không nhắc thì thanh thiếu niên cũng mua cho được cành hoa, bánh pháo, nhà nghèo cũng có bánh chưng, chai rượu.

*Tổng cữu nghênh tân*: nghĩa là cuối năm quét dọn sạch sẽ nhà cửa, sân ngõ, vứt bỏ những thứ rác rưởi, cùng làng xóm dọn dẹp nhà thờ, đình chùa, đường sá phong quang, tắm giặt, cắt tóc, may sắm quần áo mới, trang trí bàn thờ, lau chùi bàn ghế, ấm, chén và chuẩn bị mọi thứ thức ăn, vật dụng.

Nhiều gia đình nhắc nhở, dặn dò con cháu từ phút giao thừa trở đi không quấy khóc, không nghịch ngợm, không cãi cọ nhau, không nói tục chửi bậy, không vứt rác, viết vẽ bừa bãi; cha mẹ, anh chị cũng không quở mắng, phạt con em, đối với ai cũng tay bắt mặt mừng, vui vẻ niềm nở dù lạ hay quen.

Đối với bà con hàng xóm dù trong năm cũ có điều gì không hay không phải, điều nặng tiếng nhẹ hay xích mích gì đều xí xoá hết. Dù có thực lòng hay không nhưng người nào cũng có vẻ ôn tồn hoà nhã, chuyện cũ cho qua không để bụng, cũng không ai nói khích bác hoặc bóng gió, ác ý gì trong những ngày đầu năm. Dù mới gặp nhau ít phút trước, nhưng sau phút giao thừa coi như mới gặp, người ta chúc nhau những điều tốt lành.

*Hái lộc, xông nhà, chúc Tết, mừng tuổi*: Mọi

người ai cũng hy vọng một năm mới tài lộc dồi dào, làm ăn thịnh vượng, mạnh khỏe, tiến bộ, thành đạt hơn năm cũ. Lộc tự nhiên đến, càng sớm càng tốt, nhưng nhiều chủ nhà chủ động tự mình đi hái lộc (chỉ là một cành non ở đình chùa, ở chốn tôn nghiêm mang về nhà), tự mình xông nhà hoặc dặn trước người "nhẹ vía" mà mình thích đến xông nhà, bạn nào vinh dự được người khác mời đến xông nhà thì nên chú ý, chớ có sai hện sẽ xúi quẩy cả năm đối với gia đình chủ nhà và cả đối với bạn. Ở thành thị trước đây, sáng mồng một, có một số người nghèo gánh một gánh nước đến nhà các gia đình giàu có lân cận và chúc họ "Lộc phước dồi dào". Những người này được thưởng tiền rất hậu. Nhiều người không tin tục xông nhà nhưng cũng phải dè dặt, chưa dám đến nhà ai sớm, sợ trong năm mới gia đình người ta xảy ra chuyện gì không hay lại đổ tại mình "nặng vía". Vì vậy, đáng lẽ sáng mồng Một đông vui lại hoá ít khách, trừ những nhà đã tự xông nhà, vì tục xông nhà chỉ tính người đầu tiên đến nhà, từ người thứ hai trở đi không tính.

Sau giao thừa có tục mừng tuổi chúc Tết. Trước hết con cháu mừng tuổi ông bà, cha mẹ. Ông bà, cha mẹ cũng chuẩn bị một ít tiền để mừng tuổi cho con cháu trong nhà và con cháu hàng xóm, bạn bè thân thích. Lời chúc có ca, có

kệ nhưng xem người ta thích nhất điều gì thì chúc điều đó, chúc sức khoẻ là phổ biến nhất. Chú ý tránh phạm tên huý gia tiên, tránh nhắc tới lỗi lầm sai phạm cũ, xưng hô hợp với lứa tuổi và quan hệ thân thuộc. Với những người trong năm cũ gặp rủi ro tai họa thì động viên nhau "của đi thay người", "tai qua nạn khỏi", nghĩa là ngay trong cái họa cũng tìm thấy cái phúc, hướng về sự tốt lành. Kể cả đối với người phạm tội vẫn với thái độ nhẹ nhàng, khoan dung. Nhưng, nhìn chung trong những ngày đầu năm, người ta thường kiêng không nói tới điều rủi ro hoặc xấu xa.

Quanh năm làm ăn vất vả, ít có điều kiện qua lại thăm hỏi nhau, nhân ngày Tết đến chúc mừng nhau, gắn bó tình cảm thật là đậm đà ý vị; mời nhau hoặc điếu thuốc, miếng trầu, hoặc chén trà, ly rượu. Nhiều vùng nông thôn, hễ đến chúc Tết nhau nhất thiết phải nâng ly rượu, nếm vài món thức ăn gì đó thì chủ nhà mới vui lòng, năm mới từ chối sợ bị giông cả năm.

*Quà Tết, lễ Tết:* Bình thường qua lại hỏi thăm nhau có khi cũng có quà, biểu lộ mối ân tình, nhưng phong tục đi lễ Tết vẫn có ý nghĩa hơn, nhất là đi trước Tết càng quý. Loại trừ động cơ hối lộ quan trên để cầu danh, cầu lợi thì việc biếu quà Tết, tỏ ân nghĩa tình cảm là điều

đáng quý. Học trò tết thầy giáo, bệnh nhân tết thầy thuốc, con rể tết bố mẹ vợ... thì quà biếu, quà Tết đó không đánh giá theo giá thị trường. Nhưng cũng đừng nên gò bó, câu nệ sẽ hạn chế tình cảm: không có quà, ngại không dám đến. Dân tộc ta tuy nghèo nhưng vẫn trọng nghĩa tình "Lời chào cao hơn mâm cỗ".

*Lễ mừng thọ:* Ở các nước Tây Âu thường mừng thọ vào dịp kỷ niệm ngày sinh, ở nước ta ngày xưa ít ai nhớ chính xác ngày sinh nên vào dịp đầu xuân thường tổ chức mừng thọ lục tuần, thất tuần, bát tuần, cửu tuần... tính theo tuổi mụ. Ngày Tết, ngày xuân cũng là dịp mọi người đang rảnh rỗi, con cháu tụ tập đông vui.

*Câu chuyện khai bút:* Khai bút là một tục hay, tiếc rằng ngày nay ít ai chú ý. Khai bút là nắn nét, thận trọng viết những dòng chữ đầu năm. Giao thừa xong, khai bút chữ tốt văn hay tức là báo hiệu sang năm học hành tấn tới, thi cử gặp may. Làng xã có nhiều bài khai bút hay, đọc trong buổi bình văn khai hạ là làng có văn phong rạng rỡ, địa linh nhân kiệt.

Cũng vào dịp đầu xuân, nhà nông *khai canh*, thợ thủ công *khai công*, người buôn bán *mở cửa hàng lấy ngày*. Sĩ, nông, công, thương - "tứ dân bách nghệ" của dân tộc ta vốn cần cù, ai cũng muốn năm mới vận hội hanh thông, làm ăn suôn sẻ, đầu xuân chọn ngày tốt đẹp, bắt tay

lao động sớm, tránh tình trạng cờ bạc, rượu chè, hội hè đình đám, vui chơi quá đà. Sau ngày mồng Một, dù có mãi vui Tết, hoặc còn kế hoạch du xuân, đón khách, cũng chọn ngày "khai nghề", "làm lấy ngày". Nếu như mồng Một là ngày tốt thì chiều mồng Một đã bắt đầu. Người thợ thủ công nếu chưa ai thuê muốn đầu năm thì cũng tự làm cho gia đình mình một sản phẩm, dụng cụ gì đó (nguyên vật liệu đã chuẩn bị sẵn). Với người buôn bán ai cũng muốn chọn ngày tốt nên phiên chợ đầu xuân vẫn đông, mặc dù người bán chỉ bán lấy lệ, người đi chợ phần lớn là đi chơi xuân.

*Cờ bạc*: Ngày xưa các gia đình có nên nếp quanh năm cấm đoán con cháu không được cờ bạc, uống rượu nhưng trong dịp Tết, nhất là tối 28, 29 tháng chạp; gia đình quây quần bên nồi bánh chưng thì ông bố cho phép vui chơi, có cả trẻ con, người lớn, những nhà hàng xóm, những gia đình thân cận cùng vui. Tam cúc, cờ gánh, cờ nhảy, cờ tướng, kiệu, chắn, tổ tôm... ai thích trò nào chơi trò ấy. Đến lễ khai hạ, tiễn đưa gia tiên, coi như hết Tết thì xé bộ tam cúc, thu bàn cờ tướng, cất bộ tổ tôm hoặc đốt luôn khi hoá vàng.

Tóm lại, ngày Tết là ngày tiêu biểu cho truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Cần tiếp tục gìn giữ và phát huy thuần



phong mỹ tục đó, từ gia đình ra xã hội, ai ai cũng đối xử với nhau trên thuận dưới hoà, kính già yêu trẻ... đất nước, quê hương sẽ tươi đẹp, giàu mạnh.

### **Vì sao kiêng hót rác đổ đi trong ba ngày Tết?**

Trong *Sưu thần ký* có chuyện người lái buôn tên là Âu Minh đi qua hồ Thanh Thảo được thủy thần cho một con hầu tên là Như Nguyệt, đem về nhà được vài năm thì giàu to. Một hôm, nhân ngày mồng một Tết, Âu Minh đánh nó, nó chui vào đồng rác mà biến mất, từ đó nhà Âu Minh lại nghèo đi. Kể từ đó có tục kiêng không dám hót rác vào ngày Tết.

Tục kiêng này bắt nguồn từ Trung Quốc và đến nay vẫn có nhiều người theo.

Vì kiêng hót rác trong ba ngày Tết nên ngày 30 tháng chạp, dù bận rộn đến đâu cũng phải dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ và những ngày Tết, mọi người phải giữ gìn nhà cửa sạch sẽ, không vứt rác bừa bãi.

### **Tại sao cúng giao thừa ở ngoài trời?**

Dân tộc nào cũng coi phút giao thừa là thiêng liêng. Các cụ xưa quan niệm: Mỗi năm Thiên đình lại thay toàn bộ quan quân trông

nom công việc dưới hạ giới, đứng đầu là một ngài có vị trí như quan toàn quyền. Năm nào quan toàn quyền anh minh, liêm khiết thì hạ giới được nhờ như được mùa, ít thiên tai, không có chiến tranh, bệnh tật... Trái lại, ông quan lười biếng, kém cỏi, tham lam... thì hạ giới chịu mọi thứ khổ. Và các cụ hình dung phút giao thừa là lúc bàn giao, các quan quân quản hạ giới hết hạn kéo về trời và quan quân mới được cử thì ào ạt kéo xuống hạ giới tiếp quản thiên hạ.

Các cụ cũng hình dung phút ấy ngang trời quân đi, quân về đầy không trung tấp nập, vội vàng, thậm chí có quan, quân còn chưa kịp ăn uống.

Những phút ấy, các gia đình mang xôi gà, bánh trái, hoa quả, đồ ăn nguội ra ngoài trời cúng, với lòng thành tiễn đưa người nhà trời đã cai quản mình năm cũ và đón người nhà trời mới xuống làm nhiệm vụ cai quản hạ giới năm tới. Vì việc bàn giao, tiếp quản công việc hết sức khẩn trương nên các vị không thể vào trong nhà khê khà mâm bát mà chỉ có thể dừng vài giây ăn vội vàng hoặc mang theo, thậm chí chỉ chứng kiến lòng thành của chủ nhà<sup>1</sup>.

---

1. Lê Mai sưu tầm, báo *Phụ nữ Hà Nội*.

### **Tại sao có Tết Hàn thực (mồng 3 tháng 3)?**

Theo phong tục cổ truyền, ngày mồng 3 tháng 3, tức Tết Hàn thực, ta làm bánh trôi, bánh chay. Tết này có xuất xứ từ Trung Quốc, cúng giỗ ông Giới Tử Thôi, một hiền sĩ có công phò vua Tấn Văn Công, dời Xuân Thu, bị chết cháy ở núi Điền Sơn.

Nhân dân ta theo tục đó nhưng chỉ cúng gia tiên nhà mình.

### **Tại sao có Tết Đoan ngọ (mồng 5 tháng 5)?**

Ở nước ta, Tết Đoan ngọ (Tết Đoan dương) được coi trọng, xếp vào hàng thứ hai sau Tết Nguyên đán. Vì vậy các cụ thường nói "Mồng 5 ngày Tết", học trò tết thầy, con rể tết bố mẹ vợ... quanh năm cũng chỉ tập trung vào hai lễ Tết đó.

Tết này vốn có xuất xứ là ngày giỗ của ông Khuất Nguyên, người Xuân Thung, dưới thời cai trị của Sở Hoài Vương. Khuất Nguyên vốn là trung thần của vua Sở, vì can ngăn vua không được,... bức mình ông ôm đá gieo mình xuống sông Mịch La tự vẫn. Hôm ấy là ngày 5 tháng 5. Nhân dân tiếc người trung nghĩa, hằng năm đến ngày ấy làm bánh ngọt, quán chỉ ngũ sắc bên ngoài rồi bơi thuyền ra giữa dòng sông, ném bánh xuống để cúng ông. Quán chỉ ngũ sắc là có ý làm cho cá sợ, khỏiớp mất.

Tết Đoan ngọ còn nhiều tục lưu truyền đến nay: Sáng sớm cho trẻ ăn hoa quả, rượu nếp, trứng luộc, bôi hồng hoàng vào thóp đầu, vào ngực, vào rốn để giết sâu bọ. Người lớn thì giết sâu bọ bằng cách uống rượu (hoà ít tam thân đơn) hoặc ăn rượu nếp. Trẻ em giết sâu bọ ngay khi còn ngồi trên giường, rồi rửa mặt mũi, chân tay xong bắt đầu nhuộm móng tay móng chân, đeo chỉ ngũ sắc. Em gái đến độ tuổi bầm lỗ tai cũng chọn ngày này. Vì là Đoan ngọ nên lễ cúng gia tiên phải cúng vào giờ ngọ (buổi trưa). Tục hái thuốc mỏng năm cũng bắt đầu từ giờ Ngọ, đó là giờ có dương khí tốt nhất trong cả năm, lá cây cỏ thu hái được trong giờ đó có tác dụng chữa bệnh tốt, nhất là các chứng ngoại cảm, các chứng âm hư. Người ta hái bất kỳ loại lá gì có sẵn trong vườn, trong vùng, miễn sao đủ trăm loại, nhiều ít không kể, tuy vậy, nhân dân ta quen dùng thảo mộc chữa các chứng bệnh, biết phân biệt loại có độc. Ngược lại, các cây cỏ chữa bệnh thông thường có tác dụng trừ phong ích khí thì hái nhiều hơn như ích mẫu, ngải cứu, sả, tía tô, kinh giới, lá tre, lá bưởi, cam, chanh, quýt, mít, muỗm, hành, tỏi, gừng, chè, ổi, trầu không, sài đất, sống đời, bồ công anh, sen, vông, lạc tiên, nhọ nồi...

## VII. VỀ ÂM - DƯƠNG, NGŨ HÀNH

**Thế nào là âm - dương, ngũ hành?**

***Thế nào là âm - dương?***

Âm và dương theo khái niệm cổ sơ không phải là vật chất cụ thể, không gian cụ thể mà là thuộc tính của mọi hiện tượng, mọi sự vật trong toàn vũ trụ cũng như trong từng tế bào, từng chi tiết. Âm và dương là hai mặt đối lập, mâu thuẫn thống nhất, trong dương có mầm mống của âm và ngược lại.

***Thế nào là ngũ hành?***

Theo thuyết duy vật cổ đại, tất cả mọi vật chất cụ thể được tạo nên trong thế giới này đều do năm yếu tố ban đầu là nước, lửa, đất, cây cỏ và kim loại, tức năm hành thủy, hỏa, thổ, mộc, kim. Để giúp các bạn dễ nhớ ngũ hành tương sinh và tương khắc, chúng tôi nêu ví dụ mộc mạc đơn giản theo mấy vần thơ như sau:

*Ngũ hành sinh: thuộc lẽ thiên nhiên*

*Nhờ nước cây xanh mộc lớn lên (thủy sinh mộc)*

*Cây cỏ làm môi nhen lửa đỏ (mộc sinh hỏa)  
Tro tàn tích lại đất vàng thêm (hỏa sinh thổ)  
Lòng đất tạo nên kim loại trắng (thổ sinh kim)*

*Kim loại vào lò chảy nước đen (kim sinh thủy)*

*Ngũ hành tương khắc lẽ xưa nay  
Rễ cỏ đâm xuyên lớp đất dày (mộc khắc thổ)  
Đất đắp đê cao ngăn nước lũ (thổ khắc thủy)  
Nước dội nhiều nhanh dập lửa ngay (thủy khắc hỏa)*

*Lửa lò nung chảy đồng sắt thép (hỏa khắc kim)*

*Thép cứng rèn dao chặt cỏ cây (kim khắc mộc).*

Căn cứ nhận xét lâu đời về giới tự nhiên, người xưa đã nhận xét thấy sự biến hóa không ngừng của sự vật (thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái. Lưỡng nghi là âm và dương, tứ tượng là thái âm, thái dương, thiếu âm và thiếu dương. Bát quái là càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn và đoài).

Người ta còn nhận thấy rằng cơ cấu của sự biến hóa không ngừng đó là ức chế lẫn nhau, giúp đỡ, ảnh hưởng lẫn nhau, nương tựa lẫn nhau và thúc đẩy lẫn nhau.

Để biểu thị sự biến hoá không ngừng và quy

luật của sự biến hoá đó, người xưa đặt ra "Thuyết âm - dương".

Âm - dương không phải là thứ vật chất cụ thể mà thuộc tính mâu thuẫn nằm trong tất cả mọi sự vật. Nó giải thích hiện tượng mâu thuẫn chi phối mọi sự biến hóa và phát triển của sự vật.

Nói chung, phàm cái gì có tính chất hoạt động, hưng phấn, tỏ rõ, ở ngoài, hướng lên, vô hình, nóng rực, sáng chói, rắn chắc, tích cực đều thuộc dương.

Tất cả những cái gì trầm tĩnh, ức chế, mờ tối, ở trong, hướng xuống, lùi lại, hữu hình, lạnh lẽo, đen tối, nhu nhược, tiêu cực đều thuộc âm.

Từ cái lớn như trời, đất, mặt trời, mặt trăng, đến cái nhỏ như con sâu, con bọ, cây cỏ, đều được quy vào âm dương.

Ví dụ về thuộc dương trong thiên nhiên có: mặt trời, ban ngày, mùa xuân, hè, đông, nam, phía trên, phía ngoài, nóng, lửa, sáng. Thuộc âm có: mặt trăng, ban đêm, thu, đông, tây, bắc, phía dưới, phía trong, lạnh, nước, tối.

Trong con người, dương là mé ngoài, sau lưng, phần trên, lục phủ, khí, vệ; âm là mé trong, trước ngực và bụng, phần dưới ngũ tạng, huyết, vinh.

Âm - dương tuy bao hàm ý nghĩa đối lập mâu

thuần nhưng còn bao hàm cả ý nghĩa nguồn gốc ở nhau, hỗ trợ, chế ước nhau mà tồn tại. Trong âm có âm mống của dương, trong dương lại có âm mống của âm<sup>1</sup>.

Về căn bản, thuyết ngũ hành cũng là một cách biểu thị luật mâu thuẫn đã giới thiệu trong thuyết âm dương, nhưng bổ sung và làm cho thuyết âm dương hoàn bị hơn.

Ngũ hành là: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

Người xưa cho rằng mọi vật trong vũ trụ đều do 5 chất phối hợp nhau mà tạo nên.

Theo tính chất, thủy là lỏng, là nước thì đi xuống, thấm xuống. Hỏa là lửa thì bùng cháy, bốc lên.

Mộc là gỗ, là cây thì mọc lên cong hay thẳng.

Kim là kim loại, thuận chiều hay đổi thay.

Thổ là đất để trồng trọt, gây giống được.

Tinh thần cơ bản của thuyết ngũ hành bao gồm hai phương diện giúp đỡ nhau gọi là tương sinh và chống lại nhau gọi là tương khắc. Trên cơ sở sinh và khắc lại thêm hiện tượng chế hóa, tương thừa, tương vũ. Tương sinh, tương khắc, chế hóa, tương thừa, tương vũ biểu thị mọi sự biến hoá phức tạp của sự vật.

*Luật tương sinh:* Tương sinh có nghĩa là giúp

---

1. Đỗ Tất Lợi: *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.



đỡ nhau để sinh trưởng. Dem ngũ hành liên hệ với nhau thì thấy 5 hành có quan hệ xúc tiến lẫn nhau, nương tựa lẫn nhau.

Theo luật tương sinh, thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy lại sinh mộc và cứ như vậy tiếp diễn mãi, thúc đẩy sự phát triển không bao giờ ngừng. Trong luật tương sinh của ngũ hành còn bao hàm ý nữa là hành nào cũng có quan hệ về hai phương diện: cái sinh ra nó và cái nó sinh ra, tức là quan hệ mẫu tử. Ví dụ: kim sinh thủy thì kim là mẹ của thủy, thủy lại sinh ra mộc vậy mộc là con của thủy.

Trong quan hệ tương sinh lại có quan hệ tương khắc để biểu hiện ý thăng bằng, giữ gìn lẫn nhau.

*Luật tương khắc:* Tương khắc có nghĩa là ức chế và thắng nhau. Trong quy luật tương khắc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc và mộc lại khắc thổ, và cứ như vậy lại tiếp diễn mãi.

Trong tình trạng bình thường, sự tương khắc có tác dụng duy trì sự thăng bằng, nhưng nếu tương khắc thái quá thì làm cho sự biến hoá trở lại khác thường.

Trong tương khắc, mỗi hành cũng lại có hai quan hệ: giữa cái thắng nó và cái nó thắng. Ví dụ hành mộc thì nó khắc thổ, nhưng lại bị kim khắc nó.

Hiện tượng tương khắc không tồn tại đơn độc; trong tương khắc đã có ngụ ý tương sinh, do đó vạn vật tồn tại và phát triển.

Luật chế hóa: Chế hóa là chế ức và sinh hoá phối hợp với nhau. Trong chế hoá bao gồm cả hiện tượng tương sinh và tương khắc. Hai hiện tượng này gắn liền với nhau.

Lẽ tạo hóa không thể không có sinh mà cũng không thể không có khắc. Không có sinh thì không có đầu mà nảy nở; không có khắc thì phát triển quá độ sẽ có hại. Cần phải có sinh trong khắc, có khắc trong sinh mới vận hành liên tục, tương phản, tương thành với nhau.

Quy luật chế hóa ngũ hành là: mộc khắc thổ, thổ sinh kim, kim khắc mộc.

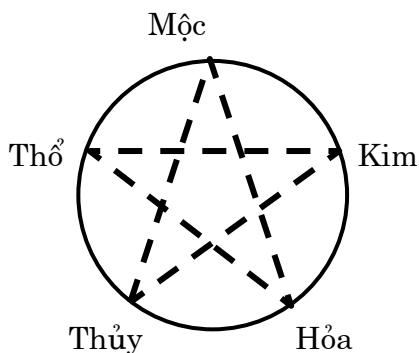
Hỏa khắc kim, kim sinh thủy, thủy khắc hỏa.

Thổ khắc thủy, thủy sinh mộc, mộc khắc thổ.

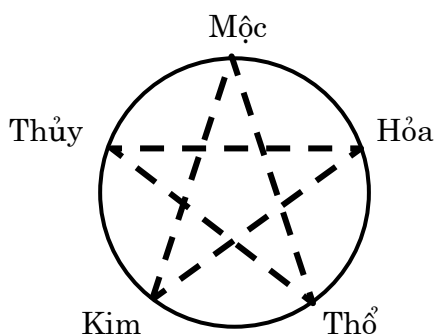
Kim khắc mộc, mộc sinh hỏa, hỏa khắc kim.

Thủy khắc hỏa, hỏa sinh thổ, thổ khắc thủy.

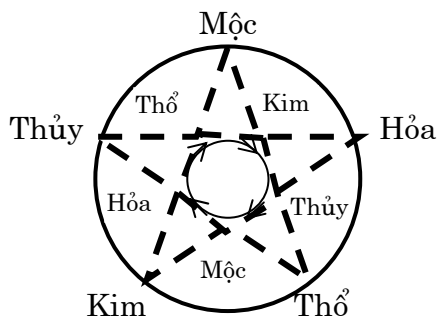
Luật chế hóa là một khâu trọng yếu trong thuyết ngũ hành. Nó biểu thị sự cân bằng tất nhiên phải thấy trong vạn vật. Nếu có hiện tượng sinh khắc thái quá hoặc không đủ thì sẽ xảy ra sự biến hoá khác thường. Sơ đồ dưới đây cho chúng ta thấy mỗi hành đều có mối liên hệ bốn mặt. Cái sinh ra nó, cái nó sinh ra, cái khắc nó và cái bị nó khắc.



a. Ngũ hành tương khắc



b. Ngũ hành tương sinh



c. Quan hệ chế hóa

Nguồn: Đỗ Tất Lợi: Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Sđd.

## **Lục thập hoa giáp là gì? Cách tính năm, tháng, ngày, giờ theo can - chi**

Lục thập hoa giáp là sự kết hợp 6 chu kỳ hàng can với 5 chu kỳ hàng chi thành hệ 60.

Cách tính năm, tháng, ngày, giờ đều theo hệ số đó, gọi là lịch can chi. Có 6 chu kỳ hàng can tức là có 6 con giáp mà mỗi chu kỳ hàng can hay mỗi giáp gồm 10 can (đó là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý) nên gọi là lục thập hoa giáp.

Năm: Hết một vòng 60 năm từ Giáp Tý đến Quý Hợi. Từ năm thứ 61 trở lại Giáp Tý, năm thứ 121, 181... cũng trở lại Giáp Tý. Đó là một điều trở ngại cho việc nghiên cứu sử, nếu không ghi triều vua nào thì rất khó xác định. Một gia đình có ông và cháu cùng một tuổi, có khi tính tuổi cháu nhiều hơn tuổi ông, vậy nên khi tính thành dương lịch cần phải chú ý cộng trừ bội số của 60.

Con số cuối cùng của năm dương lịch ứng với các can:

0: Canh (ví dụ: Canh Tý 1780)	5: Ất (ví dụ: Ất Dậu 1945)
1: Tân (ví dụ: Tân Mùi 1991)	6: Bính
2: Nhâm	7: Đinh
3: Quý	8: Mậu
4: Giáp	9: Kỷ

## **Cách đổi ngày dương lịch ra ngày can - chi**

Ngày can chi theo chu kỳ 60, độc lập không lệ thuộc vào năm tháng âm lịch hay năm tháng can chi (kể cả tháng nhuận). Tính ngày can chi chuyển đổi sang âm lịch rất phức tạp vì tháng âm lịch thiếu đủ từng năm khác nhau, ngược lại tính ngày can chi theo dương lịch đơn giản hơn.

Cách tính ngày dương lịch ra ngày can chi:

Mỗi năm dương lịch có 365 ngày, nghĩa là 6 chu kỳ lục thập hoa giáp cộng thêm 5 ngày lẻ. Năm nhuận có thêm một ngày 29-2 tức là 366 ngày, thì cộng thêm 6 ngày lẻ. Nếu lấy ngày 1-3 là ngày khởi đầu thì các ngày sau đây trong mọi năm cùng can chi giống ngày 1-3: 1-3, 30-4, 29-6, 28-8, 27-10, 26-12, 24-2 năm sau đó. Nếu biết ngày 1-3 (hay một trong bảy ngày trên) là ngày gì, ta dễ dàng tính nhẩm những ngày bất kỳ trong năm (gần với một trong bảy ngày nói trên).

Nếu muốn tính những ngày 1-3 năm sau hay năm sau nữa chỉ cần cộng thêm số dư là 5 đối với năm thường (tức là từ ngày 24 đến ngày 28-2) hoặc là 6 đối với năm nhuận (có thêm ngày 29-2).

Ví dụ ngày 1-3-1995 là ngày Tân Mão, vậy ngày 24-2-1996 cũng là ngày Tân Mão, từ đó tính nhẩm ngày 25-2-1996 là ngày Nhâm Thìn,

ngày 26-2-1996 là ngày Quý Tỵ, ngày 27-2-1996 là ngày Giáp Ngọ, (năm 1996 có số hàng chục hàng đơn vị chia hết cho 4 tức là năm nhuận có ngày 29-2).

Ta đã biết ngày 1-3-1996 là ngày Đinh Dậu vậy ngày 24-2-1997 cũng là ngày Đinh Dậu. Chỉ cần cộng thêm 5 ngày. Ta dễ dàng tính ra ngày 1-3-1997 là ngày Nhâm Dần, theo tính nhẩm = Đinh đến Nhâm hay Dậu đến Dần = 5 ngày.

Ví dụ: Theo cách tính trên ngày 1-3-1997 là ngày Nhâm Dần, ngày 26-12-1997 cũng là ngày Nhâm Dần, vậy ngày 1-1-1998 sẽ là ngày Mậu Thân (sau đó 6 ngày)...

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1990.
2. Cao Lãng, Xiển Trai: *Lịch triều tạp ký tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Phạm Công: “Ông tơ bà nguyệt”, báo *Phụ nữ Hà Nội*, số Xuân Canh Ngọ năm 1990.
4. Cômarốp: *Thiên văn học giải trí*.
5. Bùi Văn Cường: *Nguyễn Khuyến và giai thoại*, Hội Văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh, 1987.
6. Chu Xuân Diên biên soạn: *Tục ngữ Việt Nam*.
7. *Nguyễn Du*, Truyện Kiều.
8. *Đại Việt sử ký toàn thư tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Lê Quý Đôn: *Kiến văn tiểu lục*.
10. Nguyễn Công Hoan: *Truyện ngắn chọn lọc*.
11. Phạm Đình Hổ: *Vũ trung tùy bút*.
12. *Hợp tuyển thơ văn 1858-1920*.
13. Nguyễn Đình Khang: “Tết Nguyên đán”, báo *Đường sắt Việt Nam*, số Xuân năm 1994.

14. *Lịch thế kỷ XX*, Viện Khoa học Việt Nam.
15. Phan Huy Lê: *Quang Trung Nguyễn Huệ - Con người và sự nghiệp*.
16. Đỗ Tất Lợi: *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
17. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ ca dao Việt Nam*.
18. Nhất Thanh: *Đất lề quê thói*, Nxb. Đồng Tháp.
19. *Thọ Mai gia lễ*, Bản chữ Hán của Hồ Sỹ Tân (bản khắc gỗ).
20. *Thơ văn Nguyễn Khuyến*, Nxb. Văn hóa.
21. Trần Hữu Thung: *Bàn về hát ru con*, Ty Văn hóa Thể thao Nghệ Tĩnh.
22. *Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam 1930-1945*, Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp.
23. Các sách Hán văn không lưu tên tác giả:
  - *Yếu lược tuyển trạch nhật*
  - *Đồng công tuyển trạch nhật*
  - *Chủ gia yếu lược trạch nhập tập*
  - *Tân tât xu cát thời biểu*
  - *Nhật cước ký dung*
  - *Nhị thập bát tú*
  - *Vạn bảo toàn thư*
  - *Ngọc Hạp ký*
  - *Cát hung tinh nghi ký*
  - *Phùng Thị cảm nang bí lục*



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Cùng bạn đọc</i>	7
<b>I. Hôn nhân</b>	9
- Nam nữ thụ thụ bất thân nghĩa là gì?	9
- Mối lái là gì?	10
- Lễ vấn danh có ý nghĩa gì?	12
- Nên hiểu “Lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống” như thế nào?	14
- “Giọt máu đào” trong hôn nhân?	15
- Sự tích tơ hồng	17
- Tục thách cưới	18
- Bánh su sê hay bánh phu thê?	21
- Tiền nạp cheo là gì?	22
- Cách gỡ bí cho bạn trẻ khi lo đám cưới	23
- Cô dâu trước khi về nhà chồng cần phải có những thủ tục, động tác gì?	24
- Lễ xin dâu và thủ tục tiến hành	26
- Mẹ chồng làm gì khi con dâu bắt đầu về nhà?	27
- Tại sao mẹ cô dâu kiêng không đi đưa dâu?	29
- Tại sao trong gói quà mẹ cho con gái trước giờ vu quy có một chiếc trâm hay bảy chiếc kim?	30

- Tại sao phải có phù dâu?	31
- Lễ lại mặt có ý nghĩa gì?	32
- Khi người đàn bà tái giá có những thủ tục gì?	33
- Tại sao “nạ dòng” không lấy được “traai tơ”?	37
- Quan hệ vợ cả - vợ lẽ trước đây	38
<b>II. Sinh - dưỡng</b>	40
- Dạy con từ thuở còn trong bụng mẹ	40
- Tại sao có tục xin quần áo cũ cho trẻ sơ sinh?	42
- Con so về nhà mạ, con rạ về nhà chồng - Tại sao?	43
- Tại sao khi mới sinh ra chưa đặt tên chính (tên húy)?	45
- Tại sao tuổi trong khai sinh, trong văn bằng không đúng với tuổi thực?	47
- Làm lễ yết cáo tổ tiên xin đặt tên cho con vào sổ họ như thế nào?	48
- Con nuôi	49
<b>III. Giao thiệp</b>	55
- Xưng hô thế nào cho đúng?	55
- Vợ chồng xưng hô với nhau thế nào?	57
- Cách xưng hô trong họ	58
- Phải chăng lời chào cao hơn mâm cỗ?	60
- “Nhập gia vãn húy” nghĩa là gì?	61
- Ai vái lạy ai?	63
- Không thầy đồ mầy làm nên	65
- Miếng trầu là đầu câu chuyện	72
- Tục nhuộm răng và cách nhuộm răng đen	74
- Tại sao gọi là tóc thề?	76
- Màu sắc với truyền thống văn hóa dân tộc	76
- Vì sao có tục bán mở hàng?	78

<b>IV. Đạo hiếu</b>	82
- Đạo hiếu là gì? Đạo hiếu theo quan niệm xưa và nay?	82
- Tục khao lão	89
- Yến lão	90
- Việc họ	93
- Ruộng hương hỏa	96
- Tộc trưởng xưa và nay khác nhau như thế nào?	98
- Thờ vọng và cách lập bàn thờ vọng	99
- Hợp tự là gì? Tại sao phải hợp tự?	102
- Gia phả là gì?	104
<b>V. Việc tang</b>	109
- Thọ Mai gia lễ là gì?	109
- Ba cha, tám mẹ là những ai?	110
- Chúc thư là gì?	111
- Cư tang là gì?	112
- Vì sao có tục mũ giai, đai chuỗi và chống gậy?	113
- Ngũ phục là gì?	114
- Cha mẹ có để tang con không?	121
- Tại sao có tục kiêng không để cha mẹ đưa tang con?	122
- Đám tang trong ngày Tết tính liệu ra sao?	123
- Cưới bên tang là gì?	123
- Người dự đám tang nên như thế nào?	125
- Đi đường gặp đám tang nên như thế nào?	125
- Người sắp chết có những dấu hiệu gì báo trước?	126
- Thân nhân hấp hối, người nhà cần làm gì?	127
- Sau khi thân nhân mất, gia đình cần làm những gì?	128
- Tại sao có tục hú hồn trước khi nhập quan?	132

- Trường hợp chết đã cứng lạnh, người co rúm không bỏ lọt áo quan thì làm thế nào?	132
- Người xưa dùng những vật gì lót vào áo quan?	133
- Tại sao phải đề phòng “quỷ nhập tràng”?	133
- Sau lễ thành phục, trước khi an táng phải làm những gì?	134
- Điều hành công việc lễ tang	137
- Lễ an táng tiến hành như thế nào?	139
- Hơi lạnh ở xác chết, cách phòng?	140
- Lễ ba ngày (Lễ tế ngu)	142
- Tại sao có lễ cúng cơm trong 100 ngày?	143
- Lễ chung thất và tốt khốc có phải chọn ngày không?	146
- Lễ nào là lễ trọng?	146
- Khi hết tang làm lễ trừ phục (đàm tế) như thế nào?	148
- Vì sao có tục đốt vàng mã?	149
- Chiêu hồn nạp táng là gì?	150
- Hình nhân thế mạng là gì?	151
- Tại sao phải cải táng? Những trường hợp nào không nên cải táng?	152
- Thiên táng là gì?	155
- Đất dưỡng thi là gì?	156
- Tại sao kiêng đắp mộ trong vòng tang?	157
- Tại sao cải táng mộ thường tiến hành khi chưa có ánh sáng mặt trời?	157
- Ma trời hay ma chơi?	158
- Tại sao, tại sao và tại sao?	159
<b>VI. Giỗ, tết, tế lễ</b>	162
- Bái vật là gì?	162

- Lễ cúng giỗ vào ngày nào?	164
- Mấy đời tống giỗ?	165
- Trường hợp chết yếu có cúng giỗ không?	166
- Cúng giỗ	167
- Tết Nguyên đán có từ bao giờ?	168
- Ngày Tết có những phong tục gì?	169
- Vì sao kiêng hót rác đổ đi trong ba ngày Tết?	175
- Tại sao cúng giao thừa ở ngoài trời?	175
- Tại sao có Tết Hàn thực (mồng 3 tháng 3)?	177
- Tại sao có Tết Đoan ngọ (mồng 5 tháng 5)?	177
<b>VII. Về âm - dương, ngũ hành</b>	179
- Thế nào là âm - dương, ngũ hành?	179
- Lục thập hoa giáp là gì? Cách tính năm, tháng, ngày, giờ theo can - chi	186
- Cách đổi ngày dương lịch ra ngày can - chi	187
<i>Tài liệu tham khảo</i>	189

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
TS. NGUYỄN DUY HÙNG  
Chịu trách nhiệm nội dung:  
LƯU XUÂN LÝ

Biên tập nội dung: TS. ĐỖ QUANG DŨNG  
ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ  
HOÀNG THỊ THU HƯỜNG  
NGUYỄN THỊ CHÍNH  
NGUYỄN MINH NGHĨA  
Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG  
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG  
Sửa bản in: TUỆ VIÊN  
Đọc sách mẫu: THU HƯỜNG



**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT** - 12/86 phố Duy Tân, Cầu Giấy - Hà Nội  
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, E-mail: [suthat@nxbctqg.vn](mailto:suthat@nxbctqg.vn), website: [www.nxbctqg.vn](http://www.nxbctqg.vn)

## TÌM ĐỌC

GS. NGND. TRẦN VĂN GIÀU

- Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam

GS. TS. NGUYỄN VĂN HUYỀN (Chủ biên)

- Con người chính trị Việt Nam - Truyền thống và hiện đại

GS. PHAN ĐẠI DOÃN

- Làng xã Việt Nam – Một số vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội

